

THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de publication: Nguyễn Văn Huy

ISSN 1145-9557 - Số 196 - Năm thứ 18, tháng 10.2005



Xã luận

MÔ THỨC TRUNG QUỐC ?

Hai tài liệu căn bản của Đảng Cộng Sản Việt Nam được chuẩn bị cho Đại hội 10 sắp tới, dự thảo báo cáo chính trị và dự thảo sửa đổi điều lệ đảng, cùng nói lên một điều : chế độ cộng sản Việt Nam tiếp tục rập khuôn theo mô hình Trung Quốc.

Nhưng mô hình Trung Quốc là gì ? Nó là một chính sách tăng trưởng bất chấp con người, môi trường và liên đới xã hội, với kết quả dễ nhìn thấy và hậu quả không khó dự đoán. Mức tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc là gần 10%, nhưng đem phúc lợi cho ai? Lợi tức bình quân trên mỗi đầu người của Trung Quốc được ước tính là trên 1.000 USD, nhưng một người thợ chỉ được không tới 1.000 USD mỗi năm để nuôi vợ con. Cách biệt giữa các tỉnh còn thê thảm hơn, và càng ngày càng gia tăng. Các tỉnh bờ biển bóc lột các tỉnh lục địa trong khi các tỉnh lục địa ghen tức với các tỉnh bờ biển. Môi trường bị hủy hoại với tốc độ chóng mặt, sa mạc đã tiến tới sát Bắc Kinh. Gần 200 triệu người không có sự hiện hữu chính thức vì không giấy tờ, di lang thang từ thành phố này sang thành phố khác, sống bằng những công việc tạm bợ và ở trong những khu ổ chuột dơ bẩn. Tuyệt đại đa số người Trung Quốc vẫn rất cơ cực, và hơn thế nữa còn bị từ chối những quyền căn bản của con người. Sự giàu có chỉ tập trung ở một số tỉnh và trong tay một thiểu số vài ngàn người trong một quốc gia gần một tỷ rưỡi người.

Người dân Trung Quốc có lý do nào để quan tâm tới một đất nước không phải là của họ ? Các tỉnh của Trung Quốc có lý do nào để tự coi là thuộc cùng một

quốc gia ? Đã thế, với chính sách để cho đảng, quân đội và công an kinh doanh mà chế độ cộng sản Việt Nam bắt chước một cách đại dột, Trung Quốc còn tạo ra những nhà nước trong nhà nước. Sở dĩ Trung Quốc vẫn còn chưa tan vỡ là vì người dân đã quá khổ cực trước đây trong các chính sách Bước Nhảy Vọt và Cách Mạng Văn Hóa, trong đó cả nước cùng cực và hơn 50 triệu người chết đói. Nhưng ngay khi người Trung Quốc ra khỏi được sự đói kém để có ý thức về thân phận của họ thì Trung Quốc sẽ không tránh khỏi tan vỡ trong bạo loạn. Tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc chỉ là tăng trưởng bằng bóc lột trắng trợn, dã man và bằng sự hủy hoại môi trường và giềng mối dân tộc. Nó giống như một lực sĩ cố đạt thành tích bằng thuốc kích thích. Một lúc nào đó sẽ đứng tim và chết. Đó hoàn toàn không phải là một kiểu mẫu. Đó là một mô hình đưa tới phá sản chắc chắn.

Đối với Việt Nam, việc áp dụng mô thức Trung Quốc còn nguy hiểm hơn. Việt Nam không có niềm kiêu hãnh nước lớn của Trung Quốc để gấn bó không điều kiện trong một cộng đồng dân tộc. Người Việt Nam cũng đã tiếp xúc với phương Tây trong một thế kỷ và có ý thức rõ rệt hơn hẳn người Trung Quốc về các giá trị dân chủ và nhân quyền. Sự phẫn nộ sẽ đến sớm hơn và mạnh mẽ hơn, và nếu những nguyện vọng chính đáng không được thỏa mãn thì đất nước sẽ lâm vào thảm kịch.

Mô hình Trung Quốc tự nó đã tồi dở, nó càng nguy hại hơn nếu Đảng Cộng Sản Việt Nam tiếp tục mê muội đem áp dụng tại Việt Nam.

Thông Luận

TRUNG TÂM PHÁT SINH NHỮNG NGUỒN DỊCH BỆNH LỚN

Với những phát hiện liên tục về các bệnh truyền nhiễm từ sida, viêm phổi cấp tính (sars) đến dịch cúm gà, khuẩn tuyến trùng heo, và gần đây là những bệnh lạ ở các tỉnh nằm sâu trong lục địa, Trung Quốc ngày nay là quốc gia xuất phát nhiều dịch bệnh nguy hiểm nhất thế giới.

Bệnh sida do tiêm thuốc phiện và bán máu

Năm 2002 Tổ chức Y tế Quốc tế (WHO) tiên đoán rằng đến năm 2010 số bệnh nhân mắc bệnh sida tại Trung Quốc sẽ trên 10 triệu người, con số đó ngày nay đã gần đạt tới, hiện tại gần 8 triệu người đang mắc bệnh. Cùng thời gian, tạp chí *Time*, ấn bản Mỹ, cho biết: số người nghiện ma túy ở Trung Quốc lên đến 7 triệu người, con số này ngày nay ở dưới xa sự thật, phải trên 20 triệu người mới đúng. Trước những sự thật hiển nhiên đó, chính quyền Trung Quốc chỉ nhìn nhận khoảng 650.000 người mắc bệnh sida, còn số người nghiện ma túy hoàn toàn không được nhắc tới.

Nạn nhân chết vì bệnh sida đầu tiên tại Trung Quốc được nhìn nhận năm 1985. Lúc đó sự hiểu biết của dân chúng về bệnh này còn rất nghèo nàn, người ta đặt tên là "ái tử", nay là "phù tử", nghĩa là do đồng tính luyến ái và loạn giao gây ra. Bắc Kinh cũng chưa có một đối sách nào để đề phòng và phủ nhận sự xuất hiện của bệnh này trong suốt thập niên 1980. Trước thảm họa này, cả Trung Quốc gần như không có bệnh viện chuyên khoa nào để chữa trị, riêng Bắc Kinh chỉ có ba bệnh viện. Phần lớn các gia đình khá giả có con em mắc bệnh đều sang Nhật để chữa trị.

Nguồn gây bệnh sida lớn nhất (43,9%) đến từ các ống chích thuốc phiện. Số nạn nhân nhiễm bệnh nhiều nhất là ở các tỉnh Hà Nam, Vân Nam, Quảng Tây (nơi sản xuất á phiện), Quảng Đông, Tân Cương, An Huy, Hồ Bắc, Tứ Xuyên, Hải Nam, Bắc Kinh (nơi tiêu thụ thuốc phiện). Giới nghiện ngập là thành phần nghèo nông thôn và lao động thành thị.

Nguyên nhân nhiễm bệnh thứ hai (24,1%) là nguồn máu mua từ các vùng nông thôn nghèo khó. Tại đây, không những các chính quyền, các sở vệ sinh, bệnh viện địa phương (Hà Nam, An Huy, Quảng Tây), mà cả đến các sở công an tỉnh, đều khuyến khích dân chúng bán máu để... xuất khẩu. Riêng tỉnh Hà Nam, có 230 trung tâm lấy máu. Vấn đề là các cơ quan này không có đủ phương tiện bảo đảm vệ sinh nên mỗi ống tiêm máu được dùng liên tiếp cho nhiều người. Tại những vùng thôn quê nghèo khó, bán máu là một dịch vụ có thu nhập cao hơn sản xuất nông nghiệp. Có người bán máu tới bốn lần trong tháng.

Nguồn gây bệnh thứ ba (19,8%) là sự giao hợp mất vệ sinh tại nông thôn và những khu lao động, do không biết dùng bao cao su. Nguồn gây bệnh thứ tư (11,1%) là sự loạn giao trong giới đồng tính luyến ái (20 triệu người).

Các loại kỳ bệnh Vân Nam - Tứ Xuyên - Thanh Hải

Gần đây một nhóm chuyên viên Liên Hiệp Quốc vừa

phát hiện ra một loại bệnh kỳ lạ. Người nhiễm bệnh bị suy nhược rồi chết dần trong một thời gian ngắn. Bệnh này lây lan rất nhanh chóng và hiện nay chưa có thuốc điều trị hay phòng ngừa hữu hiệu, các loại trụ sinh hiện có đều vô hiệu.

Dịch bệnh này phát triển mạnh ở Vân Nam và khu sản xuất thuốc phiện gần vùng biên giới Miến Điện. Lúc đầu dịch bệnh xuất phát từ giới mãi dâm, sau đó lây lan sang những người khác qua các ống tiêm thuốc phiện và kim lấy máu. Đa số gái bán dâm trong khu vực này (hơn 30 triệu người) thuộc những sắc tộc thiểu số nghèo khó, giá một lần bán dâm là 5 CNY (0,8 USD). Địa điểm bán dâm tập trung quanh các khu lao động và doanh trại quân đội; tại các thành phố lớn, các điểm bán dâm ẩn sau các tiệm hớt tóc, mát-xa, karaoke. Phần lớn những người mắc bệnh này là người Hán, các sắc tộc thiểu số, kể cả gái mãi dâm, có tính miễn kháng mạnh đối với thuốc phiện nên ít bị ảnh hưởng.

Cuối tháng 7 vừa qua, chính quyền thành phố Tứ Dương, tỉnh Tứ Xuyên, cho biết có 32 người chết vì một bệnh sốt xuất huyết lạ mà dân chúng địa phương gọi là "kỳ bệnh Tứ Xuyên". Người mắc bệnh lên cơn sốt, ói ra máu, sau đó hôn mê bất tỉnh, máu từ trong da thẩm ra ngoài rồi kiệt sức chết. Đa số nạn nhân là những nông dân mổ giết heo và dê bị bệnh để lấy thịt. Quân đội đã được cử tới để phong tỏa nguồn bệnh lây lan sang những nơi khác.

Tứ Xuyên là nơi sản xuất thịt heo ngon nổi tiếng, vừa rẻ vừa ít mỡ. Thịt heo Tứ Xuyên được xuất khẩu sang Hong Kong, Đại Hàn, Bắc Triều Tiên và Nga. Nhưng những tỉnh và thành phố tiêu thụ thịt heo Tứ Xuyên nhiều nhất là ở Trung Quốc: Quảng Đông, quân khu Quảng Châu, thành phố Thẩm Quyến. Hiện nay tất cả những nơi này đều ngưng nhập thịt heo Tứ Xuyên, nhưng chưa có biện pháp phòng ngừa hữu hiệu. Bắc Kinh cấm báo chí, các đài truyền hình, truyền thanh, Internet loan tin về bệnh lạ này.

Giữa tháng 5-2005, người ta phát hiện khoảng 6.000 chim trời nằm chết quanh một hồ lớn nhất tỉnh Thanh Hải. Trên vết hằn và lỗ bài tiết của các loài chim này xuất hiện một loại vi khuẩn H5N1 biến dạng mới, phản ứng lại với tất cả các thuốc kháng sinh hiện có. Cũng nên biết hồ Thanh Hải và khu vực sinh thái chung quanh là nơi di trú của các loài di điểu đến đây sinh nở và nuôi con, từ tháng 9 trở đi chúng bay sang châu Âu và xuống đến tận Tân Tây Lan. Cả thế giới đều đề phòng nhưng quá muộn: khoảng 1.500 chim di nằm chết quanh hồ Baikal (Nga), hơn 100 xác chim khác được tìm thấy tại khu tự trị Tây Tạng. Một số gà vịt tại hai tỉnh Oitô và Yamaguchi (Nhật) đã bị nhiễm bệnh từ các loài di điểu đến từ Sơn Đông, Trung Quốc.

Những nguồn dịch bệnh này là một tai họa lớn cho cả thế giới. Chúng là hậu quả của chính sách phát triển bất chấp môi sinh và sự an toàn của các lân bang. Nếu đà này tiếp tục, sự tồn tại của Trung Quốc là một dấu hỏi lớn.

Nguyễn Minh (Tokyo)

Troi dat

Nguyễn Gia Kiểng

Báo cáo chính trị của Đảng Cộng Sản Việt Nam còn được chính họ gọi là cương lĩnh. Đúng ra là phải như thế. Đây là một tài liệu có mục đích kiểm điểm những thành quả của giai đoạn 5 năm vừa qua, nhận định bối cảnh quốc gia và thế giới, và trình bày chương trình chính trị cho giai đoạn sắp tới. Nó phải là một cương lĩnh chính trị.

Nhưng lần này, còn rõ ràng hơn những lần trước, báo cáo chính trị không phải là một cương lĩnh chính trị, mà cũng không có ngay cả giá trị của một bản báo cáo bình thường.

Trước hết, hãy nói sơ qua về bố cục và cách hành văn. Báo cáo chính trị dài 27 trang khổ A4, gồm 14 phần. Hai phần đầu là để kiểm điểm kết quả 5 năm qua (7 trang) và đánh giá 20 năm đổi mới (1,5 trang). Phần thứ ba có tiêu đề : "Mục tiêu và phương hướng phát triển đất nước 5 năm 2006-2010 và đến năm 2020" (2 trang). Mười một phần sau nói về các chính sách cụ thể. Không có dẫn nhập và cũng không có kết luận. Người ta có thể phân vân về bố cục. Các phần này được xếp ngang hàng với nhau và đánh số La Mã, từ I đến XIV, thay vì đặt các chính sách chi tiết vào phần ba. Ngay cả tiêu đề của phần thứ ba này cũng được viết một cách luộm thuộm. Đó là mục tiêu và phương hướng cho 5 năm hay cho 15 năm ? Ngay tiêu đề đã không chính như vậy thì những câu văn tối nghĩa, dài lòng thòng, bất chấp văn phạm đầy rẫy trong tài liệu. Bản dự thảo sửa đổi điều lệ của đảng cũng không khác. Không thiếu những câu như (điều 36, nguyên văn) : "Để tăng cường trách nhiệm quản lý của chi bộ đối với tất cả đảng viên, kể cả cấp ủy viên các cấp, đảng viên là cán bộ diện cấp ủy cấp trên quản lý khi vi phạm về phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên (trừ nhiệm vụ do cấp trên giao)".

Dù chỉ là hình thức, nhưng một đảng có tới hai triệu rưỡi đảng viên và đã cầm quyền trong 60 năm, trong đó có 30 năm hòa bình, mà diễn đạt như vậy thì thật là khó hiểu. Càng khó hiểu khi người chủ trì ủy ban soạn thảo các văn kiện là ông Nguyễn Phú Trọng (ủy viên bộ chính trị, chủ tịch ủy ban lý luận trung ương, cựu tổng biên tập Tạp Chí Cộng Sản, cựu giám đốc Học Viện Chính Trị Quốc Gia Hồ Chí Minh), có học vị "giáo sư tiến sĩ" về môn Văn ! Điều này đặt ra một dấu hỏi lớn cả về trình độ của những người lãnh đạo cộng sản lẫn về giá trị của các học vị.

Về nội dung, bản báo cáo chính trị hoàn toàn không có những phân tích, cũng chẳng có tầm nhìn nào. Nó giống như một bản liệt kê mẫu hàng, thấy cái gì tốt, nên làm thì cứ ghi vào, không biện luận tại sao phải làm, có làm được

không, làm như thế nào, theo thứ tự ưu tiên nào, v.v.

Không thể giải thích một cách giản dị là những người soạn thảo các văn kiện này thiếu văn hóa. Bất cứ một nhà báo trung bình nào cũng có thể viết, và viết hay hơn, báo cáo chính trị này trong vòng một hai ngày. Lý do là cả Nguyễn Phú Trọng lẫn các phụ tá của ông không biết phải viết gì, vì chính họ cũng không biết đảng có định hướng nào. Cuối cùng họ đã viết cho có, viết tất cả những gì mà họ thấy không gây ra vấn đề với bất cứ ai, bất chấp những điều đó có hợp lý hay không.

Thí dụ : "Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện đồng bộ kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; giải quyết tốt các vấn đề xã hội ; phát triển văn hóa, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ ; phát triển nguồn nhân lực, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường sinh thái ; tăng cường quốc phòng và an ninh ; mở rộng quan hệ đối ngoại. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, có hiệu lực cao ; gắn kết chặt chẽ xây dựng và chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng với xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân" (Báo cáo chính trị, tr. 10).

Đây không phải là một đoạn đặc biệt. Toàn bộ tài liệu được viết như thế. Nhưng viết mà không có ý kiến và lòng tin thì không tránh khỏi những câu ngây ngô : "Thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân tiếp tục được củng cố" (tr. 4), hay "đẩy mạnh xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố" (tr. 18). Tại sao lại phải đẩy mạnh, quân thù nào đe dọa đánh chiếm thành phố Biên Hòa hay tỉnh Đồng Nai ?

Có những câu được viết một cách văn hoa để che đậy một sự thực không tiện nói thẳng ra : "Việc kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng ở một số địa bàn được thực hiện có hiệu quả". Vấn đề được đề cập ở đây là quân đội làm kinh doanh. Quân đội có khách sạn, có công ty du lịch, công ty xây dựng, vận tải, may mặc, v.v. Đây là một tình trạng cần phải chấm dứt. Một quân đội làm kinh tế là một quân đội kinh doanh dở nhưng không còn khả năng chiến đấu. Chính câu vừa dẫn cũng nhìn nhận quân đội kinh doanh bê bối bởi vì chỉ có "ở một số địa bàn" là có hiệu quả.

Cũng cần lưu ý là Việt Nam ngày nay không phải chỉ có bốn dạng sở hữu (nhà nước, tập thể, tư nhân, hỗn hợp) thể hiện qua các công ty tư nhân, công ty nhà nước, công ty hợp doanh như bản báo cáo chính trị viết ở cuối trang 11. Cụm từ "công ty nhà nước" được dùng để chỉ ngay cả những công ty không thuộc nhà nước. Đó là những công ty kinh tài của đảng cộng sản, của công an, của quân đội. Các công ty này chỉ đóng thuế lấy lệ cho nhà nước. Đảng, công an, quân đội trên thực tế là những nhà nước trong nhà nước ; riêng đảng cộng sản còn khống chế luôn nhà nước.

Sự mâu thuẫn và vô lý của cái gọi là "kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" được bộc lộ rõ ràng ngay đầu phần IV dành cho khái niệm này : "Nhà nước tôn trọng những yêu cầu khách quan của nền kinh tế thị trường và

định hướng sự phát triển bằng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách và luật pháp" (Báo cáo chính trị, tr. 11). Thị trường bị gò ép bằng một loạt những chiến lược, qui hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách thì còn được tôn trọng ở chỗ nào ? Đây không phải chỉ là câu viết cho có lệ của người không biết phải viết gì mà còn là một đe dọa cho hoạt động kinh doanh. Nhà nước muốn kiểm soát hoạt động kinh doanh bằng những chiến lược, qui hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách nhưng lại chưa biết mình muốn gì. Như thế có nghĩa là các doanh nghiệp bị chi phối bởi những qui hoạch và kế hoạch mà họ không được biết trước.

Ông Võ Văn Kiệt đã lưu ý rất đúng là không thể vừa nói không có phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế vừa khẳng định "*kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo*" (Báo cáo chính trị, tr. 12).

Toàn bộ chính sách "*kinh tế đối ngoại*" chỉ có một câu "*tăng nhanh tổng kim ngạch xuất khẩu và chất lượng hàng xuất khẩu, đặc biệt là những mặt hàng có thế mạnh và tiềm năng lớn*". Ai không muốn tăng nhanh, nhưng làm thế nào để tăng nhanh ?

Cả báo cáo chính trị lẫn dự thảo sửa đổi điều lệ đảng khẳng định quyết tâm không đổi mới về chính trị. Vẫn kiên trì chủ nghĩa Mác Lênin và "tư tưởng Hồ Chí Minh", vẫn kiên trì xây dựng chủ nghĩa xã hội như một chặng đường tiến lên chủ nghĩa cộng sản, vẫn độc quyền lãnh đạo. Nhưng chủ nghĩa xã hội này là gì thì vẫn chưa rõ rệt vì sau 75 năm hoạt động và 60 năm cầm quyền và nhờ nhiều cố gắng học tập Đảng Cộng Sản Việt Nam chỉ mới nhận xét : "*nhận thức của đảng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn*". Một cụm từ đã đi vào dĩ vãng từ khá lâu rồi lại được tái sinh và nhắc lại nhiều lần : "*dân chủ xã hội chủ nghĩa*". Khái niệm này không được định nghĩa nhưng người đọc giữa hai dòng chữ có thể hiểu nó mô tả sự lẩn tránh giữa một mặt là trào lưu dân chủ hóa không thể chống lại và mặt khác là sự ngoan cố giữ lấy độc quyền chính trị bằng lý cơ "chủ nghĩa xã hội". Cũng phải ghi nhận là so với những báo cáo chính trị của các đại hội trước, những đoạn chống xét lại, hữu khuynh, cơ hội chủ nghĩa đã giảm hẳn. Chủ trương chống "diễn biến hòa bình" và các "âm mưu" lợi dụng các vấn đề dân chủ, nhân quyền, tôn giáo đã chỉ được nói tới ngắn ngủi trong vài dòng.

Bản báo cáo chính trị đã không vạch ra những vấn đề lớn của đất nước và những giải pháp phải có, và cũng không đưa ra được một cái nhìn nào về những vấn đề này. Giải thích hợp lý nhất là không có đồng thuận trong đảng.

Ba vấn đề quan trọng nhất của đất nước hôm nay là dân chủ hóa, thực hiện hòa giải dân tộc và chống tham nhũng. Trên cả ba vấn đề này, Đảng Cộng Sản Việt Nam đều không có giải đáp.

Dân chủ là điều bắt buộc phải tới vì là xu thế không thể đảo ngược được của thế giới và cả ngay tại Việt Nam. Xã hội dân sự dần dần tự cởi trói. Các phương tiện truyền

thông và sức công phá phối hợp của nhân dân Việt Nam và dư luận thế giới đã chọc thủng, dù chưa làm sập hẳn, bức tường bưng bít từ lâu vẫn là thành lũy bảo vệ chế độ. So sánh lực lượng giữa đảng cộng sản và xã hội dân sự ngày càng bất lợi cho đảng cộng sản. Điểm thăng bằng có lẽ đã được vượt qua, dù chưa được nhận thức. Khi không còn đủ sức duy trì sự khống chế nữa mà vẫn cố duy trì thì chỉ là một sự đại đột. Đa số đảng viên cộng sản biết như thế nhưng ban lãnh đạo đảng vẫn chưa thể quyết định dân chủ hóa. Họ sợ những hậu quả.

Sự lo sợ này là đúng vì Việt Nam đã tích lũy quá nhiều hận thù sau 30 năm chiến tranh và 30 năm phân biệt đối xử. Đảng cộng sản cũng đã phạm quá nhiều sai lầm, kể cả những sai lầm đẫm máu. Việt Nam cần, và đảng cộng sản còn cần hơn, một chính sách hòa giải dân tộc thực sự và quả quyết. Nhưng điều này đảng cộng sản không thể làm một mình vì không thể tự mình ân xá cho chính mình. Nguyên nhân của cả hai cuộc chiến này, làm gần 5 triệu người thiệt mạng, cũng như những sai lầm nghiêm trọng khác - thủ tiêu vô số đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đại Việt, Cải Cách Ruộng Đất, Nhân Văn-Giai Phẩm, tập trung cải tạo đối với quân nhân và công chức miền Nam, đánh tư sản, tổ chức vượt biên bán chính thức - là tham vọng độc quyền thống trị. Còn duy trì chế độ độc đảng là còn tiếp tục ngoáy dao vào những vết thương phải được hàn gắn này.

Chống tham nhũng không thể chỉ giản dị bằng những biện pháp hành chính và kỷ luật như được trình bày trong báo cáo chính trị. Tham nhũng là lợi dụng công quyền cho lợi ích cá nhân. Nó là hậu quả tất nhiên của một chế độ độc tài độc đảng, không đối trọng và mất lý tưởng. Ngoan cố duy trì chế độ độc tài và khư khư giữ lấy một chủ nghĩa Mác-Lênin không còn thuyết phục được ai, kể cả các ủy viên bộ chính trị và ban chấp hành trung ương, là nuôi dưỡng tham nhũng. Và hiện nay còn chức vụ nào, dù là trong bộ máy đảng hay trong bộ máy nhà nước, mà không phải mua mới có được ? Những người có chức vụ nhờ tham nhũng làm sao có thể chống tham nhũng ? Thực tế là tham nhũng tiếp tục gia tăng một cách đáng sợ.

Tất cả những vấn đề này ban lãnh đạo cộng sản đều hiểu, và hiểu rất rõ. Nhưng họ không dám và cũng không có đủ đoàn kết nội bộ để có những giải đáp thực sự. Từ chỗ không muốn giải quyết họ đã đi đến chỗ không thể giải quyết.

Tất cả những gì đảng cộng sản có thể làm một mình là chống đỡ để kéo dài càng lâu càng hay. Đảng cộng sản như một con tàu không la bàn trôi dạt trên một biển đầy sóng gió.

Đảng cộng sản không còn nhiều thì giờ. Câu hỏi mà những người cộng sản lương thiện phải đặt ra trong dịp đại hội 10 này là đảng cộng sản có ích lợi gì khi nó không có giải đáp cho những thách thức lớn của đất nước, không bảo đảm được tự do, công lý và môi trường, và cũng không bảo vệ được sự toàn vẹn của lãnh thổ.

Nguyễn Gia Kiểng

NHÂN SỰ, CUỘC ĐẤU ĐÁ GIÀNH NGÔI THỨ ĐÃ KHỞI ĐẦU

Bùi Tín

*** Hội nghị tổ chức toàn đảng * Buôn quan bán chức thời cực thịnh * Về về về ve... * Một vở kịch giữa Nhà hát lớn * Khi thần hết thiêng * Đại hội của những ẩn số ***

Cuộc lựa chọn nhân sự cho Đại hội 10 đã chính thức khởi đầu. Các đại hội đảng cộng sản Việt Nam bao giờ cũng có hai phần chính : phần thảo luận để ra các nghị quyết về nội dung đường lối, chính sách, và phần bầu ra ban chấp hành trung ương mới, bộ chính trị mới và ban kiểm tra trung ương mới. Phần trên thường được gọi là phần "văn kiện" và phần sau là phần "nhân sự". Phần "nhân sự" thường được các đại biểu quan tâm đến nhiều hơn, có lẽ theo tập quán thích làm quan, mê đẳng cấp, ham "xôi thịt" của xã hội phong kiến.

Cuộc đấu đá đã khởi đầu

Hội nghị toàn quốc ngành tổ chức của đảng cộng sản đã khai mạc sáng 15-9-2005 tại Hà Nội, quy tụ các bí thư (hoặc phó bí thư) tỉnh-thành ủy, bí thư đảng ủy-đảng đoàn và các trưởng ban tổ chức-vụ trưởng tổ chức trong toàn đảng, để nghe phổ biến, hướng dẫn và thảo luận về "quy trình giới thiệu nhân sự ban chấp hành trung ương khóa 10". Tổng bí thư Nông Đức Mạnh kiêm trưởng tiểu ban nhân sự Đại hội 10 chủ trì cuộc họp.

Các nhà báo trong nước nhận xét "thị trường ăn chơi" của thủ đô nhộn nhịp hẳn lên, vì hơn 400 vị tai to mặt lớn nhất trong ngành tổ chức của đảng đổ về thủ đô đúng dịp Trung thu ; họ là những khách tiêu xài rộng rãi, sành sỏi nhất nước, vì trong thời đổi mới nhá nhem, việc buôn quan bán chức đang ở thời cực thịnh. Áo họ có túi ba gang căng phồng, ống tay áo thùng thình, có thể từ đó rút ra vụ trưởng này, bộ trưởng nọ, bí thư tỉnh ủy kia, chủ tịch tỉnh khác, cho đến ủy viên trung ương đảng và cả ủy viên bộ chính trị...

Thế là cuộc đấu đá khởi đầu ngay sau lời huấn thị của ông Mạnh. Trong cuộc họp có hơn 20 tổ có thư ký ghi chép đầy đủ. Thật đen đủi cho ông tổng bí thư, ý kiến các nhà tổ chức đều rất bất lợi cho ông, trong tất cả các tổ. Họ cho rằng ngay tại Đại hội 9, ông Mạnh đã hai lần từ chối chức vụ quá lớn này, và chính ông cũng chỉ xin làm một cách tạm thời ; ba năm nay, ông quả thật vẫn còn lúng túng, nói năng theo công thức, không có tư duy lãnh tụ, người nghe phát chán ; có tổ có ý kiến rằng ông Mạnh là tổng bí thư yếu kém nhất về mọi mặt, chỉ vì lúc ấy các nhóm trong bộ chính trị hục hặc nhau (nhóm ông Phiêu, nhóm ông Mười, nhóm ông Lương) nên ông Mạnh đứng chơ vơ lại vớ bở ; nay ông lại muốn ngôi lý vì cái khoái hưởng thụ chứ không phải muốn phục vụ ; có tổ cho rằng chuyển ông sang ghế chủ tịch nước cũng không ổn, vì đạo đức ông có vết : ông vùi vãnh việc xây một sân trượt băng và 7 kilômét đường nhựa vào nhà ông ở Nà Rì (Bắc Cạn), chỉ để lấy "le", tốn kém vô kể, điều mà cụ Hồ, ông Duẩn, ông Trường Chinh,

ông Linh... đều không hề đặt ra.

Về dân gian

Nhân hội nghị tổ chức toàn đảng, các quán cà phê và câu lạc bộ Ba Đình, sát nơi họp, lại có dịp bàn tán rôm rả. Họ nhắc đến mấy câu về : "*Hoan hô anh Phạm văn Trà ; Ba nhà, ba vợ, vẫn là trung ương !* Rồi kể thêm : "*U mê, lẫn lú là Nguyễn Phú Trọng, Hung hăng lý lợm là Nguyễn Khoa Diễm, Buôn bán chức quyền là Trần Đình Hoan, Mưu toan phần trác là Lê Văn Dũng* (có tham vọng thay Trà).

Có tin Nguyễn Khoa Diễm rất thèm cái ghế chủ tịch nước do Trần Đức Lương để lại, nhưng lực bất tòng tâm. Dân xứ Huế kháo rằng : kẻ chủ trương tàn phá Đền thiêng Nam Giao chuyên để tế Trời và Đất, rồi hiếp đáp tàn ác các nhà báo trẻ có công tâm đòi tự do, chưa bị Trời vạ cổ là may, còn muốn leo đến đâu nữa !

Các đại hội trước đây cũng vậy, các cá nhân và phe phái tha hồ tố cáo nhau, nấp sau mỹ từ "xây dựng đảng", "làm trong sạch đảng", dùng cả vu cáo, chụp mũ, tung tin, bới móc chuyện lý lịch, đời tư, lịch sử, sinh hoạt, tở rơi, thư nặc danh, nhằm đấu đá nhau, tranh giành nhau các ghế ngôi béo bở. Về dân gian là vũ khí của dân đen để góp ý với quyền lực cũng được họ tận dụng để đá móc nhau không thương tiếc.

Vài sắp xếp sơ bộ

Cho đến nay sự sắp xếp các ủy viên bộ chính trị được ban tổ chức trung ương kiến nghị đại khái như sau.

Thủ tướng Phan Văn Khải nghỉ hưu vì quá tuổi (73) ; ông Mạnh có thể thôi làm tổng bí thư để sang ngôi ghế nặng về tượng trưng là chủ tịch nước, thay ông Trần Đức Lương về nghỉ. Ông Nguyễn Văn An chuyển sang mặt trận tổ quốc thay ông Phạm Thế Duyệt về nghỉ ; ông Trương Quang Được thay ông An làm chủ tịch quốc hội. Ông Vũ Khoan làm thủ tướng tuy tuổi có cao (68) ; ông Phạm Gia Khiêm nhận chức bộ trưởng ngoại giao thay ông Nguyễn Di Niên về hưu, kiêm thêm cả khối đối ngoại. Tổng bí thư mới có thể là ông Nguyễn Minh Triết hiện là bí thư thành ủy Sài Gòn ; ông Trương Vĩnh Trọng sẽ vào Sài Gòn thay ông Triết.

Ông Lê Hồng Anh chưa hiểu gì nhiều về ngành tình báo, an ninh, cảnh sát của bộ công an (như người chưa học bơi đã bị bắt phải vượt sông), sẽ trở về ban kiểm tra trung ương ; người thay ông trước kia dự định là thượng tướng Nguyễn Khánh Toàn, lại vừa bị tố cáo rất nặng về tham nhũng, sống bê bối, có thể bị loại khỏi ngành công an. Bộ trưởng công an mới sẽ là tướng Nguyễn Văn Hưởng, tài

đức loại yếu kém với gánh nặng quá sức là củng cố một ngành hệ trọng nhưng sa sút đến tận cùng với sự ra đi bề bồng và cái chết tức tưởi của ông Lê Minh Hương và với việc tướng Bùi Quốc Huy tự bán mình cho Năm Cam để bị công tay tổng vào tù.

Các vị ủy viên bộ chính trị khác (Phan Diễn, Nguyễn Tấn Dũng) có thể ở nguyên vị với mức tín nhiệm thấp; ông Diễn ở cương vị thường trực ban bí thư chẳng giúp được gì cho ông Mạnh vì tác phong công chức, chuyên lấp lại ý người khác hoặc theo sách vở, không bao giờ có ý gì riêng của mình, ù lì ba phải; còn ông Dũng thì do hiểu biết nông cạn, ô mồm các ngành công nghiệp, giao thông, bưu điện viễn thông, dầu khí, xây dựng cơ bản... đều phạm sai lầm nghiêm trọng, lãng phí không sao kể xiết. Có vị đại biểu quốc hội nói rằng: nếu mỗi tỷ đồng thất thoát trong công nghiệp người chịu trách nhiệm sẽ bị đét một roi, thì ông Dũng sẽ nát như hai móng vì làm sao chịu thấu hai nghìn roi!

Vở kịch tại Nhà hát lớn

Vụ Tổng Cục 2 có thể tác động cực lớn đến nhân sự Đại hội 10. Bộ chính trị hiện nay quyết thực hiện mưu đồ "khoanh lại", "bóp chết" vụ án, cứ giả làm như không có chuyện gì; hai ông Mười và Anh vẫn thản nhiên xuất hiện trong các lễ lạc, vẫn mặt tươi tráo, trán nhăn nheo, với nét khác thường ai có mặt cũng nhận ra là hai ông luôn trở trối, chẳng mấy ai đến gần bắt tay hay trò chuyện! Điều lạ nữa là hai ông cũng chẳng bắt tay nhau và cũng không nói với nhau nửa lời. Mỗi ông là một thế giới u ẩn riêng!

Bỗng nhiên tối 1-9-2005, cận kề lễ quốc khánh, Nhà hát lớn Hà Nội công diễn vở kịch nói, được truyền hình trong và ngoài nước: "Vụ án Trần Dụ Châu"; hai đoàn kịch nói trung ương và tổng cục chính trị cùng phối hợp gần một trăm diễn viên để diễn vở lịch sử hoành tráng này. Vở kịch được quảng cáo là nhằm tô đậm đề tài chống tham nhũng. Trần Dụ Châu là đại tá cục trưởng cục quân nhu, trùm tham nhũng, sống sa đọa, bị kết án tử hình ngay sau chiến dịch biên giới năm 1950. Tác giả đưa cả chủ tịch Hồ Chí Minh lên sân khấu. Ngay sau đó vở kịch tịt ngòi luôn. Không báo nào được nói đến nó nữa. Phải quên ngay nó đi, theo lệnh của "cảnh sát tư tưởng" Nguyễn Khoa Điềm. Vì trong vở kịch có bốn đoạn làm người xem liên tưởng đến chủ trương "khoanh lại", bóp ngẹt vụ án Tổng Cục 2 đang nóng bỏng; bốn đoạn đối thoại rất sôi nổi, bóp chết; nên im đi, xử nội bộ đại tá Châu để giữ danh dự quân đội, uy tín của đảng, không để kẻ thù và bọn phản động lợi dụng (nghĩa là "khoanh lại"), hay đưa ra xét xử công khai, minh bạch, đảng hoàng, theo luật pháp và kỷ luật nghiêm minh để khôi phục kỷ cương và niềm tin của quần chúng. Bốn lần người xem vỗ tay kéo dài, có nhiều tiếng hoan hô tự phát, đòi phải xét xử công khai vụ án xưa, mà cứ như thái độ dứt khoát với vụ án Tổng Cục 2 hiện nay. Ngay trùm cảnh sát tư tưởng bị mắc lõm to! Cuộc truy tìm thủ phạm khởi đầu đã bế tắc, vì làm to sẽ quảng cáo không công cho vở kịch này.

Người Hà Nội lại nhớ hồi 1999, chính ông Nguyễn

Khoa Điềm khi là bộ trưởng văn hóa đã làm chuyện phản văn hóa sản xuất ra bộ phim tâng bốc ông Lê Đức Anh lộ liễu lộ bịch đến mức ít ai ngửi nổi.

Thần hết linh thiêng

Ngay từ tháng trước, cái gậy chỉ huy của ông trùm tư tưởng đã mất hết uy lực trong đại hội nhà báo lần thứ 8. Ông khuyến cáo hội nghị tiếp tục tín nhiệm và bầu vào ban chấp hành khóa mới ba con cưng của bộ chính trị là: nguyên chủ tịch hội Hồng Vinh, nguyên phó chủ tịch Vũ Văn Hiến và nguyên tổng thư ký Phan Khắc Hải. Vậy mà cả ba vị đều bị trượt. Người mà ông không khuyến cáo là nhà báo Phạm Quốc Toàn, tổng biên tập báo địa phương Bà Rịa lại trúng cử với số phiếu rất cao, được cử là phó chủ tịch hội.

Gần đây, ngày 17-9 tại cuộc bầu ban lãnh đạo đoàn luật sư Hà Nội, có 175 đại biểu thay mặt cho 800 luật sư thủ đô tham dự, cũng đã không theo gậy chỉ huy áp đặt của bí thư thành ủy Nguyễn Phú Trọng. Hội nghị đã dứt khoát không tín nhiệm ông chủ nhiệm cũ Đào Trọng Ty, và bầu luật sư Phạm Hồng Hải có tư duy đổi mới và dân chủ rõ rệt làm chủ nhiệm khóa mới. Mặc dù ban lãnh đạo cũ dở trò chơi xấu định gạt bỏ hai luật sư trẻ Phan Thị Hương Thủy và Trần Vũ Hải ra ngoài danh sách ứng cử (cả hai đều trong nhóm đòi thành lập Nhóm luật sư vì công lý, nhưng bị chính quyền từ chối); trong sáu thành viên ban chủ nhiệm mới thì có đến năm là có tư tưởng dân chủ và công lý do đại hội tự chọn.

Hai bài học sốt dẻo về tổ chức và bầu cử trên đây chắc chắn được cuộc họp tổ chức toàn đảng hiện vẫn còn kéo dài phân tích và tìm cách đối phó. Tinh thần dân chủ đã được gieo hạt, nảy mầm trong thời mở cửa, đang đơm hoa kết trái, dễ gì mà dập tắt. Đại hội các cấp đang mở rộng rất có thể còn nhiều điều bất ngờ về nhân sự. Hãy chờ xem.

Bản đóng góp 27 trang

Nguyên thủ tướng Võ Văn Kiệt vừa đưa ra công khai bản "Đóng góp ý kiến vào tổng kết lý luận và thực tiễn 20 năm đổi mới" dày 27 trang. Trước đó ông nhận được bản tổng kết đã được bộ chính trị thông qua và yêu cầu ông đóng góp ý kiến.

Mở đầu ông Kiệt nhấn mạnh thái độ có trách nhiệm, ngay thẳng, trung thực của ông, tuy về hưu nhưng không ngừng đóng góp. Nhìn chung đây là bản phê phán khá nặng nề những văn kiện dự thảo cho Đại hội 10. Ông nhận định các văn kiện đều chung chung, giáo điều, hời hợt, thiếu tầm nhìn, tầm nghĩ, thiếu thực tế. Ông cho rằng tỷ lệ phát triển 7 đến 8%/năm là thấp, Việt Nam vẫn lạc hậu dài dài; đầu tư từ bên ngoài quá thấp với số dân hơn 80 triệu; giá trị xuất khẩu có vẻ cao, nhưng giá trị tăng thêm quá thấp vì giá nguyên liệu chiếm tỷ lệ quá lớn; dầu thô mãi đến nay vẫn chưa lọc được! Nông nghiệp còn thô sơ, tản mạn; vẫn chưa có công nghiệp mũi nhọn. Ngành ngân hàng quá cũ kỹ. Về chính trị, ông phê phán rất nặng nề xu hướng "tả khuynh" kéo dài, có vẻ cách mạng, phòng chống

"chệch hướng", "đổi mới không đổi màu", "hòa nhập không hòa tan", cảnh giác với âm mưu "diễn biến hòa bình", thực tế là giáo điều, bảo thủ, xa thực tế, ngáng bước phát triển và hòa nhập.

Ông Kiệt chỉ ra nhiều sai lầm chưa được rút ra thành bài học (hợp tác hóa, Nhân văn-Giai phẩm, cải tạo công thương nghiệp, các trại cải tạo, gây nên nạn thuyền nhân, không hòa giải hòa hợp dân tộc...) cũng như chưa rút được kinh nghiệm những bài học thành công (khoán sản phẩm, phá rào, dám nghĩ dám làm dám chịu trách nhiệm, dám đột phá, độc lập tự chủ...). Ông Kiệt đã tỏ ra rất xót xa về việc trì hoãn hiệp định buôn bán với Hoa Kỳ BTA và chậm chân so với Trung Quốc vào Tổ chức buôn bán quốc tế WTO (ai cũng biết là do Đỗ Mười và Lê Đức Anh rắp tâm cản phá).

Có thể nói bản đóng góp phê phán rất nặng vào trình độ chính trị tồi dở, ba phải, vô cảm của tổng bí thư Nông Đức Mạnh và của thường trực ban bí thư Phan Diễn, cũng như trình độ lý luận thấp kém đến tột cùng của ông Nguyễn Phú Trọng, ủy viên thường trực tiểu ban văn kiện Đại hội 10 (Hà Nội đang truyền câu về : *Hoan hô anh Phú Trọng ta, u mê lú lẫn vẫn là... giáo sư!*).

Có thể nói địa chỉ chính của bản đóng góp của ông Kiệt là các đại biểu dự đại hội đảng các tỉnh-thành phố sẽ diễn ra vào cuối năm, và đại hội các ngành (quân đội, công an) và các cơ quan trung ương - nơi có nhiều đảng viên trí thức, văn nghệ sĩ, nhà ngoại giao, nhà nghiên cứu - sẽ diễn ra đầu năm 2006, và cuối cùng là Đại hội toàn quốc vào khoảng tháng 5-2006.

Quyền lực và quyền uy

Phải từng biết rõ cái cơ chế kỳ cục và cách xử sự ngoắt ngoéo trong đảng cộng sản mới hiểu rõ lời nhắn nhủ kín đáo của ông Võ Văn Kiệt cho các đồng chí xa gần của ông. Đó là khi ông tâm sự với họ về quyền lực và quyền uy.

Theo Hiến pháp và Điều lệ đảng, các cán bộ đương chức có quyền lực cực lớn : Ban chấp hành trung ương và Đại hội đảng có quyền lực cao hơn bộ chính trị. Phải có trách nhiệm thực thi đầy đủ quyền lực ấy. Không nên để bộ chính trị, nhất là bộ chính trị thấp kém, nhu nhược hiện nay xỏ mũi dắt đi, mà phải tự đại hội đấu trí lại mà tự tìm ra đường đi và tự tìm ra nhân tài lãnh đạo mới cao hơn hẳn bộ chính trị hiện tại, và cử ra ban chấp hành trung ương mới, bộ chính trị mới là những con người thật sự xứng đáng là tinh hoa của đảng.

Hơn nữa còn có một quyền uy cực kỳ nguy hiểm do quyền lực cũ còn rớt lại, tuy đã hết quyền lực về nguyên tắc nhưng vẫn ngự trị một cách phi pháp, đè nặng lên kẻ cầm quyền nhu nhược và bộ máy cầm quyền ẻo lả vì tham nhũng. Ai đọc đến đây cũng hiểu, đó là quyền uy của cặp bài trùng Mười+Anh, với công cụ mang tính chất mafia Tổng Cục 2, một chính quyền MA trong chính phủ Hà Nội, một đảng MA trong đảng cộng sản, một quyền uy ma quỷ đang khống chế đường lối, chính sách và toàn bộ nhân sự các cấp của Đại hội 10.

Các chiến sĩ dân chủ trong nước cho rằng bản đóng góp

của cựu thủ tướng Võ Văn Kiệt chứa đựng nhiều ý kiến được anh em dân chủ phát biểu từ lâu, và hiện nay ông Kiệt là nhà cách mạng lão thành có chính kiến gần gũi với anh chị em dân chủ trong nước .

Đại hội 10 và những ẩn số

Tình hình từ nay đến Đại hội 10 sẽ ra sao ? Các văn kiện chính thức sặc mùi bảo thủ, giáo điều khiêu khích trí tuệ của các đại biểu có được nuốt chửng một cách trôi chảy hay không ? Đảng cộng sản chưa hề có dân chủ, không bao giờ cho phép nhiều phương án để tranh cử, để lựa chọn. Tranh luận công khai là điều cấm kỵ. Đại hội 10 có vượt qua được tiền lệ ấy không ? Rất khó.

Về nhân sự, đường lối nào nhân sự tương ứng. Cương lĩnh bảo thủ giáo điều thì nhân sự cũng thế thôi. Vụ án Tổng Cục 2 là cục bứu, là căn bệnh ung thư đã ăn quá sâu, mọc rễ, di căn, sẽ cứ che che giấu giấu để chịu một cái chết dần mòn hay sẽ được mổ sẻ công khai, cắt bỏ cục u ác tính, để hy vọng một chặng sống kéo dài thêm ít lâu nữa. Hai chủ trương đang xung khắc trên cơ thể một con bệnh thập tử nhất sinh. Tùy theo sự biến hóa của cuộc đấu đá quyết liệt, tùy theo sự chuyển hóa của thế và lực các bên, lại tùy theo sự tiếp sức của ông bầu đỡ đầu cho các bên, mà tình hình thời sự của đất nước sẽ diễn biến nhãn tiền.

Đại hội các cấp và đại hội toàn quốc lần thứ 10 còn chứa đựng nhiều ẩn số, và sẽ cung cấp cho công luận nhiều bất ngờ khó lường trước.

Bùi Tín (Paris)

Thuyết san THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
Giá bán tại châu Âu : 35 EUR/năm.

Đặt mua báo dài hạn hoặc góp ý, xin liên lạc :

Tại Pháp : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy Saint Georges. Ngân phiếu xin đề : *Vietnam Fraternité*.

Tại Đức : Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main. Xin chuyển vào trương mục của ngân hàng Frankfurt Volksbank e G : *Thanh Luong Nguyen*, Konto nr: 0077708294 - Bankleitzahl: 50190000.

Tại Hòa Lan : Trần Bá Thành, Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede. Xin chuyển vào trương mục : Giro nr. 6234112 của *Stichting mensenrechten voor VietNam* (Hội Bảo Trợ Nhân Quyền Việt Nam).

Tại Anh : Đoàn Xuân Kiên, 74 Swaffield Road, London SW18 3AE. Giá báo một năm là 25 £. Ngân phiếu xin đề : *Vietnamese Centre* (báo Thông Luận).

Tại Hoa Kỳ : Thong Luan, P.O.Box 51682, San Jose, CA 95151. Giá một năm báo là 45 USD. Ngân phiếu xin đề : *Nguyen Ngoc Oanh* (báo Thông Luận).

Tại Úc : Sơn Dương, 3/118 Rosmore Avenue, Punchbowl - NSW 2196. Giá báo một năm là 65 AUD. Ngân phiếu xin đề : *Thu S. Duong* (báo Thông Luận).

TRẢ TỰ DO CHO

Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình và Nguyễn Khắc Toàn

Nguyễn Văn Hiệp

Có hai sự kiện đáng chú ý trong dịp kỷ niệm 60 năm ngày 2 tháng 9 - ngày chính phủ của Hồ Chí Minh tuyên bố Độc Lập tại quảng trường Ba Đình năm 1945 - năm nay trong nước. Thứ nhất là nhà dân chủ kỳ cựu Hoàng Minh Chính cuối cùng được chính quyền Hà Nội chấp thuận cho sang Mỹ chữa bệnh. Thứ hai là chủ tịch nhà nước Trần Đức Lương đã ký lệnh đặc xá trên 10.000 tù nhân trước thời hạn, trong đó không có ba tù nhân chính trị Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình và Nguyễn Khắc Toàn.

Trước hết là phải nhìn rõ chiêu bài của nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam. Khi đánh giá tình hình quốc tế và quốc nội thuận lợi cho chế độ, họ sẵn sàng bắt giam hoặc quản thúc những nhân vật bất đồng chính kiến tình nghi có hại cho chế độ. Thủ đoạn bắt người làm con tin kiểu này đã trở thành truyền thống, nhất là từ khi chế độ cộng sản Việt Nam buộc phải mở cửa để đón nhận đầu tư quốc tế và tham gia những sinh hoạt có tính đa phương của thế giới. Khi cần thương lượng với những cường quốc dân chủ phương Tây, chính quyền cộng sản Việt Nam thả một cách nhỏ giọt những nhân vật bất đồng chính kiến đang bị giam giữ, nơi lỏng mức độ quản thúc hay vòng vây kinh tế đối với những người tình nghi có hại cho chế độ. Vụ án *Nhóm dân chủ* vừa qua là một thí dụ. Chính quyền cộng sản buộc phải thả Phạm Quế Dương và Trần Khuê trước áp lực của dư luận quốc tế, nhưng quyết định không thả những nhà dân chủ trẻ tuổi Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình và Nguyễn Khắc Toàn.

Ở đây, cũng nên nhìn vào thực trạng quyền lực trong đảng cộng sản hiện nay. Trong chuyến công du nước Mỹ của thủ tướng Phan Văn Khải cuối tháng 6 vừa qua, khi phái đoàn từ Việt Nam chưa kịp đặt chân đến Mỹ thì đã có lệnh khác từ trong đảng cộng sản làm áp lực lên chính quyền Mã Lai đập bỏ tượng đài tưởng niệm thuyền nhân Việt Nam trên đảo Bidong. Ngay khi chữ ký của thủ tướng Phan Văn Khải trước tổng thống George W. Bush chưa kịp ráo mực, cam kết "tôn trọng các quyền tự do ở Việt Nam", thì những hành động nhằm triệt hạ tôn giáo ở Việt Nam đã tỏ ra rất hung bạo, nhất là đối với Phật Giáo Hòa Hảo. Những điều này một lần nữa chứng minh rằng ngay cả các chức vụ đại diện quốc gia như thủ tướng cũng không có thực quyền trong chế độ cộng sản Việt Nam.

Nhóm cầm quyền trong đảng cộng sản hiện nay không khác gì những con cua ở trong một giỏ, con nào mon men bò lên miệng giỏ thì lập tức có nhiều con khác hè nhau kéo xuống. Các phe phái trong đảng thường xuyên cấu xé lẫn nhau trong một keo vật mà trọng tài là thành phần xin tạm gọi là phe lưng chừng, một keo vật dai dẳng không có hồi ngã ngũ. Thế và lực của các phe này được thể hiện qua những chuyến công du nước ngoài vừa rồi của ba nhân vật

đứng đầu đảng và nhà nước. Trùng cùng thời gian, nhóm cởi mở, có khuynh hướng thân phương Tây mà Phan Văn Khải được xem là đại biểu, đã dẫn phái đoàn đến Mỹ. Nhóm bảo thủ, do Trần Đức Lương đại diện, sang Trung Quốc. Nhóm lưng chừng, do Nông Đức Mạnh dẫn đầu, đến Pháp.

Sự giằng co trong keo vật giữa các phe phái là điều luôn luôn xảy ra. Mặc dầu vậy cũng có một vài quyết định tuy ít xảy nhưng có sự đồng thuận của cả ba phe trong đảng. Đó là những quyết định bảo vệ sự sống còn của đảng cộng sản, bảo vệ quyền lợi của đảng, bởi vì đó cũng là bảo vệ quyền lợi của chính họ, nhóm thiểu số đang cầm quyền và đang lãnh đạo hơn hai triệu đảng viên phục tùng họ.

Quyết định giữa việc chấp thuận cho nhà dân chủ kỳ cựu Hoàng Minh Chính đi Mỹ chữa bệnh hay trả tự do cho các nhà dân chủ trẻ tuổi Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, Nguyễn Khắc Toàn trong dịp 2 tháng 9 năm nay là một thí dụ của loại quyết định này. Sự cân nhắc của các nhóm trong ban lãnh đạo đảng trong trường hợp này rõ ràng là đã được đo lường kỹ càng. Trước những hành động đàn áp tôn giáo khốc liệt, chính quyền cộng sản cần có một động tác nhằm xoa dịu dư luận trong và ngoài nước. Mặt khác tác động này cũng thể hiện phần nào lời cam kết mà thủ tướng Phan Văn Khải đã ký với tổng thống Bush về việc "tôn trọng các quyền tự do ở Việt Nam", để tìm kiếm sự ủng hộ trong việc gia nhập WTO và cũng để giải tỏa áp lực của những chống đối từ bên trong.

Trong lần quyết định này, ban lãnh đạo đảng cộng sản đã lùi một bước bằng cách chấp thuận để nhà dân chủ kỳ cựu Hoàng Minh Chính đi Mỹ chữa bệnh, dù sao đối với họ những chống đối từ bên ngoài cũng dễ đối phó hơn. Ông Hoàng Minh Chính đã ngoài 80 tuổi, và hơn nữa cũng đã thành công trong việc chia rẽ và làm yếu đi lực lượng dân chủ trong nước. Uy tín của cá nhân ông Hoàng Minh Chính cũng đã bị thiệt hại sau vụ xung đột với Nguyễn Thanh Giang. Trả tự do cho Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, Nguyễn Khắc Toàn nguy hiểm hơn, theo suy tính của họ.

Kinh nghiệm trước đây cho thấy các nhà đối kháng thường bị mất đi sức hút sau khi xuất ngoại. Thêm vào đó, sau nghị quyết 36, ngành an ninh hải ngoại của Hà Nội lại còn được tăng cường với đầy đủ phương tiện và xảo thuật để triệt hạ uy tín của những nhà đối kháng trong nước ra hải ngoại. Đây là những cơ sở lý luận của ban lãnh đạo đảng cộng sản khi để nhà dân chủ kỳ cựu Hoàng Minh Chính đi Mỹ. Hơn nữa ông Hoàng Minh Chính đang bệnh.

Trong khi đó, đảng cộng sản đánh giá là họ sẽ phải đối phó với nhiều vấn đề hơn nếu lấy quyết định thả Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình và Nguyễn Khắc Toàn trong dịp 2 tháng 9 năm nay. Cũng nên biết là trong tình huống

hiện nay chính quyền cộng sản không thể bắt thêm những người bất đồng chính kiến mà không phải trả một giá thật đắt. Những Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình đã ở tù thay cho những thanh niên khác. Thả những Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình tức là đưa những biểu tượng sống của tinh thần đấu tranh cho dân chủ một cách kiên cường và đầy tính thuyết phục về với tuổi trẻ, là đem đến cho những thế hệ trẻ Việt Nam những ngọn cờ lộng lẫy. Họ sợ.

Ban lãnh đạo đảng cộng sản thừa hiểu dân chủ, dân chủ đa nguyên là một tiến trình không thể đảo ngược, những phương tiện và mưu mẹo ngăn chặn hay ngăn cản của họ chỉ là những cố gắng tuyệt vọng để câu giờ với thời gian. Nhưng có một điều chắc chắn là dân chủ sẽ đến sớm cho nhân dân Việt Nam, sớm hơn cả với những dự định kềm chế hay phong tỏa của ban lãnh đạo đảng cộng sản. Vấn đề mà đảng cộng sản cần phải đặt ra là dân chủ sẽ đến với Việt Nam như thế nào, thay vì ra sức ngăn cản tiến trình này. Đảng cộng sản đã mù quáng quá lâu rồi.

Đừng để lịch sử ghi nhận nền dân chủ đầu tiên của Việt Nam lại đến do những áp lực từ nước ngoài. Phải có một căn bản đồng thuận chung là dân chủ hóa Việt Nam trước hết là vấn đề của người Việt Nam. Phải cùng nhau giải quyết để dân chủ đến trong hòa bình và một cách nhanh chóng như là một niềm tự hào của người Việt Nam.

Nếu những hành vi đàn áp tôn giáo, giam giữ những nhà dân chủ trẻ với tội danh gián điệp thì có nhiều triển vọng "nền dân chủ do nước ngoài áp đặt" sẽ xảy ra. Cùng với thảm cảnh các tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo bị đàn áp, những sách nhiễu liên tục đối với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, việc tiếp tục giam giữ Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình sẽ khiến Dự Luật Nhân Quyền Việt Nam 2005, hay 2006, được cả lưỡng viện Quốc Hội Mỹ thông qua. Một khi nước Mỹ chính thức cam kết để thúc đẩy dân chủ cho Việt Nam, cụ thể bằng một đạo luật, thì bài toán dân chủ Việt Nam coi như có thêm một phương pháp giải quyết với nhiều phương tiện. Mỹ và các quốc gia dân chủ phương Tây rất muốn giao hảo với một Việt Nam dân chủ hơn là một Việt Nam độc tài.

Để đi đến một đồng thuận căn bản trong việc giải quyết bài toán dân chủ giữa người Việt Nam với nhau, phải trả tự do cho Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình và Nguyễn Khắc Toàn nhân danh đạo lý của một dân tộc. Đó cũng là điều kiện để người Việt Nam giải quyết bài toán dân chủ cho nước mình một cách nhanh chóng và trong hòa bình. Ngoan cố giam giữ họ, không những nguy hại cho sinh mệnh chính trị của Đảng Cộng Sản Việt Nam sau này, mà còn có nguy cơ gây thiệt hại cho chính đất nước. Việt Nam có thể không được kết nạp vào Tổ Chức Thương Mại Thế Giới (WTO). Đó là một giá quá đắt.

Ban lãnh đạo đảng cộng sản phải trả tự do không điều kiện cho Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, Nguyễn Khắc Toàn. Họ chưa có dấu hiệu nào chứng tỏ muốn làm như vậy. Chọn lựa duy nhất của những người dân chủ Việt Nam là gia tăng áp lực giải thoát những đứa con quý hiếm của tổ quốc này.

Nguyễn Văn Hiệp (Charlotte, NC)

Đã tái bản

TỔ QUỐC ĂN NĂN

của

NGUYỄN GIA KIỂNG

Có sửa chữa và bổ túc, thêm lời tựa cho lần in thứ hai.

Liên lạc :

Nguyễn Gia Kiểng - 11 Mail Le Corbusier,
77185 Lognes, France - Email : kqhh@aol.com

Giá bán (đã kể cước phí bưu điện) :

- Tại châu Âu : 30 Euro, chi phiếu xin đề : **Nguyễn Gia Kiểng**, và gửi về địa chỉ như trên.

- Tại Hoa Kỳ : 35 USD, chi phiếu xin đề : **Nguyen Ngoc Oanh**, và gửi về địa chỉ : Thong Luan, P.O. Box 51682, San Jose, CA 95151, USA.

- Tại Úc : 50 AUD, chi phiếu xin đề : **Thu S. Duong**, và gửi về địa chỉ : Sơn Dương, 3/118 Rosmore Avenue, Punchbowl, NSW 2196, Australia.

Có bán tại nhà sách **KHAI TRÍ**, 93 avenue d'Ivry, 75013 Paris. ĐT : 01 45.82.12.40 - 01.45.82.95.81

Tổ Quốc Ăn Năn đã là cuốn sách chính luận gây thảo luận sôi nổi nhất trong ba năm qua ở cả trong lẫn ngoài nước.

Quý độc giả có thể giới thiệu với những người không đọc được tiếng Việt tìm mua bản dịch *Tổ Quốc Ăn Năn* ra tiếng Anh :

Whence... Whither... VIETNAM ?

do giáo sư Nguyễn Ngọc Phách dịch và xuất bản.

"Tôi nghĩ bản tiếng Anh của ông Phách hay hơn bản tiếng Việt của tôi". (NGK, Thông Luận số 190, tháng 3-2005)

Sách dày 366 trang, bìa màu vàng, giấy láng, khổ 17x26cm. Giá bán : **35 EUR** hay **35 USD** (đã kể cước phí bưu điện).

Tìm mua sách, độc giả có thể liên lạc với đại diện Thông Luận tại các địa phương, hay liên lạc với :

- Ông **Nguyễn Ngọc Phách** : 7/29 Robe Street, Saint Kinda, VIC 3182, Australia. Tel/Fax: 613 9537 2531. Email : evennp@malc.org.au.

- Bà **Trương Anh Thụy** : 2607 Military Road, Arlington, VA 22207, USA. Tel : (703) 525 4538. Email : canhnam@dc.net.

Ý THỨC CÁ NHÂN

Khiêm

Từ lúc mới lớn, có một câu thơ của Thanh Tâm Tuyền cứ khiến tôi phải suy nghĩ hoài : "*Tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ*" (1). Bằng mẫn cảm, dường như nhà thơ đã nhận ra sự yếu ớt của ý thức cá nhân để rồi quyết liệt tái tạo lại chính mình, như nhan đề và nội dung của bài thơ gợi ý.

Tiếc thay, sau năm mươi năm, câu thơ trên vẫn giữ nguyên giá trị thời sự của nó. Ý thức cá nhân vẫn rất yếu ớt và vẫn là một cái gì rất mù mờ đối với người Việt. Hơn thế nữa nó bị tha hóa đến mức ghê rợn.

Khi nói về ý thức cá nhân, hiển nhiên chúng ta nhấn mạnh tự do cá nhân, niềm tin ở sự quan trọng của cá nhân, niềm tin ở chính trí tuệ mình, ưu thế của tinh thần tự lực và tính cách độc lập, và sẵn sàng chịu trách nhiệm. Đối với nhiều người, đặc biệt là ở các quốc gia dân chủ, điều này hiển nhiên tới mức chúng thể hiện ra trong tính cách và hành động hàng ngày của họ. Nhưng không phải ngẫu nhiên mà có, ý thức cá nhân là kết quả của một quá trình tự khai sáng của nhân loại, đặc biệt ở các thế hệ khai phóng và tiếp tục được bồi đắp ở các thế hệ tiếp sau.

Các thế hệ khai phóng mà tôi nhắc tới ở đây thuộc về kỷ nguyên Khai Sáng. Kant, một trong những gương mặt nổi bật của làn sóng cuối của các nhà Khai Sáng, đã đúc kết : "*Khai sáng là thoát ly khỏi tình trạng thiếu trưởng thành tự mình gây ra. Thiếu trưởng thành là bất lực trong sử dụng trí tuệ mà không cần tới dẫn dắt của người khác. Tự mình gây ra nếu nguyên do không phải là thiếu trí tuệ mà là thiếu cương quyết và dũng cảm sử dụng trí tuệ không cần tới dẫn dắt. Phương châm của khai sáng vì thế sẽ là : Sapere aude ! Hãy dũng cảm sử dụng trí tuệ !*" (2).

Rõ ràng đây là một phát biểu đầy ý thức cá nhân, khẳng định dứt khoát ý chí thoát khỏi mộng muội và xác lập bản thể độc lập. Để từ đó thời đại Khai Sáng đã mở ra một chân trời mới cho hành trình dài nhất, và vẫn còn đang tiếp tục, của nhân loại : hành trình tới tự do. Ý thức cá nhân đóng vai trò không thể thiếu trong tiến trình đó.

Đi xa hơn, ý thức cá nhân chống lại mọi hình thức kiểm soát lên cá nhân, đặc biệt khi các hình thức kiểm soát này được thực hiện bởi nhà nước và xã hội. Nếu cần, một người có ý thức cá nhân sẵn sàng ở vào thế đối lập với nhà nước hoặc xã hội để bảo vệ vị thế cá nhân cũng như các quyền của mình. Nói như thế không có nghĩa là ý thức cá nhân chống lại xã hội. Ý thức cá nhân chỉ chống lại những nhân danh tập thể để vi phạm các quyền cá nhân, hoặc để phủ nhận sự tồn tại chính đáng và đặc thù của cá nhân.

Bảo vệ quyền tồn tại của mỗi cá nhân đặc thù cũng chính là bảo vệ và thăng tiến sự sống động cho xã hội. Chính vì thế mà ý thức cá nhân cổ vũ cho đa nguyên và khoan dung. Ý thức cá nhân không ngăn cản các cá nhân kết hợp với nhau. Sự kết hợp của họ mang tính cách tự nguyện và bình đẳng. Ở bất cứ cộng đồng xã hội nào mà ý thức cá nhân mạnh mẽ, ở đó có sự tương kính giữa các

cá nhân. Người có ý thức cá nhân không ngại bất đồng, nhưng không vì thế mà bất hòa. Voltaire đã từng nói ông có thể không đồng ý với một người nào đó nhưng không vì thế mà bắt người đó phải im miệng, trái lại ông sẵn sàng xả thân để bảo vệ cái quyền được nói của người đó. Không có gì lạ khi các xã hội dân chủ đa nguyên chỉ xuất hiện cùng lúc với sự thăng tiến của ý thức cá nhân.

Đến đây, tôi buộc phải có một sự phân định rõ ràng cho một sự lập lờ đầy ác ý. Đó là sự cố tình hóa đồng ý thức cá nhân với đầu óc vị kỷ. Ý thức cá nhân và đầu óc vị kỷ rất khác biệt. Người ích kỷ chỉ cần biết tới quyền lợi và sự thăng tiến quyền lợi của mình, hoàn toàn bất chấp sự thiệt hại của người khác. Trong khi đó, người có ý thức cá nhân chỉ muốn rũ bỏ mọi kiểm soát nhân danh tập thể lên cá nhân. Người đó có thể là một người rất nhạy cảm trước các bất công, rất vị tha, rất có trách nhiệm và không có lý do gì để hờ hững hoặc thù ghét cộng đồng xã hội, và đặc biệt người đó sẽ chống lại mọi can thiệp vào tự do cá nhân, không phải chỉ của riêng mình, ở bất kỳ chỗ nào mà sự can thiệp đó có thể tránh được. Ý thức cá nhân là ý thức về phẩm giá. Do đó không có gì đáng ngạc nhiên khi ý thức cá nhân rất đối kháng với bất kỳ hình thức toàn trị nào. Đây là lý do khiến ý thức cá nhân luôn bị thù ghét và tìm cách tiêu diệt ở những xã hội mà các thế lực luôn nhân danh tập thể để đạt những mưu đồ ích kỷ hoặc mộng muội nào đó bằng áp đặt kiểm soát lên từng cá nhân và toàn xã hội.

Khi ý thức cá nhân bị thù ghét và luôn bị tìm cách tiêu diệt, con người, với tư cách một thành viên của cộng đồng xã hội, bị tha hóa. Đứng ra ý thức cá nhân ở mỗi con người bị tha hóa. Lấy trường hợp rất gần gũi là Việt Nam làm thí dụ.

Dưới cái bóng kỳ vĩ của nền văn hóa Trung Hoa, dù cố gắng thoát ra, Việt Nam đã tiếp nhận Nho giáo như một định mệnh. Tôi dùng chữ định mệnh vì hình thức Nho giáo mà cha ông chúng ta đã hăng hái học hỏi thấu đáo nhất, và áp dụng triệt để lại là Tống Nho, một hình thức Nho giáo về mặt chính trị và xã hội đã điều kiện hóa con người đến mức tối đa để phục vụ cho cái tôn ti quân sự phụ, một tôn ti hoàn toàn không chấp nhận sự ngang hàng. Trong cái tôn ti này chỉ có sự phục tùng tuyệt đối. Vua (chủ) đòi hỏi sự phục tùng tuyệt đối của bầy tôi, thầy đòi hỏi sự phục tùng tuyệt đối của trò, cha đòi hỏi sự phục tùng tuyệt đối của con, chồng đòi hỏi sự phục tùng tuyệt đối của vợ. Sự phục tùng được đòi hỏi đến mức khốn nạn : *quân xử thần tử, thần bất tử bất trung, phụ xử tử vong, tử bất vong bất hiếu*. Trong cái tôn ti này, con người muốn tồn tại và thăng tiến phải nhất nhất tuân theo những gì mà Hán Nho và Tống Nho đã quy định. Những ai đi ra ngoài khuôn phép đó sẽ chịu những hình phạt thảm khốc, như sô phạt của các tín đồ thiên chúa giáo, những người nổi loạn, các cô gái không

chồng mà chữa là những ví dụ.

Trong thế giới Nho giáo đó, để có giá trị, con người phải phục tùng vô điều kiện cho (và chịu sự sai khiến của) một ai đó. Con người hiếm có cơ hội được sống cho mình. Thê thảm hơn, sự phục tùng còn được đẩy lên thành một yêu cầu đức hạnh. Ý thức cá nhân, nếu được biết tới, hẳn là phải là một cái gì đó xa lạ và phản nghịch trong hệ thống toàn trị Nho giáo này. Sự phục tùng vô điều kiện như một đức hạnh đó, kèm theo nó là sự trừng phạt thảm khốc, đã để lại những di chứng trầm trọng về tinh thần. Hoặc nó khiến ta thượng đội hạ đạp, hoặc nó khiến ta nhẫn nhục và cam phận. Hoặc nó biến ta thành những học trò ra rả lập lại các khuôn vàng thước ngọc như những tri thức tuyệt đối, hoặc nó biến ta thành những kẻ không dám sử dụng trí tuệ của mình vì sợ mang họa. Hoặc nó khiến ta chỉ dám đi trên những con đường lạ khi có người dẫn, hoặc nó khiến ta tự cảm thấy xa lạ và ghét những người dám đi con đường riêng của mình. Hoặc nó khiến ta ngây ngất trong những niềm tự hào tập thể tùy theo vị trí của ta trong cái tôn ti đó hoặc nó khiến ta trở nên nhỏ bé và cô đơn. Nó khiến ta dễ dàng chia sẻ những tổn thương tập thể, trong khi hoàn toàn mù tịt về những tổn thương của chính mình. Nó khiến ta ngấm chấp nhận thành công của ta và giá trị của ta là do ban bố chứ không phải tự mình tạo ra. Nó đè bẹp ý thức cá nhân ở chúng ta. Nó tước của chúng ta mọi khả năng và cơ hội để tự khai sáng. Nó biến chúng ta thành một đàn cừu ngoan ngoãn và cùng với nó cái tâm lý được yên thân là tốt rồi. Và đầu đó trong vô thức là một nỗi nhục nhã chỉ chờ dịp bùng phát.

Trong sự khao khát thoát khỏi nỗi nhục của kiếp nô lệ ngoại bang, mà căn gốc của nỗi nhục này có liên hệ ít nhiều tới những niềm tự hào tập thể bị thương tổn được đề cập ở trên, chủ nghĩa cộng sản đã được du nhập và phát mạnh ở Việt Nam như một định mệnh mới. Nhiều người Việt đi theo cộng sản mà không hề ý thức được cộng sản là gì. Khi những con dân tôi tớ ngày xưa được tung hô lên vị trí chủ nhân ông, được tiêm vào niềm tự hào giai cấp và khích động hận thù giai cấp, nỗi nhục nhã ngày xưa được tháo tung ra tạo nên một đợt sóng dữ dội quét qua lịch sử cận đại, cuốn phăng tất cả và đưa đảng cộng sản lên đỉnh chót vót của quyền lực, rồi ngoan ngoãn phục tùng quyền lực mới. Đúng như cách lịch sử đã từng nhiều lần được lặp lại như vậy. Năm được sinh mệnh chính trị của Việt Nam, cũng là những học trò ngoan, đảng cộng sản liền thiết lập một chế độ toàn trị theo khuôn mẫu của Lenin và Stalin, sau đó lại được Mao phù phép. Thứ chủ nghĩa cộng sản mang màu sắc Chính Thống giáo và Nho giáo này cũng điều kiện hóa con người đến mức tối đa để phục vụ cho cái trật tự xã hội của nó. Cả một guồng máy chính trị, giáo dục và tuyên truyền được tập trung hết mức để tạo ra các "con người mới xã hội chủ nghĩa có tinh thần tập thể cao độ". Cá thể không được phép tồn tại. Con người gần như chỉ tồn tại khi thuộc về một tập thể được đoàn ngũ hóa. Ý thức cá nhân, lúc này đã được biết tới nhưng chưa chắc được hiểu, trở thành một kẻ thù cần phải được tiêu diệt. Khi thì bị hòa đồng với đầu óc vị kỷ, khi thì cho hóa thân vô "con người

tiểu tư sản" tưởng tượng, "chủ nghĩa cá nhân" luôn là một đối tượng bị đả kích và tiêu diệt không thương tiếc trong cố gắng xây dựng con người tập thể xã hội chủ nghĩa để phục vụ cho các mục tiêu của nhà nước toàn trị.

May mắn, những cố gắng thiết lập một trật tự cộng sản đã sụp đổ thảm hại. Tập đoàn thống trị lộ ra nguyên hình là những kẻ mông muội, lừa đảo, và sống trên núi xương sông máu biển mồ hôi của dân chúng. Thiên đường Xã Hội Chủ Nghĩa chẳng bao giờ thành hình, mà những con người tập thể xã hội chủ nghĩa cũng không. Để tồn tại, các chủ nhân ông thật sự của đất nước lảng lạng thu xếp lại cái trật tự cũ, tư hữu hóa cho riêng mình các tài sản đã được công hữu hóa trước kia và bỏ mặc các chủ nhân ông giả hiệu quay cuồng trong cơn lốc của môi trường hoang dã mạnh được yếu thua mới thành hình, và gọi đó là đổi mới. Mĩa mai thay, đó lại là một sinh lộ cho cả dân tộc. Nền chuyên chính vô sản được thay thế bằng một nền độc tài hậu toàn trị trống rỗng đến lạnh người, và kèm theo nó lại là những di chứng tinh thần trầm trọng.

Khi tinh thần tập thể bị quẳng đi không thương tiếc và ý thức cá nhân bị đè bẹp, bản năng sống còn lập tức xâm chiếm khoảng trống đó. Đầu óc vị kỷ hoang dã lên ngôi. Đạp lên đầu nhau mà sống. Bị ám ảnh đói khát và thiếu thốn đeo nặng và dày vò, con người bất chấp các nguyên tắc đạo đức và ứng xử căn bản để thỏa mãn cơn đói và thủ lợi tối đa. Con người sẵn sàng làm tất cả để có ăn và để có tiền, để rồi tự hào là ta đã sống sót và sống mạnh. Tôi ngờ rằng cơn say ăn nhậu vô độ ở người Việt hiện giờ, từ trong ra tới ngoài, là biểu lộ của niềm vui sống sót đó. Và cũng không nên ngạc nhiên khi tham nhũng lan tràn và kẻ nào có cơ hội mà không tham nhũng sẽ bị coi là ngu. Tôi có người bạn từ chối một món tiền biếu nhỏ, về nhà kể lại thì bị cha mình chửi là đồ quân tử tâu ! Và một người bạn khác của tôi gọi những cách kiếm tiền không hay ho gì của những người bạn khác là "phúc phần" của tụi nó. Họ xuất thân từ những gia đình tự gọi "mình là trí thức mà", và họ là người "có danh có phận" và thành đạt trong xã hội. Tham nhũng không còn bị phán xét bằng các nguyên tắc đạo đức nữa và đã thành một lối sống.

Phải thủ lợi tối đa cũng đã kích thích một thứ đầu óc cơ hội ghê tởm. Tôi biết một người đã từng cố vượt biên nhưng không lọt, sau này gặp lại thì lại thấy anh ta là bí thư đoàn của một tổng công ty lớn, xe hơi nhà lầu xênh xang. Nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ưu đãi các công ty quốc doanh, và một người quen có cả chân trong chân ngoài huých toẹt : "Làm tư chưa ăn được bao nhiêu đâu. Làm quốc doanh ăn mới đã". Nhìn cơ ngơi của anh ta, tôi nghĩ ăn đã thiệt. Ở đâu có ăn ở đó có ruồi cơ hội bu đặc nghẹt, đuổi cũng không đi. Cha chung không ai khóc. Có thể nói đây là một thảm họa cho cái chung.

Cũng vì ý thức cá nhân bị đè bẹp, những gì còn trong tâm hồn chỉ là một cái tôi thô thiển. Không ý thức được giá trị nội thân, người ta bèn đi tìm giá trị của mình ở ngoài. Kẻ có bằng cấp thì tự coi mình là có danh có phận, khinh thường ra mặt kẻ không có bằng. Kẻ không có bằng thì tìm


mọi cách phải mua cho bằng được. Các mối quan hệ thì đây rầy ghen tức và tị hiềm. Người ta sẵn sàng tức nhau vì nó gáy hơn mình hoặc nó lẻo mép hơn mình. Đứa nào mà nổi lên thì phải bu lại kéo nó xuống. Người ta đánh giá nhau qua số tiền kiếm được hoặc khoe ra. Hoặc thấy mình có giá hẳn lên khi có thể dùng tiền sai khiến kẻ khác và được tán thưởng. Từ vô nhà hàng ăn dở trò sờ soạng đám con gái bồi bàn đến bắt con nhỏ nhà quê bán bia ôm phải tự lột trần để khoe bộ ngực non cho mọi người coi, những người thành đạt hôm nay tự hợm mình như vậy đó. Với những cái tôi thô thiển đó, chỉ có hơn thua là quan trọng. Và mọi chuyện đều được nhìn qua lăng kính đó. Chúng ta khoái khoe khoang thành đạt của mình. Chúng ta tự hào mình cũng văn minh vì có thể sở hữu được những tiện nghi vật chất hiện đại. Chúng ta tự hào mình có văn hóa vì có quần áo đẹp và tham dự tiệc tùng đeo mặt nạ khen nhau. Ở đâu cũng vậy, tự lại là khoe nhặng xì lên, nhưng sau đó liền tản ra vì tức nhau quá. Rồi nói xấu. Hoặc bu lại nói xấu người lột trần mọi chuyện đó ra. Rồi tự lại. Cứ thế. Có thể nói thêm, những cái tôi đó không chỉ thô thiển mà còn ti tiện, xấu xí và què quặt nữa. Tôi thấy tiếc cho họ. Thay vì làm người có ý thức cá nhân, họ chỉ là những cá nhân thảm hại.

Nếu không bám víu vô những trò hơn thua, thì người ta tìm cách bám víu vào một cái gì đó to lớn hơn, chẳng hạn như danh phận, những anh hùng ca, văn hiến và tự hào dân tộc, rồi mơ mơ màng màng trong những niềm tự hào tập thể kiểu đó để thấy mình có giá trị. Nhiều người sau khi có được cái bằng đại học lập tức cái tôi tự ti ngày xưa biến mất và tự đắc cho là mình cũng có danh có phận và mãn nguyện lắm, và sự học cũng chấm dứt khi có cái bằng. Chưa thấy một giống dân nào mà người có chút bằng cấp đã tự xưng mình là trí thức như người Việt hôm nay. Tự hào mình có bốn ngàn năm văn hiến nhưng không thấy được mình chẳng văn minh chút nào, và sừng sộ lên khi có người chỉ ra điều đó. Tự tưởng tượng ra những cái nhất của mình. Một ông thầy trẻ của tôi khi chưa có dịp ra nước ngoài đứng nói oang oang trước lớp là người Việt mình nói tiếng Anh dễ nghe nhất. Người Việt nói tiếng Anh với nhau thì dễ nghe là phải rồi. Thịnh thoảng đọc báo chí tôi cũng phát hoảng vì người ta thi nhau cho văn hóa mình có nhiều cái nhất, như pho tượng Phật Bà ngàn tay ngàn mắt chẳng hạn. Tôi cũng thấy pho tượng đó đẹp ghê lắm, nhưng muốn cho là của mình nhất thì ít nhất cũng phải phân tích cái đẹp, so sánh đối chiếu với những cái tương tự, chớ đâu có thể phán khởi khởi cho đã miệng như vậy. Và cũng rất nhiều người Việt thấy đất nước mình đẹp và văn minh ghê lắm vì nghe và đọc những quảng cáo du lịch, nghe những lời khen xã giao, và lập tức coi và khoe đó là giá trị văn hóa của mình. Đó cũng là biểu hiện của một quan niệm hẹp hòi cho rằng chỉ có ngợi ca và tung hô thì mới có tinh thần dân tộc.

Phần đông chúng ta lớn lên trong một nền giáo dục khoái đồ khuôn, khoái rao giảng chân lý và khoái xoa đầu. Chúng ta bị tặng ngay danh hiệu học sinh cá biệt hoặc hỗn láo nếu có những thắc mắc hoặc những ý kiến thách thức chính kiến thức của thầy cô hoặc các bậc trưởng thượng.

Chúng ta được tưởng thưởng khi lặp lại đúng những gì thầy giảng bằng những danh hiệu kêu nhất. Điều đó khiến chúng ta có ảo tưởng là mình nắm giữ tri thức và chân lý. Khi nghe những gì mới lạ và trái với những gì chúng ta được nhào nặn và nhồi nhét, hoặc là chúng ta cho đó là tầm phào và bỏ ngoài tai hoặc là chúng ta sừng sộ lên làm như những điều mới lạ đó thách thức chính chúng ta vậy. Vì tin rằng mình đã nắm được tri thức và chân lý, chúng ta hiếm khi bỏ thì giờ ra tìm tòi và chiêm nghiệm. Thường hơn, thì giờ quý báu đó được dùng để chờ đợi một mệnh lệnh, một chỉ thị, một ân sủng, để âm mưu, hoặc dùng để ve vuốt chính mình. Vì được đồ khuôn cho giống nhau, chúng ta làm cái gì cũng ngó chừng coi thử mình có còn giống người ta không. Không dám sống khác đi, khiến đời sống chúng ta mất đi nhiều cơ hội, nhiều cuộc phiêu lưu tinh thần bổ ích và thú vị. Và còn tệ hơn, chúng ta có thói quen đánh giá người khác dựa trên những kinh nghiệm nhỏ nhoi của mình vì mỗi chúng ta có một niềm tin vững chắc rằng làm sao nó khác mình được. Riết rồi ai cũng tập nhiễm cái thói ai sao tui vậy, xe xua giống nhau, than thở giống nhau, cùng chia nhau "định mệnh".

Có thể nói trong các cái tự, như tự mãn, tự hào, tự tôn, tự ti, tự ái, vân vân, cái tự nào chúng ta cũng thừa mứa hết. Duy chỉ có một cái, tự trọng, dường như chúng ta thiếu kinh khủng. Đó cũng là hậu quả của ý thức cá nhân bị đè bẹp. Tiếc thay, con người sẽ không bao giờ ý thức được phẩm giá của mình nếu không có được ý thức cá nhân. Tự trọng là cái không thể có do được dạy dỗ. Tự trọng có được và phát triển khi chúng ta ý thức được phẩm giá cá nhân của mình. Chúng ta tự hào mình là trí thức mà nhưng tôi vẫn nhớ chúng ta đã từng tỉnh queo quay cóp khi đi học. Chúng ta tự hào mình ăn nên làm ra nhưng chúng ta tỉnh queo làm những trò gian lận, rút tĩa công quỹ, o ép vôi vĩnh người khác, hoặc chúng ta trốn thuế. Vân vân và vân vân. Toàn là những chuyện nhỏ. Giờ sang chuyện lớn. Gần đây chính quyền Việt Nam hối thúc chúng ta phải cảm thấy nhục vì nghèo. Thay vì đổ công sức kiếm tiền bằng mọi giá và khoe mẽ, có bao giờ chúng ta tự thắc mắc tại sao sau một thế hệ tăng trưởng nhất nhì châu Á nước chúng ta vẫn thuộc loại nghèo nhất thế giới. Có bao giờ chúng ta cảm nhận được thân phận của chúng ta là những công dân thiếu tự do nhất trên thế giới. Có bao giờ chúng ta đặt câu hỏi về cái "quyền tự quyết của dân tộc", trong khi các quyền của cá nhân chúng ta bị chà đạp và chẳng là cái gì hết. Nhục là biểu hiện của tâm thức tự ái, và phần nào đó bất lực. Cùng với nó là những hành động thuần phản ứng hơn thua bản năng. Trong khi đó, người tự trọng sẽ đồng đạc tố thái độ của mình. Chúng ta đã đóng góp sức lực nhiều. Chúng ta cần những câu trả lời minh bạch. Phẩm giá của chúng ta đòi hỏi vậy. Tính cách đó giúp chúng ta bình tĩnh phân biệt hay dở, đúng sai, chấp nhận phê phán, sửa chữa điểm yếu, tin tưởng ở ưu điểm, và tìm ra những phương cách để cải thiện tình thế.

Đến đây, có thể bạn sẽ trách tôi đã vẽ ra một bức tranh quá u ám. Tôi rất mừng nếu bạn thấy mình không thuộc về bức tranh đó. Bạn đã khiến tôi hy vọng. Cũng như 

HOẠT ĐỘNG "DÂN CHỦ THỐNG NHẤT" của ông Hoàng Minh Chính

Tin từ Hoa Kỳ cho biết ông Hoàng Minh Chính đã tới nói chuyện ở Trung Tâm Á Châu thuộc Viện Đại Học Harvard (Boston, Massachusetts) chiều ngày 28-9-2005. Sau đó ngày 29-9, ông Chính đã tiếp xúc với dân biểu Edward Royce, phó chủ tịch Ủy Ban Giao Dịch Quốc Tế Hạ Viện (Washington DC).

Cuộc nói chuyện ở Đại Học Harvard có đề tài thông báo trước là "Chủ nghĩa mác-xít và hệ lụy". Trong phần tiếp tân, phái viên Đài Á Châu Tự Do (Radio Free Asia) đã phỏng vấn ông Hoàng Minh Chính.

Được hỏi về tình trạng sức khỏe, ông Hoàng Minh Chính cho biết khi chữa trị bệnh ung thư tiền liệt tuyến của ông, bệnh viện Mỹ khám phá là có sự phát tán thêm qua ruột già. Trong cuộc giải phẫu vừa rồi, y sĩ đã cắt đi hai khối bướu độc trong ruột của ông. Ông Chính nói người ta sẽ còn giải phẫu cắt nốt khối bướu độc thứ ba. Nhưng cho dù có thế nào, ông Hoàng Minh Chính lạc quan tin rằng khi được điều trị ở nước ngoài, với những kỹ thuật y học hiện đại, khả năng chữa lành bệnh gia tăng rất nhiều.

Theo một thính giả hiện diện, buổi thuyết trình của ông Chính tại Đại học Harvard, có lẽ vì thiếu vận động, đã chỉ được sự tham gia của một cử tọa nhỏ, khoảng 20 người Việt Nam và 4 người Mỹ. Không thấy sự hiện diện

của khoa trưởng Lawrence Summers hay một chức sắc người Mỹ nào của trường. Trong cuộc tiếp xúc với ông Edward Royce. Ông Hoàng Minh Chính đã trao một "báo cáo" ngắn về "tình hình dân chủ ở Việt Nam".

Trong hai lần "thuyết trình" và "báo cáo" trên đây, ngoài những tố cáo sai lầm của chủ nghĩa mác-xít và tội ác của các chế độ cộng sản theo mô hình Staline và Mao Trạch Đông, ông Hoàng Minh Chính đã lên án sự đàn áp tôn giáo và trào lưu dân chủ ở Việt Nam. Ông kêu gọi "xóa bỏ quân chế" cho các vị lãnh đạo Phật giáo như các hòa thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ và trả tự do cho các "tù nhân lương tâm" Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, Nguyễn Khắc Toàn.

Ngoài ra ông Hoàng Minh Chính còn giới thiệu sự ra đời của "Phong Trào Dân Chủ Việt Nam Thống Nhất", với sự phối hợp (thống nhất) giữa hai thành phần : quốc nội do giáo sư Trần Khuê đại diện, và hải ngoại do bác sĩ Nguyễn Xuân Ngãi đại diện.

Thành phần *quốc nội* của Phong Trào gồm những nhân vật được ghi nhận qua một số phát biểu gần đây của ông Hoàng Minh Chính. Theo đó, ngoài ông Hoàng Minh Chính, còn có các ông Trần Khuê, Hoàng Tiến, Trần Dũng Tiến, Nguyễn Chính Kết và Đỗ Nam Hải. Bà Dương Thu Hương tuy được coi là thành viên của phong trào nhưng chưa thấy có sự xác định của chính đương sự. Cũng nên biết bà Dương Thu Hương đã từng tuyên bố là bà không muốn tham gia một tổ chức hay vận động chính trị nào cả. Ngoài những người này, ông Hoàng Minh Chính không đề cập đến những nhà dân chủ khác ở trong nước.

Tưởng cũng nên nhắc lại, trước khi ông Hoàng Minh Chính lên đường đi Mỹ, nhóm của ông có mâu thuẫn lớn với Nguyễn Thanh Giang và những người ủng hộ ông Giang. Mặc dù chỉ có hai nhà văn Dương Thu Hương và Hoàng Tiến viết bài đả kích ông Nguyễn Thanh Giang (với lời lẽ rất nặng nề), trong các bài trả lời ông Giang lên án luôn cả ông Hoàng Minh Chính mà ông Giang cho là người đạo diễn những cuộc đánh phá này, vì ghen tức với uy tín với ông. Những xung đột ấy đã gây phiền muộn cho mọi người dân chủ trong và ngoài nước.

Trong thành phần *hải ngoại*, ông Hoàng Minh Chính chỉ nêu một danh tính duy nhất, bác sĩ Nguyễn Xuân Ngãi, trong chức vụ "đại diện hải ngoại". Ông Nguyễn Xuân Ngãi là phó chủ tịch *Đảng Nhân Dân Hành Động*, một đảng đã xuất hiện ở California, Hoa Kỳ, trong thập niên 1990, chưa có hoạt động công khai nào được ghi nhận ở ngay địa phương và cũng không có một tờ báo làm cơ quan ngôn luận. Không thấy ông Chính và đảng Nhân Dân Hành Động cho biết họ đã tiếp xúc với những tổ chức nào. Như thế Phong Trào Dân Chủ Thống Nhất có thể không phải là một liên minh mà chỉ là một danh xưng của một tổ chức mới.

Nghiêm Văn Thạch (Paris)

tôi đã đặt niềm hy vọng vào những gương mặt ý thức được phẩm giá cá nhân của mình và dẫn thân cho sự thật, tự do và công lý. Thế kỷ 21 sẽ là thế kỷ của những cá nhân như vậy. Tôi cũng như bạn thôi, cũng mười bảy năm lớn lên dưới mái trường xã hội chủ nghĩa, cũng đi làm và đổ công sức để mang lại một bộ mặt mới cho nước Việt. Tôi có được một cơ hội ra ngoài, sống đời sống của một người tự do, có dịp đối chiếu và suy nghĩ, nhìn lại bản thân, và giờ đây viết nên những suy nghĩ của mình, và thành thật chia sẻ cùng bạn. Nếu bạn không đồng ý, chúng ta cùng thảo luận. Người ta dạy dỗ chúng ta tư duy Việt "hiện đại mang đầy tính dân tộc", nhưng cái khoảng trống cần lấp đầy lại chính là ý thức cá nhân. Đừng lo mình thiếu tinh thần dân tộc. Một dân tộc gồm những cá nhân ý thức được phẩm giá của mình là một dân tộc đầy phẩm giá. Theo tôi sự thiếu vắng ý thức cá nhân cũng chính là nguyên nhân khiến Việt Nam sau bao nhiêu năm vẫn tiếp tục đi những bước chập chững đầu tiên về hướng dân chủ. Không có dân chủ sẽ không có một nước Việt mới. Ý thức cá nhân sẽ là bậc cấp giúp cho chúng ta tiến vô ngưỡng cửa của cái tầm văn hóa cao hơn hẳn đó.

Hãy gọi tên chính mình. Gọi tên nhau. Tự khai sáng, gây dựng ý thức cá nhân, và nhập cuộc.

Khiêm (Raleigh, NC.)

Chú thích :

(1) Thanh Tâm Tuyền, *Câu thứ tư trong bài thơ Phục Sinh*.

(2) Kant, Immanuel, *Khai sáng là gì ?* Nguyệt San Berlin, Tháng 12-1784.

CỘNG ĐỒNG NGƯỜI KHMER TẠI MIỀN NAM

Nguyễn Văn Huy

Đầu tháng 8-2005, một nhóm gồm 25 tăng sĩ Phật giáo tiểu thừa và 80 người Việt gốc Khmer tụ tập trước trụ sở Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc tại Phnom Penh xin hưởng qui chế tị nạn. Những người này đến từ nhiều nơi khác nhau trên đồng bằng sông Cửu Long (Mekong) Việt Nam và đang tạm trú trong một chùa tại Phnom Penh. Sở dĩ có sự tụ tập này là vì họ bị buộc phải rời khỏi ngôi chùa vừa nói nên đến đây xin tị nạn. Những người này lo sợ cho số phận của họ vì trước đó một tuần chính quyền Campuchia đã cưỡng bách hồi hương về Việt Nam gần 100 người Thượng sau khi bị khước từ quyền tị nạn, vì tình nghi có tham gia vào những cuộc xuống đường hồi tháng 4-2004 vừa qua trên Tây Nguyên.

Các tổ chức Khmer Krom

Trả lời phỏng vấn của đài RFA (đài Á Châu Tự Do, phát thanh tại Hoa Kỳ) ngày 3-8-2005, những người này cho biết họ đã trốn sang Campuchia vì bị cáo buộc hoạt động cho một tổ chức của người Khmer ở Mỹ, một số sẽ thường xuyên bị công an mời lên làm việc... Nhiều người nói thêm là họ không được hưởng quyền tự do tín ngưỡng, đất đai bị tịch thu, không được sử dụng internet và bị cấm nghe các đài phát thanh của nước ngoài.

Sự thật như thế nào? Sự hiện diện của những người Việt gốc Khmer này tại Phnom Penh đã có từ lâu, ít nhất là từ nhiều tháng qua, và số phận của họ không có gì là bị đe dọa. Qua hình ảnh, người ta thấy những người này đều ăn mặc sạch sẽ, dáng người khỏe mạnh, cười nói tự nhiên trước ống kính các phóng viên quốc tế và được cảnh sát Campuchia tận tình giúp đỡ. Tổ chức mà họ bị cáo buộc tham gia mang tên KKF (Khmer Kampuchea-Krom Federation), trụ sở đặt tại Columbus, Ohio, Hoa Kỳ, do các ông Edward Tuon Son (chủ tịch), Kim To (tổng thư ký), Tran Manrinh (phát ngôn viên) lãnh đạo. Tổ chức KKF có một website KKN (<http://www.khmerkrom.net>), một đài phát thanh tên VOKK (Voice of Kampuchea-Krom Radio, trụ sở đặt tại Pennsauken, New Jersey), một hội sinh viên Phật giáo KKKUBS (Khmer Kampuchea Krom Union Buddhist Students), do nhà sư Yieng Vanna làm chủ tịch và hội các tu sĩ Phật giáo KKBM (Khmer Krom Buddhist Monks), trụ sở đặt tại Phnom Penh.

Chủ trương của KKF là đòi Việt Nam trả lại lãnh thổ Kampuchea Krom, tức toàn bộ lãnh thổ miền Nam Việt Nam từ Bà Rịa, Đồng Nai, Sông Bé đến Hà Tiên và mũi Cà Mau. Tổ chức KKF không ngừng gửi thư đến các định chế quốc tế tố cáo chính quyền cộng sản Việt Nam đàn áp người Việt gốc Khmer tại Việt Nam và dựng đứng nhiều chuyện ghê rợn như 10.000 người Khmer Krom bị thiêu sống năm 1945, hàng ngàn người Khmer Krom bị giết thả trôi sông từ 1976 đến 1979, hàng ngàn người Khmer Krom bị tàn sát tại Trà Vinh và Vĩnh Long từ 1984 đến 1990, v.v.

Hàng năm, cứ đến ngày 6-4, tổ chức KKF này vận động các sư sãi Khmer tại Việt Nam làm lễ kỷ niệm ngày chính quyền Pháp chuyển giao lãnh thổ Nam Kỳ (Cochinchine) cho Việt Nam (6-4-1949) và tố cáo các chính quyền Việt Nam cai trị lãnh thổ này như một thuộc địa (!). Chính sau những dịp này, vì sợ các chính quyền cộng sản địa phương bắt, một số sư sãi và thành viên KKF sinh sống trên đồng bằng sông Cửu Long dẫn gia đình sang Campuchia lánh nạn. Chính quyền Campuchia sẵn sàng cho họ tị nạn nhưng tất cả đều muốn được Mỹ cho tị nạn.

Một sự kiện cũng cần ghi nhận là chống Việt Nam gần như là đồng thuận chung của tất cả đảng phái chính trị tại Campuchia, nhất là vào những dịp tranh cử. Hiện nay tổ chức KKF được những đảng lớn như Funcipec, Sam Rainsy ủng hộ và giúp đỡ. Sở dĩ có sự đồng thuận này là vì lãnh thổ miền Nam trừ phú hơn Campuchia nhiều lần và ước muốn của mọi người Khmer là thu hồi lại, trong khi phần lãnh thổ phía tây-bắc kém trừ phú hơn (hiện nay là các tỉnh của Thái Lan : Trat, Chantaburi, Prachinburi, Buriram, Surin, Sisaket, Ubon Ratchathani, trước kia thuộc lãnh thổ đế quốc Angkor) không hề được nhắc tới. Phần đất kém trừ phú này và lãnh thổ Nam Lào được người Khmer gọi là gọi là Kampuchea Leu (Campuchia Thượng). Lãnh thổ chính của người Khmer hiện nay là Kampuchea Kandal (Campuchia trung tâm), gồm các vùng đất quanh Biển Hồ (Tonlé Sap).

Những nhóm dân cư đầu tiên tại miền Nam

Những nhóm Khmer Krom thường viện dẫn những lý do lịch sử và văn hóa để chứng minh chủ quyền của người Khmer trên lãnh thổ miền Nam. Sự tiếp cận này tuy hợp lý nhưng không đúng. Người Khmer chưa hề làm chủ vùng đất này. Đế quốc Angkor trong thời cực thịnh nhất, từ thế kỷ 8 đến thế kỷ 12, cũng chưa bao giờ làm chủ vùng đất này vì một lý do giản dị : người Khmer không có mặt trên đồng bằng sông Cửu Long. Cho đến nay khoa khảo cổ học không tìm thấy đền đài nào của thời Angkor trên đồng bằng sông Cửu Long. Cũng nên biết nền văn minh chói sáng của các thời đại Angkor thể hiện qua các công trình kiến trúc bằng đá, tất cả đều tập trung quanh khu vực Siem Reap và Battambang. Thời kỳ sau đó, từ thế kỷ thứ 15 đến thế kỷ 17, lãnh thổ của vương quốc Chân Lạp chỉ quanh quẩn từ khu vực phía nam hồ Tonlé Sap đến khu Mỏ Vẹt phía đông, và từ Stung Treng phía bắc đến Tàkeo về phía nam, mỗi khu vực do một tiểu vương chiếm giữ và đánh phá lẫn nhau. Những danh xưng như Moat Chruk (Châu Đốc), Phsar Dek (Sa Đéc), Toek Khmau (Cà Mau), v.v. chỉ xuất hiện sau này khi người Khmer theo chân người Việt và người Minh Hương đến khai phá đồng bằng sông Cửu Long, từ giữa thế kỷ 17 đến cuối thế kỷ 19. Di tích xưa nhất của người Khmer : các chùa chiền có cùng niên đại với sự

xuất hiện của người Hoa và người Việt, nghĩa là cách đây khoảng 300 năm.

Những khám phá khảo cổ gần đây cho thấy những cư dân đầu tiên trên lãnh thổ miền Nam cách đây từ 8 đến 10.000 năm là người Melanesien, da đen, tóc quăn, thấp người, sinh sống bằng nghề hái lượm ; nhóm này đã đồng hóa những nhóm Veda có mặt cách đây trên 15.000 năm. Về sau là các sắc dân Indonesien di cư từ miền Tây Ấn Độ, cách đây từ 2.500 đến 4.000 năm, đến lập nghiệp, nhóm này đồng hóa những nhóm Melanesien có mặt trước đó. Địa bàn cư trú của những người này là những vùng đất cao, xa biển, có nhiều rừng và sông ngòi. Dấu vết người Indonesien được tìm thấy nhiều nhất tại tỉnh Đồng Nai và Kiên Giang, với những dụng cụ bằng đá và sắt.

Vào đầu công nguyên, ở vùng địa đầu miền Nam Việt Nam, những nhóm Indonesien bản địa, người Môn, đã kết hợp lại cùng nhau xây dựng vương quốc Phù Nam. Di chỉ Ốc Eo ngày nay là một chứng tích. Hấp dẫn bởi sự phồn vinh của Phù Nam, nhiều nhóm Malayo-Polynesien (Nam Đảo) từ vùng biển phía nam đổ bộ lên vịnh Hà Tiên sinh sống, truyền bá luôn văn hóa và tổ chức xã hội theo khuôn mẫu Ấn Độ mà họ đã hấp thụ. Trong thế kỷ thứ 5, Phù Nam bị suy yếu dần vì nạn hải tặc ; đến giữa thế kỷ thứ 7, Phù Nam bị những nhóm Khmer từ cao nguyên Korat tràn xuống tiêu diệt và thành lập đế quốc Angkor. Đồng bằng sông Cửu Long trở thành một vùng đất hoang, địa bàn sinh trú của các bầy thú dữ và rắn độc.

Trong suốt thời kỳ hưng thịnh nhất của đế quốc Angkor, trung tâm chính trị và văn hóa được thiết lập phía bắc hồ Tonlé Sap, quanh Battambang và Siem Reap, nơi các đền Đế Thiên (Angkor Wat), Đế Thích (Angkor Thom) được xây dựng. Gần như tất cả dân cư sinh sống quanh trung tâm này đều bị bắt về làm nô lệ để xây dựng đền đài. Khi đế quốc Angkor bị người Xiêm La (Thái Lan) tiêu diệt vào giữa thế kỷ 15, không người Khmer nào dám phiêu lưu xuống đồng bằng sông Cửu Long lánh nạn hay lập nghiệp vì sợ rừng thiêng nước độc. Gần như tất cả dân cư Khmer đều tập cư quanh nơi tiếp giáp Biển Hồ và sông Mekong, tức thủ đô Phnom Penh ngày nay. Về sau, để tránh cảnh lụt lội, một số di dân phiêu lưu xuống những gò đất cao (giồng) tại Đồng Tháp và Châu Đốc định cư.

Mở rộng miền Đông

Theo Mak Phoeun (*Histoire du Cambodge de la fin du XVIe siècle au début du XVIIe*, EFEO, Paris, tr. 178), cho tới cuối thế kỷ 17 vùng đất phía Đông Nam, Prei Nokor (Gia Định) chỉ chính thức được sáp nhập vào lãnh thổ vương quốc Chân Lạp dưới triều Paramaraja III (1566-1576). Lý do là Paramaraja III muốn ngăn chặn sự xâm nhập của người Champa (Chăm và Thượng) vào sâu trong nội địa Chân Lạp, lúc đó đã có mặt đông đảo tại Barea (Bà Rịa) và Daung Nay (Đồng Nai). Trong quá khứ, Chiêm Thành và Chân Lạp đã nhiều lần tranh chấp và xâm chiếm lãnh thổ lẫn nhau. Đi theo đoàn quân này là một số nông dân Khmer phiêu lưu đến Tuol Ta Mauk (Thủ Dầu Một) và Kanhchoeu (Cần Giẻ) khai khẩn đất hoang.

Để tách khỏi sự kềm chế của Xiêm La, năm 1620 Jayajettha II (1619-1627) muốn kết nghĩa sui gia với chúa Nguyễn ở Đàng Trong bằng cách cho người sang Phú Yên xin cưới công chúa Ngọc Vạn. Hậu ý của Jayajettha II là muốn được quân Việt tiếp cứu khi bị Xiêm La tấn công, đây là một tính toán chiến lược quan trọng vì người Việt ở quá xa lãnh thổ Chân Lạp nên không lo ngại bị xâm chiếm vì có vương quốc Champa làm khu trái đệm. Trong thời kỳ này, Sãi Vương Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1635), đang tranh chấp với chúa Trịnh, rất cần nguồn lương thực để nuôi quân ; có được một đồng minh chiến lược như Chân Lạp để làm hậu cần thì không gì quý bằng. Cả hai đều ngại kết hợp với người Chăm tại Panduranga để làm đồng minh. Bù lại, Jayajettha II nhượng cho Sãi vương quyền khai thác lãnh thổ Prei Nokor trong vòng 5 năm để làm nơi thu mua và vận chuyển hàng hóa (súc vật và lúa gạo) ra miền Trung. Kompong Trabei (Bến Nghé, tức Sài Gòn hiện nay) là nơi tồn trữ súc vật.

Từ 1622 đến 1623, quân Xiêm La tiến chiếm khu vực tây-bắc Biển Hồ và xúi giục các lãnh chúa địa phương chống lại Udong, thủ phủ Chân Lạp. Chống không lại, Jayajettha II cử người sang xứ Đàng Trong cầu cứu. Sau vài trận giao tranh, quân Xiêm bị đánh bật ra khỏi lãnh thổ, nhiều người bị bắt làm tù binh. Từ đó vua Khmer rất cần sự hiện diện của quân Việt trên lãnh thổ của mình, việc thu hồi hai nhượng địa Prei Nokor và Kompong Trabei không còn đặt ra nữa. Để tăng cường địa bàn hậu cần này, chúa Nguyễn đưa tù nhân bị đày biệt xứ và khuyến khích cư dân miền Bình Trị Thiên vào đây lập nghiệp.

Năm 1627, khi Jayajettha II qua đời, Chân Lạp trở nên loạn lạc. Anh em, chú bác và con cháu các dòng vương tôn tranh ngôi báu lẫn nhau, tất cả đều nhờ Xiêm La hoặc Đàng Trong vào can thiệp. Năm 1658 quân Xiêm tiến chiếm toàn bộ lãnh thổ phía tây-bắc Biển Hồ, Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần (1648-1687) mang quân sang lấy lại. Nhưng sự hiện diện của quân đội nước ngoài trên lãnh thổ Chân Lạp không giải quyết được gì, các dòng vương tôn tiếp tục tranh chấp lẫn nhau ngôi báu.

Năm 1674, Nặc Ông Nộn (Ang Nan hay Padumaraja) bị Nặc Ông Đài (Jayachettha III), người anh con chú bác, nhờ quân Xiêm giúp chiếm ngôi vua. Ông Nộn chạy sang Khánh Hòa (dinh Thái Khang) cầu cứu. Chúa Hiền sai Nguyễn Dương Lâm (tổng trấn Khánh Hòa) và Nguyễn Đình Phái (tham mưu) đưa Nặc Ông Nộn về chiếm lại Sài Gòn (Prei Nokor), Gò Bích (Longvek) và Nam Vang (Phnom Penh), rồi vây thành Long Úc (Oudong). Nặc Ông Đài chạy vào rừng trốn, em là Nặc Ông Thu (Ang Sor hay Jayajettha IV) ra hàng. Từ đó Chân Lạp bị chia ra làm hai : Nặc Ông Thu làm đệ nhất vương cai trị vùng đất cao phía tây sông Mekong, thuộc ảnh hưởng của Xiêm La, thủ đô đóng tại Long Úc ; Nặc Ông Nộn làm đệ nhị vương cai trị vùng đất phía đông sông Mekong, tức miền Đông Nam phần (Châu Đốc, Đồng Tháp, Gia Định), thuộc ảnh hưởng của chúa Nguyễn, thủ đô đặt tại Prei Nokor (Sài Gòn). Nhưng tình hình vẫn không yên, cậy thế được quân Xiêm hay quân Việt bảo vệ, lãnh tụ hai phe Khmer tiếp tục tranh

chấp lẫn nhau để giành độc quyền lãnh đạo lãnh thổ trung tâm. Cho đến gần cuối thế kỷ 17, khu vực Sài Gòn - Gia Định là một vùng tranh chấp, không thế lực nào làm chủ quyền thật sự.

Năm 1679 hai vị tướng nhà Minh - Dương Ngạn Địch (tổng binh quận Long Môn, tỉnh Quảng Tây) cùng phó tướng Hoàng Tiến, và Trần Thượng Xuyên (tổng binh các quận Cao-Lôi-Liêm, tỉnh Quảng Đông) cùng phó tướng Trần An Bình - không chịu hàng nhà Thanh, mang 3.000 quân bản bộ đi trên 50 chiến thuyền tới bể Tu Dung (Đà Nẵng) xin tị nạn, chúa Hiền chấp thuận và được đưa vào miền Đông khẩn hoang đất mới. Dương Ngạn Địch và phó tướng Hoàng Tiến đem binh thuyền vào cửa Soài Rạp và Đại Tiểu, đồn trú tại Lộc Dã (Đồng Nai), Mỹ Tho (Định Tường) và Cao Lãnh (Cai Lậy). Trần Thượng Xuyên (Trần Thắng Tài) và Trần An Bình cùng binh sĩ dừng lại ở cù lao Phố (Nông Nại Đại Phố, hay Đồng Nai đại phố), Bàn Lân (Biên Hòa) và Đê Ngạn (Gia Định cũ) lập nghiệp. Nhiều người Minh Hương tị nạn trước đó tại những làng xã dọc bờ biển miền Trung cũng xin miền Đông lập nghiệp với hai binh đoàn này.

Từ đó hai đoàn quân Minh triều cùng với người Minh Hương vỡ đất phá rừng, đào kinh, cất phố, lập chợ, đưa văn hóa, văn minh và kỹ thuật cao của Trung Hoa vào thẳng miền Nam Việt Nam. Họ chọn những vị trí thuận lợi cho việc giao thông (những vùng đất cao cạnh mé sông) và tập trung khai thác những vùng đất mới.

Cũng nên biết miền Đông vào thời này còn rất hoang dã, nhiều huyền thoại của người Hoa còn lưu truyền cho đến nay, như huyền thoại về các võ sư người Hoa đến đất Gia Định tìm long mạch để khôi phục lại nhà Minh., từ đó xảy ra nhiều chuyện đấu võ giữa các võ sư phái Thiếu Lâm Tự và các võ sư bản địa, nhất là với phái võ Bình Định của Tây Sơn tại 18 thôn Vườn Trầu. Năm 1770 ông Tăng Ân, một võ sư người Hoa, đánh cọp bằng tay không tại chợ Tân Cảnh (Gia Định). Năm 1786, ông Võ Tánh đánh cọp tại thôn Vườn Trầu. Đất Gia Định thời đó còn nổi tiếng về ma quái và bùa phép. Nhiều am miếu, chùa chiền của người Hoa được xây dựng trong địa bàn Biên Hòa (cù lao Phố) và Gia Định như chùa Quan Đế năm 1694, chùa Giác Lâm do Lý Thoại Long xây năm 1774, chùa Kim Chương (hay Kim Chung) năm 1775, chùa Gia Thạnh năm 1789, Quan Võ Miếu năm 1820, chùa Bà Thiên Hậu... để tạ ơn các vị thần và trấn áp ma quỷ vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.

Sau khi tạm ổn định cư trú và muốn phát triển vùng đất mới, Trần Thượng Xuyên kêu gọi những thương nhân gốc Hoa từ các quốc gia khác (Singapore, Mã Lai, Trung Hoa) đến buôn bán và làm phát triển nền kinh tế của vùng đất mới. Thương thuyền các nước Trung Hoa, Nhật Bản, Java qua lại trao đổi và buôn bán rất tấp nập.

Trong giai đoạn này sự phân chia lãnh thổ cư trú giữa các thành phần chủng tộc cũng khá đặc biệt. Quân và lưu dân Việt Nam trú đóng mạn bắc Sài Gòn (Bà Rịa và Bến Nghé). Quân Minh triều cũ và người Minh Hương đồn trú tại Gia Định, Biên Hòa, Mỹ Tho và Định Tường. Dân chúng Khmer tập trung tại Phú Lâm và các làng xã dọc hai

bờ sông Cửu Long, đông nhất là tại Sóc Trăng. Ba thành phần sắc tộc này, do điều kiện sinh kế, đã sống xen kẽ và nương tựa lẫn nhau. Người Khmer thích ở nhà sàn, định cư trên những vùng đất cao (giồng), người Việt và Hoa thích nhà trệt và sống trong các vùng đất thấp (đồng bằng). Sự giao lưu giữa ba thành phần này có lúc rất hài hòa nhưng cũng có lúc rất gay go vì ngôn ngữ và văn hóa bất đồng.

Năm 1698, Minh vương Nguyễn Phúc Chu phong Nguyễn Hữu Kính làm Kinh lược sứ lãnh thổ miền Đông, ông lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, lấy xứ Sài Côn làm huyện Tân Bình, lấy đất Biên Hòa lập Trấn Biên dinh và đất Gia Định lập Phiên Trấn dinh. Ông chiêu mộ lưu dân ngũ Quảng (Quảng Bình, Thừa Thiên, Quảng Nam, Bình Định và Phú Yên) vào khai khẩn đất hoang. Từ đó toàn bộ đất đai miền Đông được sát nhập vào sổ bộ Việt Nam. Những thành phố, làng xã mang tên Khmer đều được phiên âm ra tiếng Nôm (dựa theo cách phát âm của người Hoa). Theo Trịnh Hoài Đức (*Gia Định thành thông chí*), vào đầu thế kỷ 18, đất Gia Định rộng 1.000 dặm, dân số được hơn 40.000 hộ (200.000 người), đa số là người di dân gốc Việt, số còn lại là người Hoa và Khmer sinh sống bằng nghề buôn bán và làm rẫy.

Khai phá miền Tây

Năm 1671, một người Hoa tên Mạc Cửu (Mạc Kính Cửu), quê ở Lôi Châu tỉnh Quảng Đông, mang cả gia đình, binh sĩ và một số sĩ phu khoảng 400 người lên thuyền rời khỏi Phúc Kiến. Sau nhiều ngày lênh đênh trên biển cả, phái đoàn Mạc Cửu đổ bộ lên một vùng đất hoang trong Vịnh Thái Lan. Sau khi dò hỏi và biết vùng đất này thuộc ảnh hưởng Chân Lạp, phái đoàn liền tìm đường đến Oudong xin tị nạn, nhưng lúc đó nội bộ Chân Lạp có loạn. Mạc Cửu gặp Nặc Ông Thu (Ang Sur, Jayajettha III) và ở lại hợp tác cho đến năm 1681. Vì không được tin cậy, Mạc Cửu từ giả nhà vua và được chấp thuận khai khẩn vùng đất hoang trong vịnh Thái Lan mà không phải trả một khoảng thuế nào. Cũng nên biết trong giai đoạn này uy quyền của vua Chân Lạp không ảnh hưởng gì trên những vùng đất ven biển, vịnh Thái Lan là nơi hành nghề của các đám hải tặc gốc Hoa và Thái vì thương thuyền qua lại nơi này rất đông.

Mạc Cửu là một người giỏi tổ chức. Nhận thấy có khả năng khai thác nguồn lợi từ những đám hải tặc trong vịnh này mang lại, ông lập ra 7 sòng bạc dọc bờ biển để kinh tài: Mán Khảm (Peam), Long Kỳ (Ream), Cầm Bột (Kampot), Hương Úc (Kompong Som), Sài Mạt (Cheal Meas), Linh Quỳnh (Rạch Giá) và Phú Quốc (Koh Tral). Thủ phủ đặt tại Mán Khảm (cảng của người Mán, rước người Khmer), sau đổi thành Cầm Khẩu (Cầm Kháo hay Cầm Cáo). Tiếng đồn vang xa, lưu dân gốc Hoa từ khắp nơi trong vịnh Thái Lan xin vào đây lập nghiệp, vùng đất này trở thành một lãnh địa phồn vinh mang tên Cầm Khẩu Quốc. Đảo Koh Tral đổi tên thành Phú Quốc, vùng đất phú cường. Nhiều gia đình Khmer trong nội địa đã di cư đến đây lập nghiệp và sinh sống bằng nghề phục dịch. Những tay phiêu lưu giang hồ tứ xứ đến đầu quân dưới trướng Mạc Cửu ngày càng đông và là một đe dọa uy cho quyền Xiêm

La đang lên trong vùng.

Năm 1708 Mạc Cửu liên lạc được với Minh vương Nguyễn Phúc Chu và năm 1711 được mời ra Huế tiếp kiến. Năm 1714, Mạc Cửu xin làm thuộc hạ của chúa Nguyễn và được phong chức tổng binh cai trị đất Cồn Khẩu. Năm 1724, Mạc Cửu dâng luôn toàn bộ đất đai và được phong làm đô đốc cai trị lãnh thổ Cồn Khẩu, đổi tên thành Long Hồ dinh. Từ 1729, Long Hồ dinh nổi tiếng là vùng đất trù phú nhất vịnh Thái Lan. Mạc Cửu mất (1735), con là Mạc Sĩ Lân, sau đổi thành Mạc Thiên Tứ, được phong làm đô đốc, kế nghiệp cha cai trị Long Hồ dinh. Gia đình họ Mạc được Ninh vương Nguyễn Phúc Trú nâng lên hàng vương tôn. Long Hồ dinh đổi tên thành trấn Hà Tiên. Năm 1739, Mạc Thiên Tứ lập thêm bốn huyện : Long Xuyên (Cà Mau), Kiên Giang (Rạch Giá), Trấn Giang (Cần Thơ) và Trấn Di (bắc Bạc Liêu).

Thời bấy giờ nội bộ Chân Lạp tiếp tục có loạn, các vương tôn tranh nhau ngôi báu. Mỗi dòng đều cậy nhờ quân Việt hoặc quân Xiêm vào giúp đỡ. Năm 1755, Nặc Nguyên nhờ Mạc Thiên Tứ dâng chúa Nguyễn lãnh thổ hai phủ Tầm Bôn (Cần Thơ) và Lôi Lập (Long Xuyên) để được về Nam Vang cai trị. Năm 1758, chúa Nguyễn đưa Nặc Tôn (Ang Ton II) lên làm vua và được tặng thêm lãnh thổ Tầm Phong Long (Châu Đốc và Sa Đéc). Nặc Tôn tặng riêng Mạc Thiên Tứ lãnh thổ 5 phủ miền Đông-Nam Chân Lạp : Hương Úc (Kompong Som), Cần Bột (Kampot), Trực Sâm (Chung Rùm), Sài Mạt (Cheal Meas) và Linh Quỳnh (vùng duyên hải từ xã Sré Ambel đến làng Peam), nói chung là toàn bộ vùng biển ven duyên quanh đảo Phú Quốc, Mạc Thiên Tứ dâng hết cho Võ vương Nguyễn Phúc Khoát. Thật ra đây là những vùng đất hoang, không người Khmer nào sinh sống tại đây vì sinh lầy và lụt lội quanh năm. Võ vương sát nhập tất cả các vùng đất mới vào trấn Hà Tiên, giao cho Mạc Thiên Tứ cai trị.

Từ đó các lãnh thổ miền Tây được qui thành ba đạo : Đông Khẩu đạo (Sa Đéc), Tân Châu đạo (Tiền Giang) và Châu Đốc đạo (Hậu Giang). Long Hồ dinh được chuyển về Tầm Bào (Vĩnh Long) thuộc Châu Đốc đạo. Năm 1759, công cuộc bình định đất đai miền Nam xem như hoàn tất.

Cộng đồng người Khmer dưới triều Nguyễn

Trong cuộc tranh chấp giữa các vua chúa Chân Lạp, cộng đồng người Khmer tại miền Nam giữ thái độ trung lập. Dân chúng Khmer thường tìm cách tránh xa nơi nào có giao tranh, hoặc di cư về những vùng đất cao dọc hai bờ Tiền Giang và Hậu Giang (Ba Thắc) sinh sống (Trà Vinh, Sóc Trăng ngày nay) lập nghiệp. Khi thấy chúa Nguyễn bị quân Tây Sơn nhiều lần đánh bại (1776-1777), cộng đồng người Khmer tại Trà Vinh có nổi lên ủng hộ nhưng bị Đỗ Thành Nhân cùng binh đoàn Đông Sơn tàn sát rất dã man năm 1780. Từ đó người Khmer giữ thái độ trung lập trong các cuộc tranh chấp giữa người Việt và người Hoa tiến chiếm các tỉnh miền Đông và miền Tây, cộng đồng người Khmer tránh xa những nơi hành quân và tranh chấp giữa quân Việt và quân Pháp.

Dưới thời Gia Long (1802-1820), toàn bộ lãnh thổ miền

Nam tương đối ổn định. Khu vực biên giới giữa Việt Nam (Gia Định, Vĩnh Thanh) và Chân Lạp, tuy chưa được phân chia một cách rõ ràng nhưng rất ổn định. Chủ quyền trên các hải đảo trong vịnh Thái Lan cũng đã rõ ràng : đảo Phú Quốc, đảo Thổ Châu thuộc về nhà Nguyễn. Toàn bộ lãnh thổ Chân Lạp từ Phnom Penh đến hữu ngạn sông Hậu Giang (Kandal, Takeo, Kocong) đặt dưới quyền bảo hộ của nhà Nguyễn.

Năm 1817, Nguyễn Văn Thoại (Thoại Ngọc Hầu) tuyển mộ người Việt và người Khmer đào kinh Núi Sập (Thoại Hà) từ Hậu Giang đến Rạch Giá. Từ đầu năm 1818, tướng Lê Văn Duyệt chỉ huy 55.000 dân công, trong đó dân công Việt được tuyển mộ ở Vĩnh Thanh và Định Tường do Thoại Ngọc Hầu điều khiển, dân công Khmer tuyển mộ ở Trà Ôn (đồn Uy Viễn) do Nguyễn Văn Tồn (một tướng gốc Khmer được Gia Long ban họ Nguyễn) chỉ huy đào kinh Vĩnh Tế, nối liền Châu Đốc với Hà Tiên đến năm 1823 thì hoàn tất. Từ đó đồng bằng sông Cửu Long đông đảo dần, người Việt và người Khmer sinh sống xen kẽ với nhau. Các tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Sa Đéc, Sóc Trăng, Long Xuyên, Châu Đốc, Cần Thơ trở nên trù phú. Do đất đai còn rộng, nhiều gia đình Khmer tự ý thay đổi chỗ ở khi có người Việt hoặc người Hoa đến lập nghiệp kế bên. Cũng nên biết người Khmer rất tôn trọng sự thuần chủng, những cuộc hôn nhân dị chủng, nhất là với phái nữ, rất khó được chấp nhận. Thêm vào đó yếu tố tôn giáo cũng rất quan trọng, đa số người Khmer theo văn hóa Ấn Độ và Phật giáo tiểu thừa nên không muốn có sự chung chạ trong các lễ đưa nước, rước nước...

Dưới thời các chúa Nguyễn và Gia Long, cộng đồng người Khmer hưởng qui chế tự trị. Sang thời Minh Mạng, chính sách đồng hóa (về văn hóa), dưới tên gọi "nhất thị đồng ngôn", nghĩa là phải coi họ là người (như chúng ta), được áp dụng chung cho tất cả các sắc tộc, kể cả những cộng đồng người Khmer sinh sống từ lâu tại miền Nam : Trà Ôn (Châu Đốc), Lạc Hóa (Cầu Kè, Tiểu Cần), Ba Thắc (Sóc Trăng, Kế Sách), Ô Môn (bắc Cần Thơ), Hà Tiên. Quyền hạn của giới tăng lữ Phật giáo tiểu thừa cũng bị giới hạn. Chịu không nổi chính sách đồng hóa của Minh Mạng, năm 1820 nhiều lãnh tụ Khmer như Achar Kuy (Chauvai Kuy), Teva Som ở Trà Cú kêu gọi dân chúng Khmer nổi lên chống lại, tất cả đều bị dẹp trong biển máu. Từ sau khi Lê Văn Khôi bị đánh dẹp năm 1835, cộng đồng người Khmer càng bị trù dập nhiều hơn : phải sống cố định, phum, sóc đổi thành làng, xã và họ tên của mỗi người phải được phiên âm tiếng Việt như Sơn, Thạch, Kim, Kiên...

Chính sách đồng hóa này gây bất mãn trong cộng đồng người Khmer. Năm 1938, một người tên Gi, giữ chức an phủ, và một viên quản cơ Khmer ở vùng biên giới Hà Tiên-An Giang cấu kết với quân Xiêm chống lại triều đình ; cuộc nổi dậy bị thất bại và tất cả các thủ lĩnh đều bị giết. Năm 1840, người Khmer tiếp tục chống đối ở vùng biên giới này, hàng ngàn người Khmer từ núi Thất Sơn tràn qua biên giới đốt phá làng xã, chợ búa của người Kinh tại Kiên Giang, Rạch Giá, Tri Tôn.

Dưới thời Thiệu Trị, những cuộc nổi loạn của người

Khmer xảy ra nhiều hơn, đặc biệt là tại Lạc Hóa (Trà Vinh, Cầu Kè, Tiểu Cần, Cầu Chông), tức Trà Vinh (nay là Vĩnh Bình). Cuộc nổi dậy kéo dài 7 tháng, từ tháng 3 đến tháng 10-1841, thủ lĩnh là Sana Som (Lâm Sum). Lâm Sum dùng bùa phép xui giục dân chúng Khmer địa phương theo nếu không sẽ bị hại, đa số người Khmer vì sợ thần thánh đã nghe theo. Khoảng 8.000 quân nổi loạn chiếm cứ một vùng đất dài hơn 30 km dọc hai bờ sông Hậu Giang. Thừa thắng xông lên, dân chúng Khmer sinh sống tại Sóc Trăng, Ba Xuyên, Trà Tâm, Sóc Sâm do Sana Tía lãnh đạo và tại Thất Sơn, Vĩnh Tế, Rẫy Đéc, Cần Sư, Tịnh Biên, Hà Dương, Hà Âm, được quân Xiêm La do Phi Nhã Chất Tri (Chakri) lãnh đạo, cũng nổi lên chống lại quân triều đình. Nhà Nguyễn phải gửi những tướng nổi tiếng nhất của triều đình thời đó (Bùi Công Huyền, tổng đốc, tham tán trấn Tây Thành, Nguyễn Tấn Lâm, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Tri Phương, Trương Minh Giảng) đến dẹp, tất cả đã phải rất khó khăn mới dẹp được yên. Từ sau 1842, quan quân triều Nguyễn tỏ ra rất dè dặt với người Khmer, người Kinh từ miền Trung và những tội nhân thường phạm được ô ạt đưa vào sống xen kẽ với người Khmer tại Lạc Hóa, Ba Xuyên, Tịnh Biên, nhiều kinh lạch được đào thêm để sự di chuyển của quân đội được dễ dàng, đặc biệt là trên kinh Long An Hà, nhiều đồn điền quân sự được thành lập dọc vùng biên giới (Giang Thành, Vĩnh Tế). Cộng đồng người Khmer tại đồng bằng sông Cửu Long bị cô lập hoàn toàn với triều đình Chân Lạp. Nói chung, cho đến khi Pháp chiếm đóng Lục Tỉnh, toàn bộ đồng bằng sông Cửu Long đã được tổ chức rất nề nếp, mỗi địa phương quan trọng đều có một quan gốc Kinh cai trị.

Dưới thời Pháp thuộc, khu vực biên giới miền Nam và Cambodge đã được xác định lại khá rõ ràng. Tại một vài nơi như Cà Mau và Rạch Giá, người Pháp để người Khmer cai quản người Việt nên đã xảy ra nhiều cuộc tranh chấp đáng tiếc giữa hai cộng đồng năm 1868. Tuy nhiên đời sống người Khmer trong thời kỳ này thấp hơn người Kinh, vì người Khmer rất sợ giới quan quyền nên chịu nhiều thiệt thòi về ruộng đất và quyền lợi. Thêm vào đó, các quan chức Pháp rất coi thường người Khmer vì cho rằng không có kiến thức, trừ những người đã có chức phận từ thời nhà Nguyễn. Tên họ những người Khmer bị đặt một cách tùy tiện như Danh cho đàn ông và Thị cho đàn bà.

Trong những năm mất mùa vì lụt lội hay bão tố, cộng đồng người Khmer đã cùng người Kinh nhiều lần nổi lên chống lại những chính sách ức hiếp của người Pháp như năm 1928 tại Rạch Giá (vụ Ninh Thạnh Lợi) chống tịch biên ruộng đất và đòi dân sinh do chủ điền Chột, Mốc và Cồ Cui cầm đầu. Nhưng nói chung, cộng đồng người Khmer vẫn thích sống tách biệt với cộng đồng người Việt và người Hoa. Trong thập niên 1940 phong trào Việt Minh có tiếp cận cộng đồng này, nhưng không đạt hiệu quả mong muốn, chỉ vài người như Lâm Phát (phó chủ tịch ủy ban hành chánh kháng chiến tỉnh Cửu Long), Maha Thông (hội trưởng hội Khmer Issarak), Thạch Ngọc Biên đã tỏ ra tích cực hợp tác. Tại một vài nơi, quân đội Pháp dấn vào Cầu Kè, Cầu Ngang, Hòa Tú, Lộc Hòa, Trường Khánh,

Trà Vinh do Việt Minh chiếm giữ.

Cộng đồng người Khmer tại miền Nam ngày nay

Sau 1954, cộng đồng người Khmer đặt dưới quyền lãnh đạo của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa. Cộng đồng người Khmer cũng như rất nhiều cộng đồng sắc tộc khác rất bất mãn trước các dự số 2, 7 và 57 (1956) nhằm đồng hóa họ theo người Kinh của chính quyền Ngô Đình Diệm. Lợi dụng cơ hội này, cán bộ cộng sản nằm vùng chiêu dụ được một số sư sãi Khmer như nhà sư Achar Lui Sarat, vì thành phần sư sãi rất được dân chúng Khmer nghe theo, chống lại chính quyền miền Nam. Để chống lại chính quyền miền Nam, họ lập ra hội Phật giáo tiểu thừa Theravada và hội Phật giáo người Việt gốc Miên (Khemaranikay) để lôi kéo người Khmer về phía mình. Nhiều nhân sĩ Khmer được bầu vào quốc hội như Sơn Thái nguyên, Keo Seo Mây (Thạch Ngô). Nhiều đảng phái chống cộng được thành lập và được sự ủng hộ của chính quyền miền Nam như Đảng khăn trắng, Khmer Srei (Khmer tự do), Khmer Krom. Khu vực Trà Vinh, Trà Cú, Trà Tôn, Châu Thành, Lạc Hòa trở thành nơi tranh chấp giữa hai phe quốc gia và cộng sản, tất cả đều muốn tranh thủ các vị sư sãi, tức những nhà lãnh đạo tinh thần của người Khmer.

Ngày 20-9-1964, dưới sự đỡ đầu của tướng Khmer gốc Chăm, Les Kosem, tổ chức Fulro Khmer do Chau Dera lãnh đạo được thành lập tại Phnom Penh với ý đồ đòi lại lãnh thổ miền Nam, để cùng với người Chăm thành lập một quốc gia riêng. Tổ chức này có đưa người về miền Nam vận động giới sư sãi Khmer ủng hộ nhưng không mấy được theo vì người Khmer tại miền Nam không muốn bị một người Khmer gốc Chăm lãnh đạo. Mặc dầu vậy, cộng đồng người Khmer tại miền vẫn bị chính quyền Sài Gòn theo dõi khắc khe hơn, những sĩ quan và binh sĩ gốc Khmer bị kiểm soát chặt chẽ hơn và gần như tất cả những quân nhân và công chức cao cấp gốc Khmer được thuyên chuyển sang những đơn vị do người Kinh điều khiển.

Trong cuộc thảo luận ngày 30-12-1966 tại quốc hội Sài Gòn, danh xưng sắc tộc thiểu số được áp dụng cho tất cả các sắc tộc khác trừ người Khmer và người Hoa. Lý do là vì nếu được nhìn là người sắc tộc thì được miễn quân dịch, do đó thanh niên gốc Hoa và Khmer đều phải gia nhập quân đội. Nhưng chính quyền và dân chúng miền Nam vẫn nhìn người Khmer tại miền Nam với con mắt đầy nghi kỵ, vì những hành vi tàn ác của những thành phần Khmer cực đoan tại Cam-bốt đối với người Việt, nhất là sau năm 1970 khi xác người Việt bị giết thả trôi trên sông Tiền và sông Hậu. Sau khi quân đội Mỹ và miền Nam làm chủ chiến trường Cam-bốt sau 1971, sự giao thương qua lại giữa cộng đồng người Khmer tại miền Nam với Cam-bốt đã rất khẩn khít. Nhân dịp này những thành phần Khmer quá khích tại Cam-bốt thành lập tổ chức Kampuchia Khmer Krom (KKK) để xúi giục người Khmer tại miền Nam Việt Nam đòi sát nhập lãnh thổ miền Nam vào Cam-bốt. Tuy có làm nhiều cố gắng những dân biểu gốc Khmer trong quốc hội đã tỏ ra bất lực trong việc giải tỏa ý đồ này.



Chinh Phụ Ngâm

Phố Tịnh

Lần trước chúng ta đã nhìn lại một trường hợp khá điển hình về việc chèn mảng trong kiểm chứng dữ liệu còn lưu lại được để tránh một sai ngoa lâu đời (1).

Tuy nhiên, văn học Việt Nam đã trải qua bao nhiêu tai họa làm tiêu tán nhiều dấu vết tài liệu gọi là «tài liệu gốc». Nghiên cứu văn học - nhất là văn học thời cổ điển - mà nhất mực đòi hỏi những chứng liệu xác thực như vậy thì lắm khi vĩnh viễn không tìm ra được hi vọng, bởi lẽ hoàn cảnh đất nước chúng ta đã khiến cho rất nhiều sách vở cũ tiêu tán đi nhiều, chẳng còn bao nhiêu để mà gỡ ra đối chứng. Nếu cứ nhất mực đòi hỏi chứng liệu minh nhiên thì không khỏi rơi vào căn bệnh giáo điều, duy sử một cách cố chấp. Tưởng không là thừa khi nhắc lại ở đây một sự việc đáng cho những nhà duy sử cảnh giác : những năm đầu thế kỉ 20, ở Hà Nội có một đạo các gia đình còn tồn trữ được nhiều sách cũ (cả Nôm lẫn Hán) đã có phen phát tài nhờ những đợt rao mua sách do Trường Viễn Đông Bác Cổ phát động để sung vào thư viện Hán-Nôm của Trường. Đã có nhiều tay lái buôn thuê chép những sách vở của Trung Hoa hay của nước ta, nhưng bất chấp nghĩa lí, bất chấp sự thực, họ đã ngụy tạo nhiều sách vở để kiếm tiền bỏ túi. Sách *Lĩnh Nam dật sử* là một trường hợp như vậy, kẻ bán sách đã chép nguyên vẹn một cuốn tiểu thuyết của Trung Hoa, chỉ sửa đổi tên họ tác giả và các nhân vật trong truyện

để biến một quyển truyện của người Hoa vào triều đại nhà Thanh thành một quyển truyện kí lịch sử của người Việt viết ra từ đời nhà Trần ! Chúng ta tự hỏi : còn bao nhiêu những ngụy thư như vậy đang yên ổn nằm trong kho sách Hán-Nôm ở thư viện Bác Cổ cũ mà chưa được nhận diện?

Nước ta chưa có truyền thống hiệu khám học và khảo đính văn bản học với những đòi hỏi nghiêm ngặt của khoa học này. Giới sinh hoạt văn hóa của ta thường có thành kiến sai lầm rằng những người nghiên cứu kiểu "tờ a tờ b" ấy thật là một sự thừa thãi vô ích của sinh hoạt chữ nghĩa. Tất nhiên là thành kiến không phải tự nhiên mà có, mà đã xuất phát từ những công trình khảo đính của một số người đi trước có rất nhiều khuyết điểm vì nặng óc chủ quan. Chủ quan, đó là một sa lầy nghiêm trọng đối với người nghiên cứu văn bản học.

Trong bầu không khí học thuật như vậy, những công trình của Hoàng Xuân Hãn thường được đón nhận một cách dè dặt, thờ ơ. Ông đã có phần cống hiến xuất sắc vào việc đặt nền móng cho ngành nghiên cứu văn bản học cổ Việt Nam qua một số công trình lớn, đáng kể nhất là : *Chinh phụ ngâm bị khảo* (Nxb Minh Tân, Paris, 1953, 332 trang) và *Bích Câu kì ngộ* (Nxb Đại Học, Huế, 1964, 182 trang). Quyển *Bị khảo* cho đến nay vẫn còn là một công trình tạo ra nhiều tranh luận về những kết quả khảo chứng của nó. Tác giả đã sử dụng nhiều nguồn tài liệu cổ khác nhau, ở nhiều tầm mức quan trọng khác nhau, để xét lại một nghi án tưởng chừng không còn cách gì khảo chứng nữa. Tác giả đã "trì" tài liệu trong sách cũ một cách thông minh, và đi đến kết luận rằng bản *Chinh phụ ngâm* mà hiện nay được phổ thông và được dạy trong nhà trường, chính là bản dịch mới nhất và do Phan Huy Ích diễn âm. Các nhà nghiên cứu đã truy tìm rất kĩ trong các tài liệu thư tịch để rồi cũng phải thừa nhận cùng với Hoàng Xuân Hãn rằng các sách vở cũ (cùng thời và đời sau) đều không có chứng cứ thuận lợi cho việc giành tác quyền bản dịch nôm *Chinh phụ ngâm* cho bà Đoàn Thị Điểm, ngoại trừ một bút chứng mong manh của Vũ Hoạn trong lời bạt cho bản khắc in năm 1909. Và mặc dù các phân tích của Hoàng Xuân Hãn rất chặt chẽ, theo quy cách của khoa văn bản học, cộng thêm với những phân tích nghiêm túc ở cách đặt vấn đề và giải quyết vấn đề theo hướng phong cách học lịch đại, số đông các nhà nghiên cứu vẫn cho rằng "chưa có đầy đủ bằng chứng đáng tin". Luận điểm của Hoàng Xuân Hãn rất chặt chẽ, có đầy đủ tính cách thuyết phục, nhưng chẳng may là những kết luận kia đi ngược lại những tục truyền đã bắt rễ từ một chứng tích rất vu vơ. Các nhà nghiên cứu phê bình văn học thường dựa trên tục truyền để không công nhận ứ thuyết của Hoàng Xuân Hãn, đồng thời để giữ lại một niềm tin ít nhiều dụi dằng, huyền hoặc về một tài danh nữ giới. Bỏ sang một bên cái niềm tin đáng mến ấy, hãy chỉ giới hạn trong việc nghiên cứu văn học với những đòi hỏi khoa học, chúng ta có thể làm gì hơn những gì đã ghi chép trong sách *Bị khảo* ?

Trường hợp *Chinh phụ ngâm diễn ca* chính là trường hợp mà sự giải đáp các nghi án không chỉ nằm ở việc thẩm định sử liệu (như đã được làm trong sách *Bị khảo*) mà còn

Sau ngày 30-4-1975, cộng đồng người Khmer tại tỉnh Cửu Long được đảng cộng sản ưu đãi vì những thành tích chống chính quyền miền Nam trước đó. Sự kiện này càng làm cộng đồng người Khmer bị cô lập hơn vì đa số dân chúng miền Nam không ưa cộng sản. Với thời gian, cộng đồng người Khmer, cũng như toàn thể dân chúng miền Nam, nhận thấy sự tuyên truyền của chế độ cộng sản chỉ là láo khoét, cuộc sống của họ không khá gì hơn nếu không muốn nói là cơ cực hơn bởi các chính sách hợp tác hóa, đánh tư sản, v.v. Từ đó giới sư sãi của dân chúng Khmer nhìn chế độ cộng sản với con mắt nghi kỵ, nhất là từ sau 1979 khi Hà Nội chiếm đóng Campuchia. Đa số người Khmer miền Nam chống lại sự chiếm đóng này và cũng phần nào ủng hộ chủ trương sát nhập lãnh thổ miền Nam vào Campuchia. Điều này không đúng với sự thật. Nhìn lại lịch sử, tổ tiên người Khmer tại miền Nam không phải là những người đầu tiên khai phá đồng bằng sông Cửu Long, công lao này thuộc về người Kinh và người Hoa.

Cộng đồng người Khmer tại miền Nam hiện nay khoảng 1,2 triệu người, đa số (90%) sinh sống trên lãnh thổ các tỉnh Cửu Long, Hậu Giang, Kiên Giang, An Giang và Minh Hải, số còn lại sinh trú và lập nghiệp quanh Sài Gòn và Tây Ninh.

Nguyễn Văn Huy

có thể đi tìm những chứng cứ bên trong văn bản. Mỗi tác phẩm văn học là một cấu trúc tự thể có đủ những tính cách riêng biệt của nó. Một tác phẩm hay là một chỉnh thể rõ nét hơn nữa, vì nó đã hình thành cho nó một dáng vẻ riêng không thể tan lẫn. Những tính cách riêng biệt của một tác phẩm làm nên phong cách riêng của nó. Cũng thế, một tác giả có những phong cách riêng không thể lẫn được khi ta so sánh nhiều người với nhau. Vậy thì, nắm bắt văn phong của một tác giả hay một tác phẩm sẽ có nhiều ý nghĩa trong việc nghiên cứu văn học, vì nắm được văn phong là giữ được một chứng cứ nội tại rất cơ bản, một loại chứng cứ cấp một trong nghiên cứu.

Trở lại Chinh phụ ngâm, có thể nêu được phương hướng tìm tòi mới, bổ sung thêm những thành tựu trong công trình bị khảo trước đây : nếu có thể nắm bắt được phong cách sáng tác của tác phẩm và các tác giả liên quan đến nghi án này thì có thể giải quyết được vấn đề dịch giả bài thơ nôm nổi tiếng được truyền tụng lâu nay là ai. Trước nay cũng đã có người áp dụng phong cách học vào việc nghiên cứu vấn đề này. Soạn giả dựa trên một giả định khoa học là : mỗi giai đoạn văn học có một phong cách thể loại riêng. Từ đó, ông đưa ra một đề thuyết : trong số nhiều bài diễn ca Chinh phụ ngâm, bài nào mang tính cách hoàn chỉnh nhất của thể loại ngâm và thủ đắc nhiều nhất những phong cách thể loại này sẽ là bài diễn ca sau cùng. Nội dung toàn bộ quyển sách *Thử giải quyết vấn đề diễn giả Chinh phụ ngâm* của Nguyễn Văn Dương (Nxb Đại Học, Huế, 1964) chính là tìm hiểu sự tiến hóa của thể văn song thất lục bát và trình độ nghệ thuật diễn ca của bốn bài Chinh phụ ngâm mà Hoàng Xuân Hãn sưu tập được. Tác giả đi đến kết luận là : bài A (tức bài diễn ca quen thuộc lâu nay) thừa hưởng các ưu điểm gặt hái được qua quá trình tiến hóa của thể loại song thất lục bát, đồng thời cũng đạt được nhiều nhất những tiến bộ về mặt nghệ thuật diễn ca so với các bài khác. Cả hai luận cứ đều cho thấy bài diễn ca hay nhất là bài ra đời muộn hơn cả, và chỉ có thể là của người sinh sau đẻ muộn hơn cả - tức là Phan Huy Ích (1750-1822) ; còn bài B là bài ra đời sớm nhất, chỉ có thể là của một người thuộc lớp lão tiền bối - tức là có thể của bà Đoàn Thị Điểm (1705-1749) (2). Cách giải quyết vấn đề như thế là dựa trên phong cách học lịch sử.

Ngoài hướng nghiên cứu theo chiều lịch đại, còn có thể đi tìm những chứng cứ tiềm tàng bên trong cấu trúc nghệ thuật tác phẩm. Đó là hướng nghiên cứu phong cách học cấu trúc. Ngôn ngữ là phương tiện biểu hiện thế giới nội tâm. Mỗi nhà văn thường có những lối chọn lựa khác nhau những cách diễn đạt cho riêng mình. Những kiểu chọn lựa đó chính là dấu hiệu của phong cách tác giả. Chính là từ sự chọn lựa phong cách đó mà cùng tả màu áo, hai tác giả đã sử dụng hai lối diễn đạt khác nhau :

*Áo chàng đỏ tựa ráng pha,
Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in.
(Chinh phụ ngâm)*
*Tuyết in sắc ngựa câu dòn,
Cỏ pha mùi áo nhuộm non da trời.
(Truyện Kiều)*

Vậy thì người nghiên cứu có thể đi ngược lại quá trình tâm lí sáng tạo của người sáng tác để phân tích và hệ thống hóa, mô hình hóa những kiểu chọn lựa ngôn ngữ mà các tác giả sử dụng để nhận diện phong cách từng người. Phong cách một tác giả đã hình thành từ bối cảnh tâm lí, văn hóa mà tác giả thừa hưởng được trong cuộc sống ; cho nên ở những tác giả độc đáo, rất dễ nhận ra phong cách sáng tác của họ đã thể hiện trong những nét vẽ riêng về nội dung cũng như về nghệ thuật tác phẩm.

Tâm lí học sáng tạo nghệ thuật đã có những cơ sở vững chắc để kết luận rằng vốn sống, vốn nhận thức và tâm sự của một tác giả (tức những yếu tố thuộc bối cảnh tâm lí, văn hóa của một nhà văn) đã thể hiện ngay từ những tác phẩm đầu tay, và càng về sau sẽ chỉ càng hoàn chỉnh thêm mà thôi chứ cốt lõi của phong cách đã hình thành từ buổi đầu. Những truyện ngắn đầu tay của Võ Phiến thời kì viết *Người tù* hoặc *Mùa đêm cuối năm* đã có những nét rất riêng của Võ Phiến : những phân tích tâm lí sắc sảo, óc hóm hỉnh, nổi cô đơn ám ảnh không nguôi một kẻ "thiếu quê hương". Sau này, ông viết *Thư nhà* hay *Đêm xuân trăng sáng, Về một xóm quê...* khi ngòi bút đã già dặn thêm, nhưng hầu như những chủ đề, những nghệ thuật diễn đạt đều vẫn giữ nguyên vẹn những dáng vẻ riêng hình thành từ buổi đầu. Cũng thế, đọc văn Nguyễn Tuân những thời kì sau, người ta vẫn thấy rõ ràng những phong thái đã một lần tìm thấy trong *Vang bóng một thời*. Cứ thế, các tác phẩm kế tiếp nhau ra đời chỉ định hình rõ thêm, làm chín chắn hơn phong cách tác giả mà thôi. Cho nên, nếu nắm bắt được những tác phẩm đầu tay của một tác giả, người nghiên cứu có thể tìm hiểu chính xác hơn những tính cách riêng của phong cách một tác giả.

Như thế thì một tác phẩm nghệ thuật, một nghệ sĩ sáng tác đều mang phong cách của mình, làm nên cái độc đáo của một tác phẩm hay một tác giả. Tuy vậy, người ta cũng còn có thể nhận ra phong cách của một thể loại sáng tác văn học nghệ thuật, phong cách nghệ thuật của một thời kì văn học nghệ thuật nữa. Cũng là phong cách Nguyễn Du nhưng thơ chữ hán của ông có khác với *Truyện Kiều* hay *Văn tế thập loại chúng sinh*. Cũng như thế, nhưng nhìn ở góc cạnh khác, ta lại thấy thơ chữ hán và những bài thơ nôm của Phan Huy Ích khác nhau nhiều nhưng góp chung lại thì chúng có những nét riêng so với thơ văn người nào khác. Ở một bậc khác, thi ca Nguyễn Du lẫn Phan Huy Ích cũng có những nét phong cách giống nhau nếu ta so sánh họ với các tác giả khác ở một thời kì sau như Nguyễn Công Trứ chẳng hạn. Trưởng thành trong thời buổi sôi sục những dông bão của lịch sử, Nguyễn Du và Phan Huy Ích có những "nếp gấp tình cảm" của một thế hệ mà tâm sự đoạn trường không thể nào có được đầy đủ những tính cách của nó ở thế hệ hòa bình, hăm hở trong không khí xây dựng mà Nguyễn Công Trứ hay Cao Bá Quát chia sẻ sau này.

Phong cách một thời kì văn học nào đó ở Việt Nam vẫn thường luôn tác động đến phong cách thể loại sáng tác trong mối quan hệ biện chứng. Hát nói là một đặc sắc của thế hệ nhà văn đời Nguyễn hiểu là một thể loại đã viên mãn những dáng vẻ riêng ; dù cho trước đó, hát nói đã

manh nha từ lối hát cửa đình, nhưng chưa bao giờ nó được chuẩn nhận là một thể loại hoàn chỉnh. Thể loại song thất lục bát cũng thế, nó đã được hình thành từ rất lâu, ngược lên mãi tận thế kỷ XVI, với những bài hát chúc làng kiểu như *Bát giáp thường dào văn* của Lê Đức Mao, nhưng mãi đến thời Lê mạt - Nguyễn sơ, khi tâm sự cô đơn, khi sự mất mát niềm hạnh phúc đã đến mức cao điểm sau bao nhiêu năm li loạn và phân hóa trầm trọng, thể loại song thất lục bát mới đủ chín muồi những yếu tố khách quan để định hình phong cách cho nó : thể loại sáng tác ngâm khúc đã hoàn chỉnh và có những sáng tác tuyệt vời.

Những khác biệt giữa các tác giả, tác phẩm, thể loại hay các thời kỳ văn học là sự khác biệt xuất phát từ những điều kiện của lịch sử chứ không phải là những sự kiện tình cờ may rủi. Những yếu tố của hoàn cảnh bên ngoài xã hội đã góp phần tạo nên những dáng vẻ riêng của tâm tình con người và thế hệ những con người. Nhấn mạnh như thế để thấy rõ là nghiên cứu phong cách văn học chẳng phải là hướng nghiên cứu hình thức thuần túy theo kiểu Roland Barthes khi nghiên cứu Racine, hay như Jean-Pierre Richard khi nghiên cứu thơ Mallarmé. Tách một tác giả hay một tác phẩm ra khỏi hoàn cảnh lịch sử, xã hội, ta sẽ không hiểu được khuôn mặt thật của đối tượng nghiên cứu nữa. Thành thử, chúng tôi hiểu những chứng cứ bên trong như một cấu trúc hoàn chỉnh những dáng vẻ riêng những nét phong cách nghệ thuật đã được hình thành trong những điều kiện nào đó của lịch sử xã hội và văn hóa.

Nói thế không có nghĩa là chỉ chú tâm đi tìm những yếu tố bên ngoài xem chúng tác động đến cấu trúc nghệ thuật như thế nào. Đây là một biến tướng khác của quan điểm duy sử. Phải xuất phát từ chính tác phẩm, chính sự nghiệp một tác giả mới có thể phân tích và hệ thống hóa được phong cách của tác phẩm hay một tác giả. Cho nên, phong cách nhà văn không phải là một sản phẩm xa lạ gì, nó rất hiện thực trong sự nghiệp một tác giả, một thời đại, một thể loại sáng tác. Và - dĩ nhiên - trong mỗi tác phẩm nghệ thuật đúng nghĩa, đã hình thành một phong cách của nó, không thể có hai ba tác phẩm đồng dạng. Vậy thì, phong cách là lí lịch thật nhất của tác phẩm, tác giả, thể loại, hoặc cả thời đại văn học. Nghiên cứu phong cách, do vậy, có ý nghĩa tích cực, nhất là đối với văn học Việt Nam, khi mà tài liệu văn bản, sử liệu còn lại quá mỏng manh và thiếu chính xác.

Có một điều kiện cần yếu đòi hỏi ở nghiên cứu phong cách nghệ thuật là : phải dựa trên tác phẩm chính xác, không qua tay nhào nặn của những kẻ sao chép tùy tiện đến mức biến dạng hẳn khuôn mặt ban đầu. Vì thế mà nghiên cứu phong cách thơ Hồ Xuân Hương không thể không đếm xỉa đến tập Lưu hương kí của bà ; các nhà nghiên cứu xưa nay thường vẫn chỉ bằng lòng với những phân tích các bài thơ "tương truyền" là của bà, nhưng nếu đối chiếu với chính tác phẩm còn lưu lại và có phần chắc là của bà, tất sẽ nhận ra hai phong cách khác hẳn nhau, đưa đến một mối hoài nghi lớn về dáng vẻ "bà chúa thơ nôm" trước nay vẫn thường được vẽ ra và gán cho bà. Cũng có khi một tác phẩm bị sửa đổi nhiều như *Lục Vân Tiên* của

Nguyễn Đình Chiểu tỏ ra không mất giá trị nghiên cứu phong cách, vì chính tác phẩm này đã ra đời trong điều kiện truyền miệng, và nội dung tác phẩm đã là dữ kiện chính xác hơn là văn từ của nó. Phong cách Đồ Chiểu - do vậy - vẫn hiện lên sáng tỏ trong tác phẩm đầu tay này.

Cho đến nay, một số sách khảo luận về văn học thời Tây Sơn vẫn còn bày tỏ một nỗi hoài nghi lớn về nghệ thuật thơ Phan Huy Ích, nhất là nghệ thuật thơ nôm của ông. Ấy thế mà chưa có một nỗ lực phân tích phong cách văn chương của chính tác phẩm *Dụ am ngâm lục* của ông hiện nay vẫn còn tồn trữ ở các thư viện Hán nôm. Nếu hiểu "bằng chứng đáng tin" theo nghĩa là có đủ bằng chứng khoa học thì - như đã trình bày - cần phải phân biệt hai thứ luận cứ : một thứ chứng cứ minh nhiên như trường hợp tên tuổi người dịch *Ti bà hành* (1), một thứ khác dựa trên những suy lí từ trên chỗ dựa là chính các tài liệu văn bản.

Vấn đề của hôm nay là : nếu chưa hài lòng với những chứng cứ đã có với lí do là chưa đủ tính cách thuyết phục, thì phải có những nỗ lực mới đi tìm những dữ kiện mới. Các chứng cứ mới kia phải nói lên được các bản sắc thi ca Phan Huy Ích, dựa trên cơ sở văn bản xác tín của ông là *Dụ am ngâm lục*. Ngày nào ta chưa có phân tích văn phong *Dụ am* một cách thấu đáo mà chỉ dựa vào những nhận định vãi vãi của vài nhà nghiên cứu thiếu công tâm, thì ngày ấy vẫn chưa thể khẳng định như ai đó rằng "*văn nôm Phan Huy Ích nặng về sáo ngữ và kém thanh thoát tự nhiên*", hay là vu khoát hơn, cho rằng "*thơ văn nôm của Phan Huy Ích chưa đạt tới kĩ thuật điều luyện*" (3). Đọc những bài văn tế nôm và thơ chữ Hán của ông một cách thấu đáo, chỉ thấy một tâm hồn thơ đã định hình từ những ngày tuổi trẻ, tỏ ra một tài nghệ sử dụng ngôn ngữ chuốt lọc và giàu hình tượng. Bước quan trọng kế tiếp phải là mô hình hóa những nét phong cách thơ đó xem có khả năng nào trùng hợp giữa hai phong cách thơ trong *Dụ am ngâm lục* và *Chinh phụ ngâm khúc* hay không. Đây chính là một giả thuyết khoa học cần đi đến những nỗ lực thực tế mà ngôn ngữ học có thể góp phần của mình cho một đề án nghiên cứu văn học.

Một vài trường hợp khó xử được lược lật trên kia đang phản ánh một tình hình khó khăn của bộ môn nghiên cứu văn học cổ của Việt Nam, làm cản trở nhiều cho những tìm hiểu kho tàng văn học phong phú của cha ông chúng ta. Không phải như thế đã là hết hi vọng giải đáp những việc tồn nghi. Nếu gần đây, Nguyễn Lang, trong khi tìm hiểu kho tàng thơ văn đời Lý Trần, đã phát hiện rằng Tuệ Trung Thượng Sĩ không phải người mà Bùi Huy Bích đã lẫn lộn khi viết về tác giả *Phóng cuồng ngâm* (4), thì giới nghiên cứu mới tỉnh ra rằng người uyên bác như cụ Bùi Tồn-am không hẳn là không lầm lẫn, và người sau không thể không tỉnh táo thẩm định sử liệu khi hiểu rằng truyền thống biên tập và san định sách vở ngày xưa ở ta chưa có nền nếp tham khảo thư tịch rộng rãi, mà chỉ dựa phần lớn trên truyền ngôn hay những ghi chép không đầy đủ ; tính cách cầu thủ đó thể hiện ở sinh hoạt nghề in bản khắc các sách truyện thơ nôm : thường chỉ quan tâm tới chính văn hơn là phần lạc khoản, và ngay chính văn cũng bị khắc lăm do hiểu biết hạn hẹp của người thợ khắc... Nghiên cứu văn

Chợ trời dân chủ

bản học Việt Nam không thể bỏ qua tình trạng này. Công việc hiệu đính và khảo đính học tất nhiên là cần thiết, và đòi hỏi những chuẩn mực khoa học của nó, chứ không hề là sự sửa chữa tùy tiện như công chúng độc giả thường nghi ngại. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu văn phong cũng sẽ góp phần giải tỏa những ngoa truyền, những lầm lẫn trong sách vở cũ trong chừng mực nào đó. Có một ngày nào, với những đóng góp của ngôn ngữ học, có thể một số những bài thơ được ghi chép trong *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi sẽ bị loại ra, chẳng phải vì nó không hay, nhưng là vì chúng không mang "chất Nguyễn Trãi" (5).

Ngày nay, chúng ta không dễ tin vào những tục truyền nữa rồi. Để tạo dựng tiền đề cho những thành quả mới dựa trên nhận thức chính xác về mặt khoa học, công việc nghiên cứu văn học cần dựa trên nhiều tìm tòi của nhiều ngành học, mà một trong số những ngành học đó là ngôn ngữ học. Hiện nay, công việc tìm hiểu lịch sử tiếng Việt và ngữ âm học lịch sử đã có những bước tiến đầu tiên rất có ý nghĩa cho việc nghiên cứu văn bản cổ. Nghiên cứu văn phong các tác giả cổ điển cũng giúp ích cho việc giải gỡ những vấn nạn còn đọng lại đó đây. Cũng từ ý nghĩa này, đặt vấn đề nghiên cứu văn phong những gia đình dòng họ văn học nổi tiếng của ta - một hiện tượng nổi bật của thế kỉ 18, 19 - như dòng họ Nguyễn Tiên-diễn, gia đình Nguyễn Huy, gia đình Ngô Thì, gia đình Phan Huy... tưởng không phải việc thừa. Đạt được những thành tựu về mặt này, mới có thể đẩy lùi vào bóng tối căn bệnh «tục truyền» tùy tiện trong nghiên cứu văn học. Chẳng hạn, có thể một ngày nào đó, nhà nghiên cứu dựa vào văn phong gia đình Phan Huy để bảo rằng tác giả bài *Ai tư văn* (vẫn "tương truyền" là của công chúa Ngọc Hân) phải là người ở trong gia đình Phan Huy vì những nét khá thống nhất văn phong giữa mấy khúc ngâm do gia đình này chế tác. Hẳn là những kết luận như thế không phải không có trọng lượng.

Phố Tịnh (London)

Chú thích :

(1) Xem : Phố Tịnh, "trường hợp Tỳ Bà Hành", *Thông Luận* số 191 (4-2005), tr. 27-28.

(2) *Non ba mươi năm sau*, Nguyễn Văn Dương lại trở lại đề tài nghiên cứu này. Ông đã nhận dạng những nét thay đổi của lối viết chữ nôm qua thời gian từ thế kỉ 17 đến đầu thế kỉ 19 để cũng đi đến kết luận là Phan Huy Ích chính là dịch giả bài *Chinh phụ ngâm diễn ca* phổ truyền lâu nay. Xem Nguyễn Văn Dương, *Qua nghiên cứu các bài diễn ca A,B,C,D xác định người dịch các bài diễn ca Chinh Phụ Ngâm*. Luận án phó tiến sĩ khoa học, ĐHSP Tp/HCM, 1990.

(3) Phạm Văn Đăng, *Văn học Tây Sơn*, Nxb Lửa thiêng, Sài Gòn, 1973, tr. 118.

(4) Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, t.1, Nxb Lá bối, 1974, tr. 273-274.

(5) Xem thêm những ý kiến về đề tài văn bản học này trong bài viết : Đoàn Xuân Kiên, "Tìm hiểu cách nói phủ định trong Quốc Âm Thi Tập của Nguyễn Trãi", *Định Hướng* số 42 (mùa xuân 2005), tr. 67-88.

Thưa các anh chị, khác với những lần trước, lần này hành trình từ Mỹ trở lại Việt Nam của tôi sao mà nặng nề thế. Tôi có cảm giác rằng phong trào dân chủ Việt Nam vào thời điểm này phức tạp quá, gần giống như chợ trời. Tại đó, những nhà đấu tranh dân chủ đã rao bán nhiều thứ hàng hóa quá, ca tụng nhau cũng có, mạt sát nhau cũng nhiều. Tôi không thể hiểu được tại sao họ làm vậy, mục tiêu của họ là gì, bản lĩnh dân tộc của họ đâu rồi ?

Các anh chị biết không, việc ông Chính được sang Mỹ chữa bệnh, ai cũng mừng. Mừng vì Hà Nội đã cho một người chống đối kinh niên như ông Chính được phép xuất cảnh ; mừng và hy vọng là ông Chính sẽ lành bệnh khi được chữa trị tại Mỹ.

Thế nhưng, cũng như tôi, nhiều anh em trí thức ở hải ngoại, có lẽ ở trong nước cũng vậy, tỏ ra thất vọng khi ông Chính đưa ra nhiều tuyên bố lảm cẩm quá. Thay vì sang Mỹ chữa bệnh, ông ấy tuyên bố việc sang Mỹ của ông giống như Tam Tạng đi Tây Trúc thỉnh kinh vậy. Ông ấy đã không tiếc lời ca ngợi khi nói về nền dân chủ Hoa Kỳ, lại còn chụp hình bên cạnh cờ vàng ba sọc đỏ nữa chứ. Bản lĩnh chính trị, tính dân tộc của cụ đâu rồi. Buồn quá các anh chị ạ. Giá như cụ Chính tập trung chữa lành bệnh, sau đó đi thăm nước Mỹ thật nhiều rồi hãy tuyên bố thì có lẽ tình huống lại khác đi.

Nếu các anh chị tận mắt chứng kiến hình ảnh một ông cụ ốm yếu, tựa vào bác sĩ Ngãi, thều thào tuyên bố kêu gọi đấu tranh dân chủ cho Việt Nam, anh chị mới thấm thía nỗi lòng của chúng tôi. Có thật là thủ lĩnh của phong trào dân chủ Việt Nam đó không ? Tôi tin chắc rằng nhiều người cũng có chung câu hỏi như tôi, nhưng rồi tất cả chỉ ngơ ngác nhìn nhau, không ai tin vào chính tai mắt mình (!).

Rời phi trường San Francisco tối 30-8-2005, hình ảnh vua Lê Chiêu Thống ngày xưa cứ hiện mãi trong tôi cho đến tận bây giờ. Cứ như thế này thì bao giờ Việt Nam mới có được dân chủ hờ các anh chị ?

Tuy chưa có tên trong danh sách những người công khai đấu tranh cho dân chủ tại Việt Nam như các anh chị, nhưng từ lâu rồi tôi là một trong nhiều người âm thầm ủng hộ các anh chị, với lòng khát khao dân ta sớm có dân chủ. Thân phận một người đã về hưu, cầu an, dưỡng già cuối đời tại quê nhà như tôi không thể làm gì hơn ngoài sự chia sẻ, lo lắng.

Chúc các anh chị mạnh khỏe, đoàn kết thúc đẩy phong trào dân chủ Việt Nam sớm đến ngày thắng lợi.

Ninh Bình (San Francisco)

LTS : Ông Hoàng Minh Chính không thể bị qui trách vì những người đến đón ông đem theo lá cờ nào. Còn về sức khỏe, ông Hoàng Minh Chính tuổi cao, bệnh nặng như mọi người đều biết. Điều quan trọng là ý chí của ông còn rất mạnh.

8. Xứ Chăm - người Chăm và quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa Chăm - Việt

Lê Văn Hào

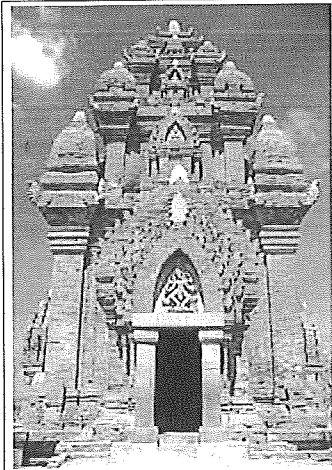
Xin tạm dùng các từ ngữ *xứ Chăm, xứ Hoa, xứ Khmer* để chỉ định những vùng sinh hoạt văn hóa vật chất và tinh thần của ba sắc dân thiểu số ở miền đồng bằng đất nước ta : *người Chăm, người Hoa* và *người Khmer*, nhóm thì sống tập trung, nhóm lại rải rác tùy theo những hoàn cảnh lịch sử và điều kiện địa-văn hóa khác nhau đã diễn ra trong thời gian, không gian Việt Nam xưa nay.

Hãy bắt đầu với sắc tộc và văn hóa Chăm, gắn bó với một vấn đề lý thú là quá trình *giao lưu, tiếp biến văn hóa Chăm-Việt*.

Văn hóa Champa trước đây và môn Champa học ngày nay

Nhờ thành tích nghiên cứu hơn một trăm năm qua của các học giả Pháp, Chăm, Việt từ Parmentier, Maspéro, Stern tới Lafont, Boisselier, Le Bonheur ; từ Po Dharma, Nguyễn Văn Huy (Paris) tới Inrasara, Lương Ninh, Trần Kỳ Phương, Ngô Văn Doanh, Cao Xuân Phổ... (Việt Nam), chúng ta được biết khá nhiều về lịch sử Champa quá đồi truân chuyên, về nền văn hóa Chăm cổ xưa thật rực rỡ, nay trở thành một thành phần xuất sắc đáng tự hào của văn hóa, văn minh Việt Nam đa sắc tộc.

Champa học đã ra đời từ cuối thế kỷ 19 nhờ Học Viện Viễn Đông Pháp (EFEO-Ecole Française d'Extrême-Orient), và gần đây đang là một trong những cái đỉnh của nền Đông phương học qua những hoạt động học thuật quốc tế diễn ra tại Đan Mạch, Malaysia, Pháp, Hoa Kỳ..., qua những xuất bản phẩm của EFEO, của Chương trình Thế giới Mã Lai - Thế giới Đông Dương, qua tập san *Champaka, Nghiên cứu lịch sử và nền văn minh Champa* rất phong phú do International Office of Champa (Hoa Kỳ) và Champa International Arts and Culture



Tháp Po Klong Garai (Ninh Thuận)

Foundation (Canada) đồng bảo trợ và xuất bản cùng lúc tại Paris, Toronto và San Jose từ 1999.

Mới đây nhất là nhiều hoạt động nghệ thuật và học thuật qui mô lớn mà giới văn hóa Pháp dành cho lịch sử và văn hóa Chăm được tổ chức tại Viện bảo tàng quốc gia các nền nghệ thuật Á Đông Guimet ở Paris, từ 12-10-2005 đến 9-1-2006, gồm cuộc triển lãm lớn "*Kho tàng nghệ thuật Việt Nam : nền điêu khắc Champa (từ thế kỷ 5 đến thế kỷ 15)*", nhiều cuộc diễn thuyết khoa học và nghệ thuật, và quan trọng nhất là *Ngày Học Thuật (7-12-2005)* dành cho "*Di Sản Việt Nam : Những Khía Cạnh Của Nền Văn Minh Chăm, 100 Năm Nghiên Cứu và Phát Hiện*", với sự tham dự của nhiều chuyên gia quốc tế, kèm theo nhiều xuất bản phẩm mới về Champa, v.v.



Rồng Makara (thế kỷ 12)

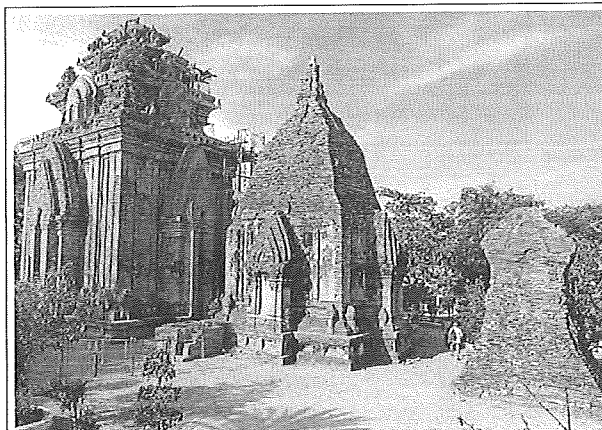
Từ vương quốc Champa xưa tới xứ Chăm ngày nay

Vào khoảng cuối thế kỷ 2 cho đến đầu thế kỷ 19, trên dải đất dài rộng từ Nam Đèo Ngang đến Tây Nguyên và Nam Bình Thuận đã tồn tại một quốc gia gồm nhiều tiểu vương quốc thuộc hai bộ tộc lớn *Cau* và *Dừa* liên hợp lại thành vương quốc Champa với những tên gọi khác nhau qua từng thời kỳ : *Lâm Ấp, Hoàn Vương, Chiêm*

Thành... trên 5 khu vực hành chánh khác nhau từ Bắc tới Nam : *Ulik-Indrapura* (Bình Trị Thiên), *Amavarati* (Quảng

Nam, Quảng Ngãi), *Vijaya* (Bình Định), *Aryaru-Kauthara* (Phú Yên, Khánh Hòa) và *Panduranga* (Ninh Thuận-Bình Thuận).

Trong gần 17 thế kỷ quan hệ giữa hai vương quốc Champa và Đại Việt vô cùng phức tạp : chiến tranh, lấn chiếm, rồi hòa bình, hòa hiếu, sui gia, đồng thuận, rồi lại chiến tranh, đổ nát, điêu tàn... Những hình tượng *Mỵ Ê, Huyền Trân-Chế Mân, Chế Bồng Nga...* còn mãi đó trong ký ức tập thể



Tháp Po Inu Nagar (Khánh Hòa - Nha Trang)

Chăm và Việt, buồn hay vui, cảm thông hay oán hờn trước những biến thiên vô tình, bất nhần, hay phi lý của lịch sử mạnh được yếu thua, may ít rủi nhiều ?

Người Chăm hôm nay, với một số dân trên 100.000 người (3/5 theo Bà La Môn giáo, 2/5 còn lại theo Hồi giáo cải biên), là một sắc dân thiểu số sống tập trung ở hai khu vực : Ninh Thuận-Bình Thuận và An Giang-Châu Đốc. Họ theo lịch Chăm, có chữ viết Chăm mà ngày nay chỉ còn một số người rất ít ỏi có thể đọc được.

Di sản mỹ thuật Chăm còn lại từ văn hóa Champa cổ xưa gồm có :

a. Viện Bào Tàng Điều Khắc Chăm ở Đà Nẵng với gần 400 pho tượng và bức phù điêu tinh tế điêu luyện mà người Pháp đã tập hợp được từ cuối thế kỷ 19-đầu thế kỷ 20, và người Việt đã bổ sung từ sau 1975 từ các vùng như Mỹ Sơn, Đồng Dương, Trà Kiệu, Bình Định, Tháp Mẫm...

b. Những công trình kiến trúc và điêu khắc còn sót lại của *thánh địa Mỹ Sơn* được Unesco tôn vinh là một trong di sản văn hóa thế giới, được Nhật, Pháp, Ba Lan... giúp đỡ trùng tu và tôn tạo.

c. Khoảng 20 nhóm đền tháp còn tương đối đứng vững ở các vùng Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, trong đó đáng chú ý nhất là *Tháp Dơi* ở Phú Yên, *đền tháp Po Inut Nagar* (Tháp Bà) ở Nha Trang, *đền tháp Po Klong Garai* (Tháp Chàm) gần Phan Rang, *tháp Po Rome* và *tháp Po Shanu* gần Phan Thiết là những nhóm đền tháp đẹp, nơi đó ngày nay vẫn diễn ra các nghi thức thờ cúng và sinh hoạt lễ hội đầy nhiệt tình của người Chăm theo Bà La Môn giáo. Còn người Chăm theo Hồi giáo chính thống ở An Giang-Châu Đốc thì có những thánh đường riêng khi họ cử hành những nghi lễ Suk Yương, Ramadan...

Các lễ hội Chăm tổ chức tại những đền tháp ở Nam Trung Bộ vừa kể trên đều là những lễ hội lớn liên quan đến nhiều làng và cả một vùng :

- Lễ *Poh Mbang Yang* (lễ khai mương đắp đập) là nghi lễ mở đầu cho chu kỳ hội lễ hàng năm tổ chức vào



Thần Dvarapara

tháng 11 lịch Chăm để cầu xin thần linh cho phép dân đào kênh, đắp đập, làm mùa;

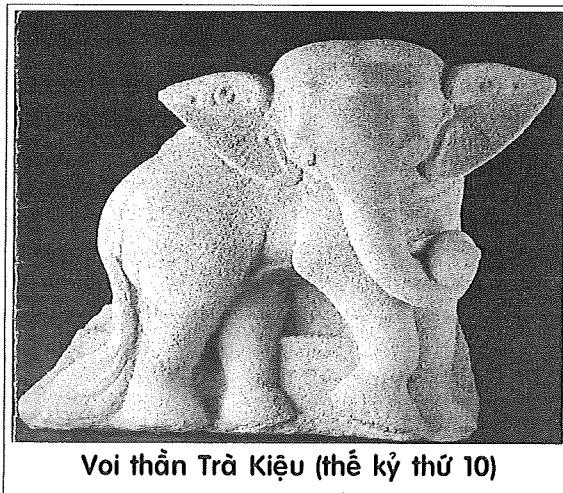
- Lễ *Yor Yang* (hạ điền), lễ *Plao Pasah* (cầu đảo) tổ chức vào tháng 4 lịch Chăm ;

- Lễ *Chabun* là hội lễ thờ cúng, tôn vinh Bà mẹ xứ sở, tức nữ thần Po Inur Nagar diễn ra vào tháng 9 lịch Chăm;

- Quan trọng hơn cả, có qui mô lớn và kéo dài nhiều ngày là lễ hội *Mbang Katê*. Đây là Tết của người Chăm, là dịp để tưởng niệm các vị vua thần Po Rome, Po Klong Garai... để tưởng nhớ chư thần và tổ tiên, được tổ chức vào tháng 7 lịch Chăm.

Còn lại là các nghi lễ nông nghiệp diễn ra theo chu kỳ nông lịch mà người Chăm rất gắn bó : lễ dựng chòi ruộng, lễ cúng lúa đẻ nhánh, lễ cúng lúa làm đồng, lễ thu hoạch lúa chín, lễ mừng lúa mới, lễ chặn nguồn nước, lễ tế trâu... đều là những nghi lễ dân gian trong đó ảnh hưởng tôn giáo không đáng kể.

Một nét đặc sắc của xã hội Chăm ở miền Trung, rất khác với người Việt, là cộng đồng người Chăm theo *chế độ mẫu hệ*, thể hiện cụ thể như sau : huyết thống của con cái đều tính theo dòng mẹ, thừa kế tài sản theo trực hệ bên mẹ. Chế độ ngoại hôn phải thực hiện theo dòng mẹ, nếu vi phạm điều này thì mang tội loạn luân. Người phụ nữ Chăm giữ vai trò chủ động trong tình yêu và hôn nhân, sau hôn lễ phải về cư trú bên nhà vợ. Vai trò và vị trí người phụ nữ

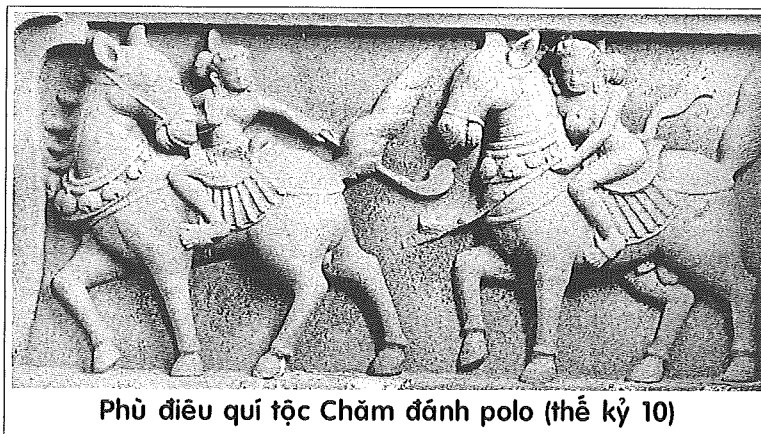


Voi thần Trà Kiệu (thế kỷ thứ 10)

trong xã hội luôn luôn được đề cao và có tính quyết định so với nam giới. Vai trò của ông cậu (anh hoặc em của mẹ) rất lớn đối với mỗi thành viên trong gia đình. Nếu vợ chết mà bên vợ không có người nối kết hôn nhân với chồng (tục "nối nôi", các sắc tộc Tây Nguyên gọi là "chuê nuê") thì

người chồng phải trở về dòng họ mình với hai bàn tay trắng, không con cái, không của cải.

Chế độ mẫu hệ này đã thể hiện lâu đời theo luật tục Chăm. Vào giữa thế kỷ 20, nó đã được một bộ lão Chăm có uy tín trong cộng đồng là cụ Dương Tấn Phát đã đúc kết lại và văn bản hóa thành *Bộ luật Chăm*



Phù điêu quý tộc Chăm đánh polo (thế kỷ 10)

đến nay vẫn còn giữ nguyên giá trị. Có thể nói chế độ mẫu hệ khá đậm nét và chặt chẽ này cộng với sự đoàn kết, cố kết trong dòng họ, làng xóm, cùng với hệ thống tín ngưỡng, nghi lễ, phong tục và hội hè rất bền vững đã tạo nên sức mạnh và sức sống của cộng đồng người Chăm hôm nay.

Quan hệ giao lưu tiếp biến văn hóa Chăm-Việt

Kể từ năm 1069 khi vua Chăm Rudravarman nhường cho Đại Việt phần đất phía Bắc của vùng Ulik-Indrapura (trở thành ba châu Địa Lý, Ma Linh và Bồ Chính) cho đến năm 1692 khi Đại Việt bắt đầu làm chủ vùng đất Panduranga - Champa (sau này trở thành Ninh Thuận, Bình Thuận), người Chăm và người Việt đã chung sống với nhau lâu dài trong nhiều thế kỷ, và lẽ tất nhiên giao lưu tiếp biến văn hóa Chăm-Việt đã diễn ra một cách tốt đẹp.



Phụ nữ Chăm (Ninh Thuận)

đất nước (Phương ngữ học), 1989 ; Bùi Minh Đức, *Tiếng Huế đặc thù*, 1995 ; *Từ điển tiếng Huế*, 2004).

Ngư dân Việt đã tiếp thu tục thờ cúng cá voi (cá Ông của người Chăm), người Việt miền Trung đã kế thừa tín ngưỡng, nghi lễ, lễ hội vinh danh nữ thần Po Inư Nagar, Bà Chúa Xứ này đã trở thành Thánh Mẫu Thiên Y Ana được thờ cúng từ miền Trung (Điện Hòn Chén ở Huế, Tháp Bà ở Nha Trang) cho đến tận Nam Bộ.

Các nhà folklor học (Nguyễn Đồng Chi, Phan Đăng Nhật, Lê Văn Hảo...) đã nhận xét rằng trong kho



Thiếu nữ Chăm đội nước qua đồi cát

tàng truyện cổ Việt Nam có thể tìm thấy hàng chục truyền thuyết, cổ tích Chăm và Việt rất giống nhau về cấu trúc, chủ đề, hình tượng và ý nghĩa : nếu người Việt có truyện Sọ Dừa, Tấm Cám, Thạch Sanh, Bánh chưng bánh dày thì người Chăm cũng có truyện *Sọ Dừa*, *Nàng Cà Diêng*, *Ca Dong* và *Ha Lóc*, *Núi Đá Trắng*, v.v.

Nhạc sĩ Phạm Duy, trong cuốn *Đặc khảo về dân nhạc Việt Nam* (1972) đã phát hiện người Chăm cũng có thể thơ lục bát thịnh hành trong dân ca và ông đã công bố một bài dân ca theo thể thơ lục bát Chăm, gieo vần giống như ở thể thơ lục bát cổ xưa của người Việt (chữ thứ 6 của câu lục vần với chữ thứ 4 của câu bát) :

*Thây mai mưng dềh thây ô
Droh phik kâu lô yom tha urang
Chek tian mưng asit dih đang
Mai hu ka urang oan lô lingik !*

*(Ai đến từ đường kia, ai đó
Đẹp lòng ta hình như một người
Mà ta đã mến yêu từ khi còn ẵm ngửa*

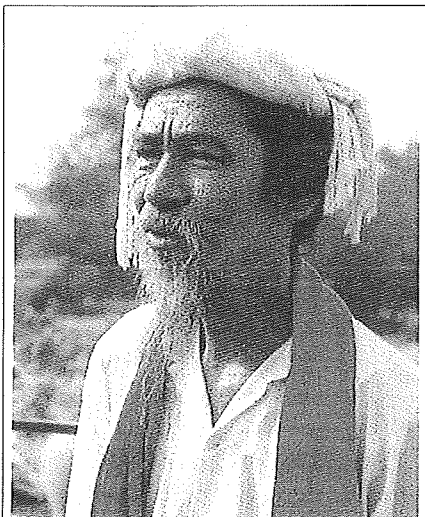
Này đã thuộc về người khác rồi, liếc quá trời ơi !)

Cách đây vài năm, nhà nghiên cứu Champa học Hoa Fatimah, một thành viên của chương trình thế giới Mã Lai - thế giới Đông Dương, trong bài *Ariya Cam-Bini* (trường ca Cam Bini), đã giới thiệu 118 câu thơ trữ tình, cũng dưới dạng lục bát gieo vần giống như ở thể thơ lục bát cổ xưa của người Việt (Tạp chí *Champaka* số 1, 1999).

Một số nhạc sĩ và nhà nhạc học đã ghi nhận sự gần gũi giữa âm nhạc truyền thống Chăm và Việt (Trương Đình Quang, *Sổ tay người sưu tầm dân ca Chăm*, 1977 ; Thụy Loan, *Bước đầu tiếp xúc với âm nhạc Chăm*, 1978 ; Trần



Các thầy cùng Pasêh dưới chân Tháp Chăm (Ninh Thuận)



Thầy cúng đạo Bà La Môn

văn Khê, *Musique du Vietnam*, 1967, 1996).

Hàng chục lần điệu dân ca Chăm được sưu tầm, ghi âm và tàng trữ tại Viện nghiên cứu âm nhạc Việt Nam trong mấy chục năm qua thuộc các thể loại *ariya*, *tọ payao*, *tọ đing*, *tọ atăm tàrà*, *tọ mư yút*, *tọ rathung xa*, *tọ tăm mutai*... đã

thu hút sự chú ý của các nhà nhạc học và folklor học vì sự giống nhau của chúng về mặt giai điệu, tiết tấu, thang âm và điệu thức so với các thể loại *ngâm thơ*, *vè*, *hát ống*, *hò xay lúa*, *hò giã gạo*, *họ chèo thuyền*, *hò đưa linh*, *hát bả trạo*... trong di sản âm nhạc dân gian của người Việt miền Trung.

Sự gần gũi giữa ca nhạc Chăm và ca nhạc Việt truyền thống lại càng sâu sắc hơn nữa khi đem so sánh những tác phẩm đặc sắc nhất của ca nhạc Chăm với nhiều điệu hò, điệu lý Huế, với những bài bản u hoài hay ảo não thuộc điệu Nam hơi xuân, hơi dựng, hơi ai, hơi oán của ca nhạc Huế, đờn Quảng và đờn ca tài tử Nam Bộ : *hò ô*, *hò mái nhì*, *hò mái dẫy*, *lý hoài xuân*, *lý tương tư*, *lý năm canh*, *cổ bản*, *phú lục*, *nam ai*, *nam bình*, *tứ đại oán*, *quả phụ hàm oan*...

Đi vào một ví dụ cụ thể : từ lâu nay tôi vẫn tin rằng vì quá bức xúc trước biến cố Ô Lý - Huyền Trân mà dân gian xứ Huế, xứ Quảng, qua nhạc và lời tuyệt tác của điệu *lý qua đèo* (còn gọi là *lý chiều chiều* hay *lý hoài nam*) đã sử dụng tiếng Việt pha tiếng Chăm để sáng tạo nên hình tượng tuyệt vời của người con gái Việt trong một buổi hoàng hôn có chim kêu vượn hú đã đau đớn rời tổ quốc, vượt Ai Vân về Chiêm Quốc, với nỗi lòng thống thiết đến muôn đời :

*Chiều ơ chiều, chiều ơ chiều,
dắt ơ bạn, dắt ơ bạn
Ơ đèo mà qua đèo, tà là đèo qua đèo,
chim ơ kêu, chim ơ kêu*

*Tình kêu chư bên nớ, úy óa, chi rứa, chi rứa,
úc úc con vượn trèo
Tà là trèo, con vượn trèo, ni bên ni, ơi hời,
con vượn trèo, ni bên ni*

Đi sâu phân tích điệu Nam của thang âm ngũ cung và các sắc thái tình cảm tế nhị và tinh vi của nó là hơi xuân, hơi ai, hơi oán của nhạc cổ điển và dân gian Việt miền Trung, miền Nam, nhà nhạc học đã phát hiện rằng nhạc truyền thống Chăm cũng có thang âm điệu thức và các hơi nhạc tương tự :

Thang âm ngũ cung - Điệu Nam hơi ai (Chăm và Việt) :
Hò - Xự (già) - Xang (non) - Xê - Cống - Liu - Ú (già)

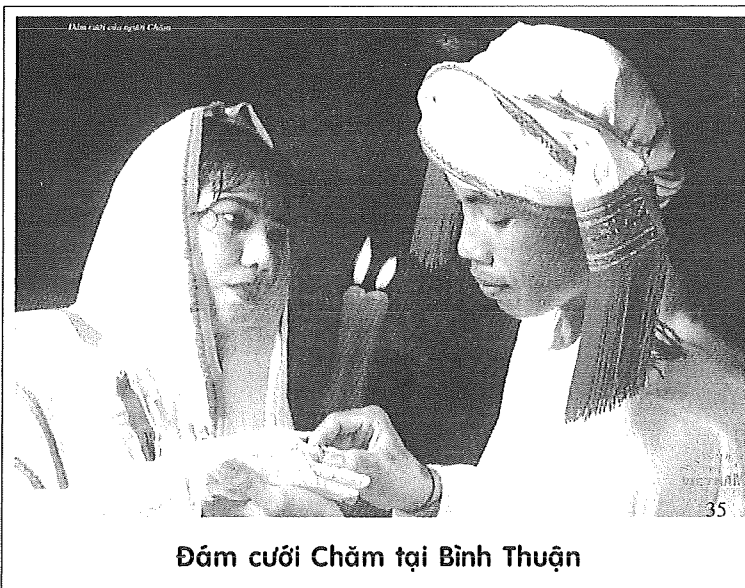
Thang âm ngũ cung - Điệu Nam hơi oán (Chăm và Việt) :
Hò - Xự (non) - Xang (già) - Xê - Cống (non) - Liu - Ú (non)

Cách nay hơn 40 năm, trong một bài báo in trên tạp chí *Bách Khoa*, nhạc sư Trần Văn Khê đã có một đúc kết giàu ấn tượng và hình tượng : "*Nhạc Việt đã nhuộm màu Chăm*".

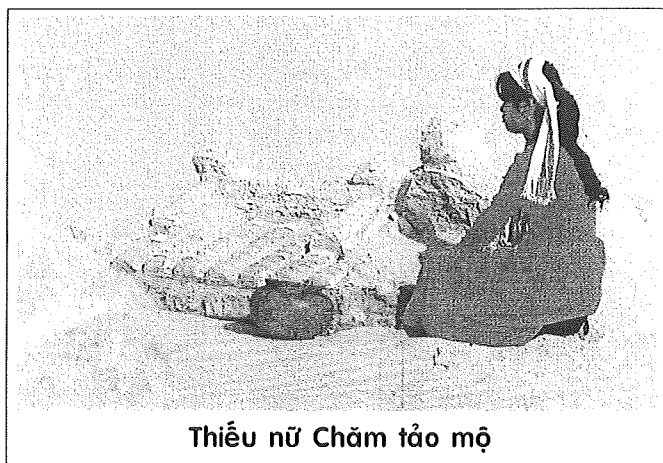
Có thể nói thêm : phương ngữ, địa danh, tín ngưỡng, phong tục, folklor Việt cũng đã nhuộm màu Chăm. Những hiện tượng văn hóa nghệ thuật so sánh trên đây chắc chắn không thể do ngẫu nhiên tình cờ mà có khi sự trùng hợp đã xảy ra nhiều lần trong đời sống tinh thần của hai sắc tộc. Rõ ràng là những bi kịch vô tình của lịch sử đã không cản ngăn được quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa lâu dài và sâu sắc, góp phần đưa đến những sáng tạo cổ điển và dân gian tốt

đẹp từ người Chăm đến người Việt. Điều tốt đẹp ấy sẽ tồn tại mãi.

Lê Văn Hảo (Paris)



Đám cưới Chăm tại Bình Thuận



Thiếu nữ Chăm tảo mộ

ĐỨC : đùng đàng nửa ở nửa đi

Hai tuần lễ trước ngày bầu cử quốc hội 18-9-2005, liên minh Dân Chủ Thiên Chúa Giáo (CDU-CSU) của bà Angela Merkel còn dẫn xa đảng Xã Hội Đức (SPD) của cựu thủ tướng Gerhard Schroeder gần 20% trước các cuộc thăm dò dư luận. Càng đến sát ngày bầu cử, khoảng cách này càng rút ngắn và cuối cùng kết quả là liên minh CDU-CSU chỉ được 35% so với 34% số phiếu của đảng SPD.

Liên minh CDU-CSU được 225 ghế dân biểu, SPD được 222 ghế. Chính trường Đức lâm vào bế tắc vì liên minh CDU-CSU cùng với đồng minh của họ là đảng Tự Do (FPD), được 10% số phiếu, không đủ để thành lập một chính phủ trong khi SPD dân đồng minh của họ là đảng Xanh còn yếu hơn. Trong cuộc bầu cử bổ túc ngày 2-10-2005, liên minh CDU-CSU được thêm một ghế nữa nhưng vẫn còn ở xa mức cần thiết để có đa số. Giải pháp duy nhất là một chính phủ liên hiệp tả hữu.

Phân tích kết quả một cuộc bầu cử bao giờ cũng dễ. Người ta qui trách Angela Merkel đã vụng về trong lúc tranh cử, các yếu nhân CDU-CSU đã tuyên bố vô ý tứ làm mất lòng dân. Các nhà phân tích còn nhận xét sự phân hóa lớn của nước Đức giữa một Tây Đức có truyền thống tư bản với một Đông Đức vừa mới ra khỏi chế độ cộng sản, giữa một miền Bắc Tin Lành và một miền Nam Công Giáo.

Nhưng có lẽ còn có một lý do sâu xa hơn. Hai tháng trước cuộc bầu cử, đảng xã hội SPD đã xuống rất thấp bởi vì đã thất bại hoàn toàn về mặt kinh tế sau 7 năm cầm quyền, người Đức muốn một chính quyền khác và đảng cầm quyền dĩ nhiên là liên minh CDU-CSU của Angela Merkel. Hậu thuẫn của Angela Merkel đã giảm dần sau đó, nhất là vào những ngày cuối không phải vì bà đã tranh cử một cách vụng về. Trái lại bà đã tỏ ra khôn khéo, nhất là đã không bị nuốt chửng như dự đoán trong cuộc tranh luận truyền hình với thủ tướng Schroeder. Các yếu nhân khác của liên minh CDU-CSU cũng không nói gì khác hơn những điều họ vẫn thường nói.

Angela Merkel đã không thắng dứt khoát chỉ vì vào giờ chót người Đức chột lưỡi, không dám đoạn tuyệt với chính sách dân chủ xã hội, tuy đã làm nước Đức suy thoái, nhưng lại bảo đảm những trợ cấp xã hội mà nhiều người Đức sợ mất. Họ cũng lo sợ chính sách kinh tế tư bản thuần túy của Angela Merkel, tuy có lợi cho hoạt động kinh tế, và về lâu về dài có lợi cho đa số nhưng sẽ làm mất đi những bao cấp mà chính sách dân chủ xã hội từ hơn nửa thế kỷ nay đem lại cho họ.

Sẽ có một chính phủ liên hiệp tả hữu và bà Merkel có mọi hy vọng trở thành người phụ nữ đầu tiên làm thủ tướng Đức và một cách quản lý hơi nặng tính thị trường hơn trước, nhưng cũng sẽ không hẳn là một chế độ tư bản kiểu Mỹ. Chính sách dân chủ xã hội tuy đã phai bày sự yếu kém của nó nhưng vẫn là một chính sách nhân bản mà nhiều người

quyến luyến. Đức nói riêng và Tây Âu nói chung sẽ còn phải một vài thập niên nữa mới tiến tới được một sinh hoạt kinh tế tư bản thuần túy thị trường.

PHÁP : một cuộc đình công bình thường ?

THỜI SỰ QUỐC TẾ VÀ VIỆT NAM

Các nghiệp đoàn Pháp tuyên bố từ trước mùa hè là họ sẽ có một ngày hành động (*journée d'action*) vào đầu tháng 10-2005. Trong ngôn ngữ thông thường của Pháp, *journée d'action* có nghĩa là biểu

tình và đình công. Ngày được lựa chọn là 4-10-2005 và hệ thống chuyên chở công cộng sẽ gần như bị tê liệt, nhiều cơ quan và xí nghiệp cũng sẽ gặp khó khăn. Mất mát cho hoạt động kinh tế có thể là hàng tỷ euros, nhưng các nghiệp đoàn bất chấp.

Vì lý do gì giới nhân viên và công nhân Pháp đình công và xuống đường ? Không có lý do cụ thể. Họ chỉ bất mãn, đòi lên lương và giảm số giờ làm việc, một điều mà nước Pháp ngày càng bất lực để thỏa mãn vì kinh tế trì trệ.

Kinh tế Pháp đã trì trệ từ hơn ba năm nay. Tỷ lệ tăng trưởng gần sát số không, tỷ lệ thất nghiệp vượt quá 10% mặc dù đã có nhiều biện pháp "điều giải" để che đậy bớt, thí dụ như ghi tên những người thất nghiệp vào các khóa huấn luyện và tu nghiệp để không coi họ là thất nghiệp, loại bỏ khỏi danh sách thất nghiệp những người lớn tuổi hoặc thất nghiệp lâu dài để đưa họ sang danh sách nhận trợ cấp tối thiểu, v.v. Trước tình thế khó khăn này - và càng khó khăn hơn cho Pháp, và Tây Âu nói chung, trong những ngày sắp tới - do sự cạnh tranh của các nền kinh tế thuần túy thị trường, nếu được hỏi, bất cứ người Pháp nào cũng nói là Pháp cần phải làm thêm nhiều cố gắng, nghĩa là phải thất lưng buộc bụng, hy sinh thêm nữa. Nhưng hành động cụ thể của nhiều nghiệp đoàn, mà tuyệt đại đa số thành viên là công nhân viên chức nhà nước, vẫn là đình công, xuống đường, đòi giảm số giờ làm việc và tăng lương, nhất là đòi nhà nước phải trợ cấp hơn nữa. Một quan niệm lạ lùng về cố gắng !

Càng lạ lùng hơn khi quần chúng Pháp, mặc dầu khổ sở về những cuộc đình công này, cụ thể là không di chuyển được, lại coi những *journées d'action* này là đúng : 75% dân chúng Pháp đồng ý với cuộc đình công ngày 4-10-2005. Không những thế, dư luận Pháp càng tỏ ra khoan dung trước những hành động "côn đồ" của những người biểu tình như chửi bới, ném đá, ném xăng vào lực lượng cảnh sát, đốt xe, đổ phân trước cổng tòa tỉnh trưởng, xông vào đập phá các cửa hàng nhập khẩu hàng nước ngoài, bắt ban giám đốc làm con tin, cướp tàu, ngăn cản khách du hành, chặn đường không cho xe chạy. Càng khó hiểu không kém là trước những hành động hung bạo này, các cấp chính quyền Pháp lại tỏ ra nhân nhượng và chịu lép vế, gần như tất cả những yêu sách của người biểu tình đều được thỏa mãn và rất ít bị chế tài vì những hành vi phá hoại tài sản của công dân hay nhà nước.

Có lẽ nước Pháp đang là nạn nhân của chính mình. Từ sau thế chiến II, giới chính trị gia Pháp, tả cũng như hữu, cố gắng xây dựng cho bằng được một xã hội lý tưởng cho nước Pháp, trong đó không một công dân nào bị bỏ rơi hay sống trong thiếu thốn. Khuôn mẫu này ngày nay đang phá sản vì quá tốn kém và không mang lại hiệu quả mong muốn. Nhưng tâm lý ỷ lại vào nhà nước để giải quyết những khó khăn cho mình của người Pháp không thể một sớm mà chiều bị dẹp bỏ.

THỔ NHĨ KỲ trong phòng đợi Liên Hiệp Châu Âu

Ngày 4-10-2005, Liên Hiệp Châu Âu đã chính thức bắt đầu cuộc hiệp thương về việc Thổ (Turkey) gia nhập Liên Hiệp. Cuộc hiệp thương này đã mở đầu một cách khó khăn vì nước Áo đòi phải có một giải pháp thay thế cho việc kết nạp, nói cách khác là phải dự trù một công thức hợp tác trong trường Liên Hiệp Châu Âu không thể kết nạp Thổ làm thành viên. Nhưng Thổ lại không muốn nghe nói đến giải pháp kết hợp mà cho rằng như thế là mở cửa cho khả năng Liên Hiệp Châu Âu không kết nạp Thổ. Chính phủ Thổ cho rằng họ đã làm rất nhiều cố gắng trong gần một nửa thế kỷ qua, đã đóng góp rất nhiều cho an ninh của Tây Âu trong thời kỳ chiến tranh lạnh và như thế đủ tư cách để gia nhập Liên Hiệp Châu Âu. Thổ cũng nhắc lại những lời hứa của Tây Âu từ trước.

Bắt đầu hiệp thương không có nghĩa là Thổ sẽ được kết nạp nhanh chóng. Có lẽ còn phải đợi thêm một thập niên nữa trước khi được trở thành một nước châu Âu.

Lãnh thổ của Thổ chỉ có một phần rất nhỏ thuộc vùng đất vẫn thường được gọi là châu Âu, phần lớn ở châu Á. Việc kết nạp Thổ có nghĩa là châu Âu được mở rộng, đây là một lợi điểm, bù lại nó cũng là một lập luận cho những người chống lại việc kết nạp này. Cựu tổng thống Pháp Giscard d'Estaing nói Thổ không phải là một nước châu Âu, nhiều người cũng đồng ý với ông.

Một đặc điểm khác là Thổ là một nước Hồi giáo. Tùy theo cách nhìn mà đây là một lợi điểm hay không. Có người cho đó là một cơ may để châu Âu mở cửa về phía Hồi giáo, ngược lại có người cho rằng Thổ là một nước không cùng văn hóa Thiên Chúa giáo với châu Âu.

Còn hai vấn đề nữa sẽ rất gai góc trong cuộc hiệp thương này. Vấn đề gay go nhất là việc Liên Hiệp Châu Âu bắt buộc Thổ phải nhìn nhận Cộng Hòa Cyprus (đảo Síp), một thành viên của Liên Hiệp Châu Âu. Đây là một hòn đảo nằm kế cận Thổ nhưng đa số dân cư lại là người Hy Lạp. Năm 1974, sau khi nhóm quân đội thân Hy Lạp nắm chính quyền, Thổ cho quân đổ bộ lên đảo này, chiếm đóng một phần đảo và hỗ trợ người Thổ tại đây ly khai. Công nhận Cộng Hòa Cyprus có nghĩa là Thổ sẽ phải chấp nhận thống nhất đảo này dưới một chính quyền đại bộ nằm trong tay người gốc Hy Lạp. Điều này dư luận Thổ chưa sẵn sàng.

Vấn đề khó khăn khác là có khuynh hướng tại châu Âu đòi Thổ nhận trách nhiệm đã tàn sát hàng triệu người

Armenia trong thế chiến I, điều này Thổ cũng chưa sẵn sàng. Đường vào Liên Hiệp Châu Âu của Thổ vẫn còn nhiều trở ngại.

Thổ có 70 triệu dân, đứng hàng thứ 15 trên thế giới về dân số, ngay sau Việt Nam (đứng hạng 13 với 82 triệu dân) và Philippines. Tuy là một nước Hồi giáo nhưng Thổ có một chế độ dứt khoát thế quyền, phân biệt tôn giáo với chính quyền từ sau cuộc cách mạng của Mustafa Kemal năm 1923. Dân Thổ phần lớn là người di dân từ Mông Cổ tới hồi đầu công nguyên. Thổ cũng có nhiều liên hệ lịch sử với châu Âu. Dân Thổ cho tới thế kỷ thứ 8 vẫn còn theo Thiên Chúa giáo, thủ đô của đế quốc La Mã phương Đông theo Cơ Đốc Chính Thống đặt tại Istanbul. Họ trở thành Hồi giáo sau khi bị quân Hồi giáo đánh chiếm và dần dần lại trở thành đế quốc thống trị khối Hồi giáo. Đế quốc Ottoman của Thổ đã xâm lăng và chiếm đóng nhiều phần đất của châu Âu và còn tồn tại đến thế chiến I.

Một cột mốc lịch sử : năm 1923, khi quân Thổ hạ được thành Constantinople (đổi tên thành Istanbul), thủ đô của đế quốc La Mã phương Đông, được coi là năm kết thúc của thời kỳ thường được gọi là Trung Cổ.

BA LAN cánh hữu thắng lớn

Đảng Xã Hội (SLD) của những đảng viên cộng sản tiến bộ, do tổng thống Kwasniewski lãnh đạo, cầm quyền từ 10 năm qua, đã chỉ được 11% trong cuộc bầu cử quốc hội ngày 25-9-2005 vừa qua. Ba Lan quẹo hẳn qua tay mặt.

Cánh hữu Ba Lan đã thắng lớn, dù không đoàn kết. Đảng Pháp Luật và Công Lý (PiS) được gần 27%, đảng Cương Lĩnh Công Dân (PO) được 24%, đảng Liên Minh Các Gia Đình Ba Lan được 8%. Phần còn lại là các đảng nhỏ của nông dân hoặc các nhóm thuộc Công Đoàn Đoàn Kết trước đây.

Cả hai đảng vừa thắng lớn, PiS và PO, đều xuất phát từ Công Đoàn Đoàn Kết. Họ sẽ liên hiệp với nhau để thành lập chính phủ. Ông Kazimierz Marcinkiewicz, một kinh tế gia 46 tuổi thuộc đảng PiS đã được chỉ định làm thủ tướng, dù không phải là lãnh tụ đảng này. Lãnh tụ PiS là hai anh em sinh đôi Jaroslaw và Lech Kaczynski. Lech Kaczynski cũng là thị trưởng Warszawa và sẽ là ứng cử viên tổng thống của đảng trong cuộc bầu cử cuối tháng 10 này. Người ta chờ đợi Jaroslaw Kaczynski làm thủ tướng nhưng phút chót ông đã từ chối để khỏi gây thiệt hại cho người anh em song thai Lech. Ba Lan khó có thể chấp nhận hai anh em sinh đôi vừa làm tổng thống vừa làm thủ tướng cùng một lúc.

Điều hơi bất ngờ trong cuộc bầu cử này là đảng PiS, một đảng cánh hữu hơi có khuynh hướng xã hội, đã thắng chứ không phải chỉ là đảng xã hội cầm quyền đã thua lớn. Đảng Xã Hội đã bị quá nhiều tai tiếng sau nhiều vụ tham nhũng, hơn nữa sau 10 năm cầm quyền đảng này đã làm Ba Lan kiệt quệ về kinh tế, mức thất nghiệp lên tới 18%. Có những cuộc thăm dò dư luận trước đó cho đảng xã hội không quá 10%.

Điều làm giới kinh doanh thất vọng là đảng Cương Lĩnh

Công Dân (PO) đã chỉ được 24%, thua đảng PiS gần 3%. PO là một đảng chủ trương kinh tế tự do toàn diện theo khuôn mẫu Hoa Kỳ, nó còn đi xa hơn, đề nghị một mức thuế đồng đều 15%. Đảng PiS, một mặt bắt đầu vận động trước và tổ chức tranh cử một cách rất tích cực, một mặt đề cao liên đới xã hội (khẩu hiệu : "để trẻ em thiếu ăn là mối nhục").

Tuy vậy hơn thua giữa hai đảng cánh hữu vừa là đồng minh vừa là đối thủ này chưa ngã ngũ. Họ sẽ còn đụng độ nhau trong cuộc bầu cử tổng thống cuối tháng 10 này. Chức vụ tổng thống rất quan trọng trong chế độ Ba Lan vì tổng thống được bầu qua phổ thông đầu phiếu và được đặc quyền về ba lãnh vực : quốc phòng, nội vụ và ngoại giao.

Việc Jaroslaw Kaczynski hy sinh không làm thủ tướng có thể giúp người anh em song thai Lech đắc cử, nhưng chưa có gì là chắc chắn. Lãnh tụ đảng PO tự do, Donald Tusk là một đối thủ rất lợi hại vì rất có sức quyến rũ. Hơn nữa Lech Kaczynski sẽ còn có thể gặp trở ngại với một Lech khác : Lech Walesa, lãnh tụ lịch sử của nước Ba Lan dân chủ. Walesa cho hay ông có thể sẽ ra ứng cử tổng thống. Nếu quả như vậy thì ông sẽ gây thiệt hại cho Lech Kaczynski vì lập trường chính trị của hai người gần nhau.

Nhắc lại, đảng cộng sản Ba Lan trước áp lực của dư luận thế giới và nhân dân Ba Lan đã nhượng bộ từ bỏ độc quyền chính trị vào tháng 4-1989. Công Đoàn Đoàn Kết do Lech Walesa lãnh đạo toàn thắng. Năm sau, Walesa trở thành tổng thống. Tuy nhiên nhà đấu tranh dân chủ lỗi lạc này đã mau chóng tỏ ra là một tổng thống tồi dở và bị phản đối ngay trong nội bộ đảng mình. Năm 1995 ông bị một cựu đảng viên cộng sản Ba Lan, Alexander Kwasniewski đánh bại trong cuộc bầu cử tổng thống. Năm 1999 Walesa lại ra ứng cử tổng thống một lần nữa và lần này không được tới 5%. Kwasniewski thắng lớn, nhưng từ đó đảng Xã Hội của ông ngày càng tỏ ra bất lực và tham nhũng, và mất hết uy tín.

AL QUEDA

lại khủng bố tại Indonesia

Ba vụ nổ bom tự sát đã xảy ra gần như cùng một lúc tại hai bờ biển du lịch trên đảo Bali, thuộc Indonesia. Cuộc kiểm tra đầu tiên cho biết có 27 người chết và gần 100 người khác bị thương. Cảnh sát Indonesia cho rằng đây là một cuộc tấn công của tổ chức Jamaah Islamiyah, một chi nhánh của tổ chức khủng bố toàn cầu Al Qaeda.

Việc ba vụ nổ bom diễn ra cùng một lúc được coi như là chữ ký của Al Qaeda. Kỹ thuật của bọn khủng bố này là luôn luôn tấn công cùng một lúc ở nhiều nơi, như đã xảy ra tại Mỹ, Espana, Maroc, London và Iraq.

Một trong những cuộc đánh bom này diễn ra trong một quán ăn với nhiều du khách và gây thiệt hại nhân mạng lớn. Một máy thu hình của tiệm ăn còn ghi được hình ảnh của tên khủng bố ngay trước khi hắn cho nổ trái bom mang trong túi đeo trên lưng.

Cảnh sát Indonesia đã bắt được hai người bị tình nghi là tham gia tổ chức cuộc khủng bố và đang truy lùng hai

thủ lĩnh của tổ chức Jamaah Islamiyah.

Sau Mỹ, và dĩ nhiên là sau Iraq, Indonesia là nước bị Al Qaeda tấn công nhiều nhất, và cũng là nước khó diệt trừ khủng bố nhất bởi vì quốc gia này có trên 30.000 đảo lớn nhỏ và trên rất nhiều đảo chưa có kiểm tra dân số. Việc kiểm soát cư dân cũng như sự lui tới của bọn khủng bố hầu như không thực hiện được.

TRUNG QUỐC :

ai thực sự điều khiển quân đội ?

Theo cơ cấu tổ chức đảng và quân đội Trung Quốc, vị tổng tư lệnh tối cao của quân đội thường là chủ tịch quân ủy trung ương, hiện nay là Hồ Cẩm Đào. Nhưng trong cuộc diễn tập quân sự hỗn hợp giữa quân đội Nga và Trung Quốc tại Vladivostok và quần khu Tế Nam trên bán đảo Sơn Đông hồi cuối tháng 8-2005, chủ tịch nhà nước kiêm chủ tịch đảng kiêm chủ tịch quân ủy trung ương Hồ Cẩm Đào không có mặt.

Cuộc tập trận này là một sự kiện chưa từng xảy ra khi Nga và Trung Quốc còn là hai quốc gia lãnh đạo khối cộng sản anh em từ 1949 đến 1960. Đây là một thử nghiệm khả năng hợp tác chiến lược giữa hai quân đội khi có biến.

Theo giới quan sát viên quốc tế, Nga nhắm hai mục đích : một là thử nghiệm khả năng phòng thủ của hải lục không quân của mình trên vùng Viễn Đông, nơi có thể xảy ra những cuộc tranh chấp lớn giữa Trung Quốc, Bắc Triều Tiên, Nhật Bản, Đại Hàn và Mỹ ; hai là muốn đề cao những loại vũ khí điện tử cao cấp đã hoặc đang muốn bán cho Trung Quốc trong một cuộc chiến tranh hiện đại.

Về phía Trung Quốc, giới lãnh đạo quân sự cũng nhắm hai mục đích : một là đe dọa Nhật Bản trong cuộc tranh chấp nguồn khí đốt dưới Hoàng Hải và Đài Loan trên Biển Đông khi tuyên bố độc lập ; hai là thách nghiệm khả năng chiến đấu của hải lục không quân trong một cuộc chiến tranh hiện đại với những loại vũ khí mới nhất vừa mới mua của Nga (tàu ngầm, tàu chiến, oanh tạc cơ chiến lược, v.v.) để bảo vệ khu vực biên giới phía Đông-Bắc.

Trong cuộc tập trận qui mô giữa hải lục không quân Trung Quốc trên đảo Đại Hồ, tỉnh Quảng Đông, ngày 22-9 vừa qua cũng thế, Hồ Cẩm Đào cũng không có mặt. Từ khi nhậm chức chủ tịch quân ủy trung ương, Hồ Cẩm Đào chỉ đi thăm vài ba nơi như Hội nghị xây dựng bộ tổng tư lệnh, lực lượng quân sự tại Mã Cao, quần khu Tế Nam. Có một cái gì đó không bình thường. Ai là người thực sự lãnh đạo quân đội Trung Quốc ?

Trước kia, năm 1981, ngay khi vừa nhậm chức chủ tịch đảng và quân ủy trung ương, Đặng Tiểu Bình đã cùng Hồ Diệu Bang tham dự cuộc diễn tập quân sự Hoa Bắc tại Trương Gia Khẩu, Nội Mông. Giang Trạch Dân cũng thế, ngay khi vừa nhậm chức chủ tịch quân ủy trung ương tháng 9-1991, đã chủ tọa cuộc diễn tập quân sự tại Trường huấn luyện Tiên Sơn, thuộc quần khu Bắc Kinh. Từ 1991 đến 1993, Giang Trạch Dân đã thị sát 90 lần các quần khu trên toàn quốc. Ngay trước khi nhường chức chủ tịch quân ủy trung ương cho Hồ Cẩm Đào, Giang Trạch Dân cũng đã

chủ tọa nhiều cuộc diễn tập quân sự cao cấp khác tại Tiêu Sơn (Bắc Kinh), Thảo Nguyên (Nội Mông), Hoàng Hải (Sơn Đông). Điều này cho thấy Hồ Cẩm Đào hoặc chưa nắm được quân đội, hoặc không quan tâm đến quân đội vì bị coi là xuất thân từ giới chuyên viên. Nhiều nguồn tin cho biết Giang Trạch Dân vẫn tiếp tục "nhiếp chính" quân đội Trung Quốc, với sự hỗ trợ của các tướng xuất thân từ Sơn Đông; cuộc tranh chấp quyền lực giữa nhóm Thượng Hải và Bắc Kinh vẫn chưa ngã ngũ vì chia chác quyền lợi chưa được đồng đều.

Nhưng có một lý do đáng lo ngại hơn nhiều là nạn sử quân. Hiện nay mỗi tổng tư lệnh quân khu là một lãnh chúa địa phương, bất chấp chính quyền trung ương hay quân ủy trung ương. Quân đội của mỗi quân khu được quyền kinh tài để nuôi quân khu mình đôi khi bất chấp các lệnh đến từ trung ương, nhất là trong các lãnh vực du lịch và giải trí. Chính nhờ thu được những khoảng tiền lớn, mỗi quân khu tranh nhau mua sắm và trang bị những loại vũ khí tối tân nhất cho mình, giàu nhất là những quân khu Hoa Nam và vùng ven biển, có số doanh lợi cao nhất.

Người ta lo sợ nếu quyền lãnh đạo các địa phương do các tướng lĩnh này nắm giữ, thì chiến tranh với Đài Loan hay với Nhật là điều khó tránh. Chẳng hạn hồi đầu năm 2005, Lưu Chấn Ân, trung tướng tư lệnh lực lượng không quân chiến lược, kêu gọi người Trung Quốc nổi lên chống Nhật, ảnh hưởng trầm trọng đến quan hệ Trung-Nhật, mà không hề bị một khiển trách nào. Gần đây hơn, một thiếu tướng chiến tranh chính trị của quân khu Quảng Châu kêu gọi tấn công Đài Loan bằng quân sự, kể cả bằng vũ khí nguyên tử bất chấp phản ứng của Hoa Kỳ và dư luận quốc tế, cũng không bị một chế tài nào. Những cuộc diễn tập quân sự cũng thế. Cuộc diễn tập quân sự hỗn hợp ngày 22-9-2005 trên đảo Đại Hồ, ngoài khơi cửa sông Dương Giang, do quân khu Quảng Châu đề xướng, nhằm tiến chiếm hai đảo Kim Môn, Mã Tổ.

Cũng nên biết từ 1996 đến nay, quân khu Nam Kinh cũng đã nhiều lần tổ chức các cuộc tập trận đổ bộ lên đảo Đông Sơn ngoài khơi Phúc Kiến, để chuẩn bị đổ bộ lên đảo Đài Loan. Với những loại vũ khí hiện đại vừa mua của Nga, hai quân khu Tế Nam và Quảng Châu cũng muốn giải quyết "vấn đề Đài Loan" theo ý mình bất chấp trung ương. Nhiều quân khu khác đang có những kế hoạch kết hợp với các quân khu lân cận để chia sẻ quyền lợi trên Biển Đông, đặc biệt là quân khu Hải Nam muốn tiến chiếm các quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa bằng quân sự để khai thác tài nguyên dưới đáy biển và khu vực đánh cá trong vịnh Bắc Bộ.

BẢNG XẾP HẠNG về năng lực cạnh tranh trên thế giới

Theo bản xếp hạng về cạnh tranh trên thế giới được tạp chí *Financial Times*, công bố ngày 28-9-2005, đứng đầu là Phần Lan (1), kế là Hoa Kỳ (2), sau đó là các quốc gia Bắc Âu: Thụy Điển (3), Iceland (7), Na Uy (9), trong tổng số 117 quốc gia được liệt kê.

Đứng đầu các quốc gia trong Liên Hiệp Châu Âu là Đan Mạch (4), Hòa Lan (11), Anh (13), Đức (15), Tây Ban Nha (29), Pháp là quốc gia bị tụt nặng xa nhất, hạng 30, so với các quốc gia khác trong Liên Hiệp Châu Âu.

Đứng đầu các quốc gia châu Á là Đài Loan (5), Singapore (6), Nhật Bản (12), Nam Hàn (17), Mã Lai (24), Thái Lan (36), Trung Quốc (49); Ấn Độ (50), Indonesia (74), Philippines (77), Việt Nam (81), Campuchia (112). Lào và Miến Điện (Myanmar) không có tên trong bản xếp hạng này.

Bản xếp hạng này do Diễn đàn Kinh Tế Thế Giới (World Economic Forum), phát hành tại Genève, Thụy Sĩ, thực hiện hàng năm từ 26 năm qua, dựa trên ý kiến khảo sát của hơn 11.000 chủ doanh nghiệp lớn nhất của 117 quốc gia tham gia. Diễn đàn này cũng thường xuyên công bố những kết quả về các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh của từng quốc gia được khảo sát.

VIỆT NAM : ảnh hưởng của cơn bão Damrey

Chưa bao giờ nhiều cơn bão dữ dội từ ngoài khơi Thái Bình Dương ập vào đất liền và gây thiệt hại nhân mạng và tài sản lớn như năm nay. Ngày 6-9-2005 bão Nabi đã ập vào vùng bờ biển phía nam nước Nhật làm 27 người chết và mất tích, 140 người bị thương và hơn 300.000 người phải sơ tán. Ngày 25-9, bão Saola thổi vào đảo Honshu gây nhiều thiệt hại lớn về tài sản. Ngày 24-9 bão Damrey (Con Voi, theo tiếng Khmer) xuất phát từ vùng biển phía bắc Philippines, thổi qua đảo Hải Nam, Quảng Đông, miền Bắc Việt Nam, Lào và vùng đông-bắc Thái Lan làm 117 người thiệt mạng.

Riêng tại Việt Nam, bão Damrey (bão số 7) gây thiệt hại nhân mạng nhiều nhất: 63 người, nặng nhất là tại Yên Bái (51 người) và Nghệ An (6 người), một tang tóc lớn cho mọi người Việt Nam. Hàng chục ngàn ngôi nhà, trường học và cơ sở công cộng bị phá sập và gần như toàn bộ mùa màng cùng với đàn gia súc đều bị phá hủy. Hệ thống giao thông gần như bị cắt đứt, nước sông tràn lên cuốn đi tất cả những gì ở hai bên bờ sông. Hệ thống điện, nước đều bị hư hại. Các chính quyền địa phương đã đưa hơn 25.000 bộ đội đi tản hơn 300.000 người sinh sống trong vùng bão sang nơi khác. Nguy hiểm nhất là cơn bão này đã làm hư hại một số đê điều dọc những con sông lớn tại miền Bắc, tình trạng vỡ đê có thể xảy ra nếu không tu bổ kịp thời.

Do thiếu tiếp tế, nhiều mặt hàng thực phẩm đã bắt đầu khan hiếm, và được bán với giá khá cao. Vì hiếm hàng, cảnh chen lấn, giành giật để mua thực phẩm diễn ra hàng ngày, đôi khi đã xảy ra ẩu đả. Một bó rau muống giá 3.000 VND (giá bình thường khoảng 1.500 VND). Giá một số mặt hàng hải sản, nhất là cá và tôm đông lạnh, cũng tăng lên nhanh chóng, từ 15 đến 20%.

Hiện nay chính quyền và một số hội đoàn thiện nguyện quốc tế đang điều nghiên kế hoạch giúp đỡ những nạn nhân bão lụt. Mọi giúp đỡ những nạn nhân bão lụt tại Việt Nam đều được hoan nghênh. Quý ân nhân có thể liên lạc

và gởi tiền đến các tổ chức nhân đạo quốc tế nơi cư ngụ như Médecins du Monde, section Asie-Vietnam, 1 Place du Griffon, 69001 Lyon hay 62 rue du Marcadet, 75018 Paris ; Sourires d'Enfants, 2 Place d'Avril, 38000 Grenoble. Hiện nay Việt Nam chưa có hội đoàn nhân đạo và tôn giáo được chính thức hoạt động để có thể chính thức nhận sự giúp đỡ của quốc tế và cộng đồng người Việt hải ngoại.

DÂN BIỂU LORETTA SANCHEZ và dự luật HR415

Dân biểu Loretta Sanchez thông báo trong một cuộc họp báo ngày 27-9-2005 là sẽ trình quốc hội Mỹ một dự luật yêu cầu chính phủ Mỹ làm áp lực buộc chính quyền Việt Nam trả lại những tài sản của các công dân Mỹ gốc Việt đã bị nhà cầm quyền cộng sản tịch thu. Dự luật này mang tên là HR415.

Dự luật này có nhiều triển vọng được thông qua. Bà Sanchez (thuộc đảng dân chủ) cho hay là bà được hậu thuẫn của các dân biểu thuộc cả hai đảng Dân Chủ và Cộng Hòa. Điều này rất dễ hiểu vì người Mỹ coi xâm phạm tài sản là điều không thể chấp nhận. Sau khi các chế độ cộng sản sụp đổ tại Đông Âu, quốc hội Mỹ luôn luôn biểu quyết thuận với đa số áp đảo những đạo luật tương tự với các nước Đông Âu và các chính quyền hậu cộng sản.

Nhưng nếu dự luật này được thông qua như có thể tiên đoán thì nó sẽ tạo ra một tình trạng rất phức tạp tại Việt Nam. Sau năm 1975 đã có hàng triệu người rời Việt Nam ra nước ngoài, nhà đất của họ trong đại đa số các trường hợp bị nhà cầm quyền cộng sản tịch thu và cấp phát cho đảng viên và cán bộ nhà nước.

Đối với những người còn ở lại Việt Nam, chính quyền cộng sản cũng đã gây áp lực, có khi bắt buộc, để họ rời thành phố về nông thôn, hay đi các vùng kinh tế mới, sau đó tịch thu nhà đất của họ tại các thành phố. Trong đợt cải tạo tư sản, được gọi bằng một cụm từ dữ tợn là "đánh tư sản mại bản", họ còn bắt giam và tịch thu tài sản của những người giàu có.

Mặt khác, cũng có những "chuyển nhượng tự nguyện" giả tạo, trong đó các cán bộ cao cấp đòi những người có nhà cửa "tự nguyện" biếu cho họ hoặc cho nhà nước để sau đó được nhà nước cấp phát giấy tờ ra đi.

Vấn đề phức tạp ở chỗ sau đó các nhà và đất này đã được chuyển nhượng rất nhiều lần nên trong đại bộ phận các sở hữu chủ hiện nay là những người thực sự bỏ tiền ra mua. Ngoài ra, phần lớn nhiều nhà đã bị phá hủy để xây cất lại, những miếng đất đã hoặc chia ra thành nhiều lô, bán cho nhiều người, hoặc tập trung lại với nhau nên không còn giống với quyền sở hữu lúc ban đầu.

TÂN TẠO MỘ PHẦN nhà khoa bảng đầu tiên tại Việt Nam

Ngày 16-9-2005 (12 tháng 8 Ất Dậu), cựu đại tá và sử gia Phạm Quế Dương đã cùng với tiến sĩ Nguyễn Thanh

Giang đến dự lễ giỗ và trùng tu lần thứ hai ngôi mộ cụ Lê Văn Thịnh tại làng Đình Tổ, xã Bảo Cữu, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

Cụ Lê Văn Thịnh sinh năm 1050 và đỗ thủ khoa kỳ thi hương đầu tiên tại Việt Nam được tổ chức dưới thời nhà Lý. Số phận kẻ sĩ dưới chế độ quân chủ vốn bấp bênh nên năm 1096 cụ bị án oan, bị cách chức và lưu đầy rồi mất.

Năm 1995, Phạm Quế Dương trong lúc đi khảo cứu đã tình cờ tìm thấy ngôi mộ của cụ bị bỏ hoang. Phạm Quế Dương đã vận động sự giúp đỡ của thân hữu để xây lại ngôi mộ này. Vì không còn người trông coi ngôi mộ lại dần dần bị hoang phế. Đây là lần thứ hai ngôi mộ được trùng tu.

Ngày 23-9 vừa qua, Phạm Quế Dương và Trần Khuê cũng tham gia lễ giỗ và trùng tu ngôi mộ của bà Nguyễn Thị Lộ, vợ kế của Nguyễn Trãi, cũng bị án oan và bị tru di tam tộc cùng với Nguyễn Trãi.

Điều đặc biệt đáng nói là những người dân chủ Việt Nam đang gian lao cũng hầu như là những người duy nhất còn tỏ ra tha thiết với di sản văn hóa dân tộc.

NGUYỄN VŨ BÌNH một ngày gạch đậm để ghi nhớ

Ngày 25-9-2005 là ngày thứ 1.095 (ba năm chẵn) của Nguyễn Vũ Bình ở trong tù. Cũng như Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình cương quyết từ chối không viết "kiểm điểm" tức là nhận tội, nên vẫn bị biệt giam, cô lập với quần thể trại tù và thế giới bên ngoài.

Biện pháp bắt buộc viết kiểm điểm kèm với trừng phạt biệt giam và cùm kẹp để làm áp lực chính là những hình phạt tra tấn cả thể chất với tinh thần trong chế độ "tẩy não" của mô hình khủng bố cưỡng chế Mao-Staline mà nhà nước cộng sản đã sử dụng ở Việt Nam hơn 60 năm nay.

Khi nào chính sách bạo lực đàn áp với những hình phạt tra tấn như thế còn tồn tại, những vụ bắt giam và xử án bịa đặt "gián điệp", "lợi dụng dân chủ", còn tiếp diễn, thì mọi tuyên bố khoa trương về đổi mới, về tự do dân chủ, tất cả những "sách trắng" về tiến bộ nhân quyền, những lời cam kết của nhà nước, với chữ ký trên những thỏa ước quốc tế điển hình là Tuyên Ngôn Nhân Quyền của Liên Hiệp Quốc, vẫn chỉ là những trò lừa dối không có tính thuyết phục và không qua mặt được ai. Chính vì thế chính phủ Mỹ vẫn liệt kê Việt Nam trong danh sách những chế độ vi phạm nhân quyền, đàn áp tôn giáo.

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên cùng với các tổ chức Ân xá Quốc Tế (Amnesty International), Theo Dõi Nhân Quyền (Human Rights Watch), Phóng Viên Không Biên Giới (Reporters San Frontières) và công luận khắp nơi, yêu cầu chính quyền cộng sản Việt Nam trả tự do ngay tức khắc cho hai chiến sĩ dân chủ Nguyễn Vũ Bình và Phạm Hồng Sơn, cùng với chiến sĩ tranh đấu cho công bằng xã hội Nguyễn Khắc Toàn.

ĐỌC VÀ CỔ ĐỘNG THÔNG LUẬN

Bí mật

Hắn là một mẫu mực của loại người được gọi là mánh mung, hoạt đầu. Hắn thông minh và hoạt bát nhưng không có nhu cầu phải biết chính xác đến nơi đến chốn một cái gì bao giờ. Hắn không cần biết mà chỉ cần người khác nghĩ là hắn biết. Lặn độn lấm mới qua được tú tài, hắn bỏ học giữa năm thứ nhất trường Luật Sài Gòn, rồi đi làm đủ thứ nghề, dạy Việt văn cho các lớp luyện thi, viết báo, có lúc làm lái heo, có lúc buôn lậu đồ quân tiếp vụ, có lúc chạy mối hoãn quân dịch, nhưng coi bộ rất vất vả.

Ngày 30-4-1975 có thể là đen tối nhất đối với nhiều người, nhưng đối với hắn nó lại là một cơ may nghìn năm một thuở. Hắn may mắn chạy được và trở thành một gương mặt đấu tranh lớn tại hải ngoại. Hắn viết nhiều bài báo kêu gọi các tổ chức ngồi lại với nhau để giải trừ chế độ cộng sản, hắn xuất hiện trong các ban tổ chức ngày quốc hận 30-4 và được biết tới như là một giáo sư, tốt nghiệp trường Luật Sài Gòn, đã tham gia ở cấp lãnh đạo một chính đảng lớn. Rồi một hôm hắn đến rủ tôi gia nhập Tổ Chức Thống Nhất Người Việt Ưu Tú, gọi tắt là Ưu Việt, do hắn thành lập. Hắn giải thích :

- Mà y đừng lo, tao sẽ không làm phiền mà y đâu. Làm gì có việc thành lập một tổ chức, tao đâu có ngu. Mà y thử nhìn các tổ chức xem. Bỏ công bỏ của hàng chục năm trời cũng chỉ quy tụ được một hai chục mống là nhiều. Tao đâu có ngu gì mà đâm đầu vào cái ngõ cụt đó. Tao chỉ lập một tổ chức cho có lệ để kêu gọi các tổ chức ngồi lại với nhau trong một liên minh và tao sẽ nắm liên minh đó. Vậy là tao không vất vả mà nắm được cả quần hùng. Mà y sẽ không phải làm gì cả, vì làm gì có tổ chức !

Hắn mời tôi và một cặp vợ chồng khác tới dùng cơm, rồi phong cho anh chàng kia làm phó chủ tịch, tôi làm tổng thư ký. Hắn viết báo giới thiệu tôi là "đồng chí Sông Đáy", người dân chủ bất khuất, đã từng tranh đấu gian lao ngay trong nước sau khi cộng sản cưỡng chiếm miền Nam. Sự thực thì tôi có gian lao thực, nhưng là để buôn lậu thuốc tây tại chợ Tân Bình kiếm tiền sinh sống và vượt biên.

Quả đúng như dự định, hắn được bầu làm điều hợp viên của "Liên minh Các Lực Lượng Việt Nam Tự Do Thống Nhất". Điều không vui lắm là liên minh này không kết hợp được tất cả mọi tổ chức như hắn mong đợi, hơn nữa, các tổ chức mà hắn quy tụ được chỉ ngồi lại với nhau chứ không làm được gì với nhau. Tất cả đều rất thành khẩn kêu gọi mọi người xóa bỏ mọi bất đồng ý kiến bằng cách bỏ ý kiến của họ và theo ý kiến của mình, cuối cùng chỉ ngồi lại để cãi nhau.

Rồi tôi được tin là hắn bị cảnh sát Mỹ bắt. Hắn ra tuyên ngôn là cảnh sát Mỹ đã điều tra hắn sau khi cộng sản viết thư nặc danh vu cáo hắn. Hắn coi đây là một

MỤC LỤC

1. Mỏ thức Trung Quốc *Thông Luận*
2. Trung tâm phát sinh những nguồn dịch bệnh lớn *Nguyễn Minh*
3. Trôi dạt *Nguyễn Gia Kiểng*
5. Nhân sự, cuộc đấu đá giành ngôi thứ đã khởi đầu *Bùi Tín*
8. Trả tự do cho Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, Nguyễn Khắc Toàn *Nguyễn Văn Hiệp*
10. Ý thức cá nhân *Khiêm*
13. Hoạt động "dân chủ thống nhất" của ông Hoàng Minh Chính *Nguyễn Văn Thạch*
14. Cộng đồng người Khmer tại miền Nam *Nguyễn Văn Huy*
19. Chinh phụ ngâm *Phó Tịnh*
22. Chợ trời dân chủ *Minh Bình*
23. Xứ Chăm, người Chăm *Lê Văn Hào*
27. Thời sự quốc tế và Việt Nam
32. Bí mật *Đáy*

thủ đoạn của cộng sản nhằm triệt hạ một đối thủ lợi hại. Ít lâu sau câu chuyện đổ bể ra là hắn đã bị bắt vì một lý do rất khác. Hắn nuôi một con chó con, con chó lớn lên và chạy long nhong, cần phải thiến. Thay vì đưa nó tới thú y, hắn cho là có thể giải quyết lấy vấn đề một cách gọn nhẹ bằng phương pháp Đỗ Mười. Hắn mài dao cho sắc dè con chó ra thẻo. Con chó kêu lên thảm thiết, hàng xóm báo cảnh sát, hắn bị bắt, bị phạt vạ và tù treo do đơn thưa của hội bảo vệ súc vật. Thế là cái liên minh của hắn tiêu tan. Ít lâu sau tôi đọc báo chợ thấy hắn tuyên bố tổ chức Ưu Việt rút vào hoạt động bí mật, một số thành viên về nước hoạt động. Hắn nói có phần đúng, vợ chồng anh phó chủ tịch rủ nhau về Việt Nam sinh sống vì với lương hưu của cả hai họ sống rất thoải mái. Hoạt động chính của họ là tứ sắc.

Đã mấy năm rồi không thấy hắn quây gì nữa. Hôm nay chúng tôi lại ngồi lại với nhau trong tiệc cưới con gái một người bạn. Tôi hỏi hắn hồi này hoạt động ra sao. Hắn đáp :

- Tao rút vào hoạt động bí mật.